

K. N. AN-TAI-XKI

XI-ÔN-CÔP-XKI

KỂ CHUYỆN



TẬP HAI

KIM ĐỒNG

M. L. Hồng

K. N. AN-TAI-XKI

Chàng

XI-ÔN-CỐP-XKI

KÈ CHUYỆN

TẬP II

XUÂN THU dịch

Bìa và minh họa của XUÂN HỒNG

k. 1977.
Mehin

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG — HÀ NỘI 1976

Biên tập : VIẾT LINH
Trình bày : THY NGỌC
Sửa bài : ĐẶNG MINH

*In 120.300 cuốn tại Nhà máy in Sài Gòn Ấn Quán - Thành phố
Hồ Chí Minh - Khổ 12 x 19 - Số XB 63/KĐ. Xong ngày 15-10-1976
Gửi lưu chiểu tháng 10-1976*

« VƯỜN BÁCH THÚ »

Nếu muốn kể lại tỉ mỉ câu chuyện của Xi-ôn-cốp-xki về trò chơi « vườn bách thú » thì có lẽ tôi sẽ mắc phải một sai lầm không tha thứ được. Vì khiếm tốn, nhiều tình tiết ông không kể hết, cố né tránh không nhắc tới vai trò của mình. Nhưng rõ ràng, người đầu trò chính là Xi-ôn-cốp-xki.

Câu chuyện diễn ra như sau :

... Xan-ca thường có tính hay phá ngang. Khi bị bọn trẻ ném quả bóng vào gáy, cậu ta liền nổi khùng và quát to

— Tao không chơi nữa.

Thế là trò đấu bóng bị phá đám, nhưng còn những hai giờ nữa mới đến bữa cơm chiều. Làm gì bây giờ được ? Bọn trẻ bu lấy Cô-xchi-a .

— Bọn trẻ trò gì khác đi, Cô-xchi-a !

Nói mới để chứ : bọn đi ! Rất may là bên cạnh kho để củi mái bằng vẫn còn đóng mìn cửa. Cô-xchi-a liền bọn ra trò chơi « máy bay mui trần ». Bọn trẻ trèo lên nóc kho và tưởng tượng là chúng đang bay trên chiếc máy bay mui trần. Cô-xchi-a thông báo cho những nhà phi hành biết con tàu đang bay ở đâu :

— Các bạn chú ý dưới chân chúng ta là đại dương mênh mông. Có lẽ đây là Ấn Độ Dương. Nước biển xanh biếc. Các bạn trông kìa ! Biết bao

nhiều đảo san hô. Đẹp chưa kia ! Mặt đại dương
gợn sóng. Biết bao nhiêu loại chim đủ màu sắc.
Minh đang nhìn thấy một con thuyền. Một con
thuyền dài, hẹp, mái chèo cũng rất dài. Ai ở trong
thuyền ấy ? Có lẽ là những người đi tìm ngọc trai.
Da của họ màu nâu và được láng một lớp dầu
dừa. Họ đang lặn xuống đáy biển và mang lên
những con trai khổng lồ. Một trăm con không
ruột, nhưng con thứ một trăm linh một lại có
ngọc trai.

Một phút im lặng. Bọn trẻ sợ không dám
động đậy. Tất cả đều đang chờ cái gì sẽ xảy ra
tiếp theo. Chúng tin rằng chúng đang bay, còn
Cô-xchi-a thì đang nhìn thấy những người đi săn
ngọc trai.

Sau đó chúng bay qua châu Úc, nhìn thấy
những con chuột túi (1) màu xám, những cây lá
nhọn, những hồ nước trong vắt với những nàng
thiên nga trắng hoặc đen đang giỡn nước. Nhưng
trò chơi cũng không thể thiếu được phần việc
của các nhân viên trong đoàn phải làm. Cô-xchi-a
nheo mắt và thông báo :

— Thật khổ chưa ! Các bạn nhìn kia. Gần túp
lều nhỏ có một người đàn bà da đen đang cho
con ăn cơm, nhưng từ bụi cây có một con sói
đang tiến về phía bà ta. Nó sắp sửa vồ em bé kia !...
— Cô-xchi-a quát to — Cáp cứu !

Bọn trẻ nhảy từ mái nhà xuống đồng mùn چرا
âm ướt. Không ai bị sây sát, nhưng rơi vào hố

(1) Loài thú có túi ở trước bụng, sống ở châu Úc.

rác, cũng chẳng thú vị cho lắm... Bọn trẻ la lối, hắt hơi, cười sặc sụa... Tóm lại, mỗi đứa mỗi kiểu.

Rất tiếc là đồng mùn cửa còn phải dùng để sửa tường nhà bếp, cho nên trò « máy bay mũi trần » phải tạm dừng. Cô-xchi-a biết rằng cả em I-gơ-na-sa của cậu, cả anh bạn hàng xóm Pé-chi-a và bọn trẻ khác sẽ không chịu ngồi yên. Họ sẽ đòi một trò chơi mới.

Xan-ca không còn giữ quẻ trong lúc chơi nữa và bọn trẻ cũng bỏ qua hành động phá bĩnh vừa qua của nó, nhưng chơi bóng mãi cũng chán. Cần phải thay đổi món ăn, như ông bố thường nói. Điều đó không phải đơn giản. Tất nhiên, cái đầu không thể rộng tuếch như ruột bóng cao su được.

Cách đó không lâu Cô-xchi-a đã mở quả bóng xanh đỏ để xem xem có cái gì trong ruột không. Chẳng có cái gì ở đó cả. Cậu bị mẹ ca cầm và bị gọi là đứa trẻ hiếu kỳ. Còn anh Ô-xi-a thì cho cậu ba cái cốc vào trán nẩy đom đóm mắt.

Nghĩ ra một trò gì bây giờ được nhỉ? Có thể chơi trò « cá » hoặc « cá sấu » đấy. Nhưng muốn thế lại phải ra sông hay ra hồ, mà bây giờ đã muộn rồi. Hay chơi trò « chim » vậy. Trò này không thể thiếu ở được. Tất nhiên, chỉ cần nói một tiếng là bọn trẻ sẽ về nhà đem đến ngay thôi, nhưng chắc chắn không tránh khỏi những cái bộp tai. Như thế không ổn!

Các bạn đang nóng lòng chờ đợi. Chúng đã tỏ vẻ hờn giận đối với Cô-xchi-a. Làm sao mãi! Nó có thể nghĩ ra trò chơi đấy, nhưng còn chờ người ta phải van nài cơ!

Bọn trẻ thường chòng ghẹo nhau, chúng còn nghĩ đủ thứ tên lóng. Đây, chúng gọi Vô-lốt-ca là « Xeu-ba ». Thế nghĩa là gì, chẳng ai hiểu cả. Có lẽ chẳng có hàm ý gì xấu trong đó cả, nhưng dù sao cũng bực mình khi đũa nào cũng gọi « Xeu-ba, Xeu-ba » !

Cô-xchi-a bắt gặp cái nhìn nhạo báng của Pé-chi-a Be-lò-pôn-xki. Đây, coi chừng không khéo hẳn lại nghĩ ra một cái tên quỷ quái gì đó cho mà xem. Bọn trẻ sẽ làm cho cái tên ấy bảm lầy như nhựa, dùng hòng lấy dao mà cạo sạch được.

Cô-xchi-a nhớ lại một trường hợp xảy ra cách đây không lâu. Pé-chi-a và anh Va-xi-a của nó cùng với Cô-xchi-a và I-gơ-na-sa chui vào vườn phúc bồn tử của người ta. Tất nhiên bọn trẻ nhà Xi-ôn-cốp-xki và Be-lò-pôn-xki không thèm thuồng gì phúc bồn tử, nhưng dù sao cái của ăn cắp được vẫn có vẻ ngon hơn.

Bọn chúng chén phúc bồn tử chín mọng ngay trên cành. Bàn tay loang lổ nước phúc bồn tử. Bọn kẻ cắp thiếu kinh nghiệm, quá say sưa hại quả quên tất cả mọi sự xung quanh. Mãi đến khi tiếng chó sủa đã ở kề bên, bọn chúng mới nhảy xuống và bỏ chạy về phía bờ rào. Khi người ta vội, mọi chuyện đều có thể xảy ra. Đũa nào cũng muốn chui trước. Đứng ở hiện sau, ông chủ nhận biết được từng đũa. Nửa tiếng đồng hồ sau, người ta đã mách với nhà Xi-ôn-cốp-xki và Be-lò-pôn-xki rằng lũ con trai của họ đã làm một vụ đột nhập giữa ban ngày. Ông Be-lò-pôn-xki nghiêm khắc quát cho hai đũa con một trau như tử. Còn Cô-xchi-a và I-gơ-na-sa phải úp mặt vào tường hẳn

một giờ. Trước khi trở lại phòng làm việc, ông bố nhìn lên chiếc đồng hồ treo tường và cảnh cáo kẻ phạm tội :

— Đứng đúng một giờ, không kém một phút. Tao sẽ trị cho chúng mày khỏi hẳn cái bệnh ăn cắp trái cây.

Một giờ trôi qua quá chậm chạp. Pè-chi-a trèo lên cây bạch dương, ngó vào cửa sổ nhà Xi-ôn-cốp-xki. Nó nhìn thấy tất cả. Cảnh tượng thật buồn cười.

Nó tự khoe :

— Mình với Xan-ca bị một trận đòn nên thân.

— Trận đòn thì ăn thua gì ! — Cò-xchi-a trả lời một cách khảng định. — Đánh các cậu thì khác gì nước đổ đầu vịt. Bây giờ các cậu có thể đi chơi, nhưng chúng mình thì còn phải úp mặt vào tường những bốn mươi hai phút nữa cơ.

— Còn sướng hơn là quỳ trên sỏi. — Pè-chi-a an ủi. — Quỳ trên sỏi khổ hơn nhiều.

— Cậu có xuống ngay đi không ? — Cò-xchi-a khuyên bạn, — Kéo bố cậu mà trông thấy thì lại bị trận đòn nữa bây giờ.

Pè-chi-a từ từ tut xuống. Còn anh em Cò-xchi-a vẫn phải chờ từng phút cho hết hạn một tiếng đồng hồ.

Bây giờ thì Cò-xchi-a tin chắc rằng : Pè-chi-a sẽ chọn cho cậu một cái tên lóng tẹt hại cho mà xem.

Bi thật ! Bỗng cậu nảy ra một ý nghĩ. Nếu không chơi được trò « cá » và « chim » thì tại sao lại không làm trò « thú vật » ? Đôi mắt nâu sẫm của Cò-xchi-a như sáng lên, theo thói quen, nó cảm

thấy bên tai trái nóng ran. Ủ, đúng rồi! Nếu biến tất cả bọn nó thành thú vật thì sẽ có một vườn bách thú.

Đã có chín đừa tập hợp ở kia rồi, cả mình nữa là mười. Một vườn thú không đến nỗi nghèo nàn lắm!

— Sao, Cô-xchi-a, liệu đến sáng mai có nghĩ ra được trò chơi nào khác không?—Pê-chi-a hỏi kháy và đưa mắt nhìn bọn trẻ.

— Tại sao lại sáng mai?—Cô-xchi-a hài hước cắt ngang.—Minh đã nghĩ ra rồi, nhưng sợ các cậu sẽ phản ứng thôi. Các cậu đã đọc truyện của Brém (1) chưa?

— Tại sao lại liên quan đến Brém?—Pê-chi-a nổi nóng.— Cậu đừng bịa, nói đi...

Trò chơi hấp dẫn ngay từ đầu. Đầu tiên là cuộc cãi vã xem ai sẽ làm con gì. I-gơ-na-sa nhanh nhẩu hơn cả:

— Minh sẽ làm chó sói!

Pê-chi-a cướp lời.

— Còn mình là cáo!

Va-xi-a Be-lô-pôn-xki tuyên bố:

— Minh làm ngựa lùn Mu-xtăng! (2)

Xa-ca ngồi ngoảnh ra đằng sau, hẳn thích đóng vai chó sói, nhưng hơi muộn mất rồi. Biết điều đó, Cô-xchi-a gỡ bí.

— Xa-nhi-a, cậu nà làm trâu thì thật là tuyệt!

(1) An-phơ-rét Brém (1829 - 1884): nhà sinh vật học nổi tiếng, người Đức.

(2) Một loại ngựa rừng, trước đây có nhiều ở vùng Bắc Mỹ, nhưng đến nay đã bị diệt chủng.

Bọn trẻ nhanh chóng đóng vai của mình : sư tử, chó sói, gấu, dê rừng, voi... Cô-xchi-a chọn cho mình vai mèo rừng. Bọn trẻ đang chờ hiệu lệnh.

Cô-xchi-a giải thích :

— Chúng ta đang ở trong vườn bách thú. Mỗi người có tiếng nói của mình. Ví dụ, mình sẽ kêu meo meo, I-gơ-na-sa sẽ rú lên. Còn Pê-chi-a, cậu là cáo, cậu sẽ phải kêu như cáo. Ngựa Mu-xtăng thì phải hí ; trâu thì rống, sư tử thì gầm ; dê rừng thì be... Ngoài ra, mình sẽ ra lệnh : cái gì sẽ xảy ra ở trong vườn bách thú, còn các cậu thì kêu to lên theo vai trò của mình. Khi mình kêu : « Bách thú, cháy to ». Tất cả chúng mình sẽ chạy đến vùng đất bị cháy. Đây là rừng của chúng ta. Ai đến rừng trước, lần chơi sau sẽ làm chủ vườn bách thú. Rõ cả chưa ?

Mọi người đồng ý, trừ Xan-ca, cậu tỏ ra bướng bỉnh :

— Chúng mình còn chưa chạy đến rừng mà Cô-xchi-a đã là chủ bách thú rồi.

Pê-chi-a phản đối ngay :

— Cậu lại định phá bình phải không? Coi chừng, A-lếch-xan-đơ. Không có trâu, bách thú vẫn là bách thú. Không có loài có sừng có khi lại hay hơn là đặng khác.

Xan-ca đành nghe theo.

Cô-xchi-a vỗ tay :

— Bách thú ngủ! — Cậu bé đặt tay lên má, ngày khò khò.

Cả chín đứa khác đều bắt chước cậu. Tất cả đều ngủ theo kiểu riêng của mình... Có lẽ người ngoài đứng nghe chắc phải bật cười.

— Giờ cho súc vật ăn! — Cô-xchi-a quát và lớn tiếng kêu meo meo.

Đường phố buổi chiều hồng vang lên những tiếng kêu lạ kỳ: tiếng chó sủa, tiếng trâu rống, tiếng chó sói hú...

Bọn trẻ ra sức gào lên. Một số nhà phải mở cửa sổ ra nhìn. Ở ngôi nhà cạnh đó, một người đàn ông gầy gò, mặc áo gi-lê xuất hiện ở bậc tam cấp. Ông ta nghiêm khắc hỏi:

— Chúng mày làm gì thế? Điên rồi sao? Có muốn tao gọi cảnh sát đến không?

Nhưng « những con vật » không nghe thấy gì cả. Chúng vẫn tiếp tục kêu la, nhất là chó sói. Nó hú kêu như xé tai.

Người mặc áo gi-lê lui vào trong nhà, sau đó giận dữ xuất hiện trong bộ com-lê. Một lần nữa, lại nghe thấy đủ loại giọng thú vật. Ông đi vào góc phố.

Cô-xchi-a tuyên bố:

— Người ta đã chuyển Mu-xtăng sang một ngăn mới!

Tất cả đều im lặng. Va-xi-a không lúng túng. Nó giậm chân xuống đất và hí rầm lên.

— Trẻ con chòng gheo báo!

Mu-xtăng im bật. Báo cũng đứng im ít phút. Sau đó hấn lắc đầu giống như đang muốn xua đuổi lũ ruồi nặng bu trên mình, và giận dữ gầm lên thành tiếng.

Cô-xchi-a báo hiệu:

— Người ta gọi nước lên mình cáo!

Pê-chi-a làm bộ lúng túng, đáng thương. Hấn giậm chân giống như đang bị những thùng nước

lạnh xối xả phun vào người cáo. Hãn kêu the the và thỉnh thoảng lại rú lên từng hồi. Pê-chi-a thể hiện rất giống sự lúng túng và giận dữ của chàng cáo.

Từ phía góc phố xuất hiện một người chống gậy. Đi cạnh ông ta là viên cảnh sát.

Cô-xchi-a nhận ngay ra họ, liền ra lệnh :

— Bách thú chạy ! Hãy tự cứu lấy mình !

Tất cả lao về khu đất trống. Viên cảnh sát huýt còi, nhưng bọn trẻ chỉ còn là những cái bóng thấp thoáng ở tận phía cuối đường phố. Viên cảnh sát cũng chẳng muốn rượt theo bọn chúng làm gì. Hãn lột mũ, lau mồ hôi trán.

— Tôi nghĩ rằng chúng sẽ im thời. Trẻ con mà ! Biết làm gì chúng bây giờ ?

Người đàn ông cầu nhau một lúc rồi bỏ về nhà mình. Viên cảnh sát đưa mắt tiễn ông ta và thông thả quay trở lại đồn.

Pê-chi-a là người đầu tiên về đến đích. Theo luật chơi, nó sẽ trở thành ông chủ vườn thú. Nhưng nó chưa kịp nắm quyền thì người nhà Belô-pôn-xki đã tới và bắt Pê-chi-a và Va-xi-a phải về nhà ngay lập tức. Cô-xchi-a và I-gơ-na-sa cũng chậm chạp bước theo.

— Thế nào, anh đã nghĩ ra trò chơi gì khác chưa ? — I-gơ-na-sa buồn rầu hỏi, hơi có vẻ ghen tị với ông anh trán rộng.

Cô-xchi-a không biết trả lời ra sao. Đề phá tan sự im lặng, cậu mơ màng nói :

— Hay là sáng sớm mai, anh em ta kéo nhau ra sông Ô-ca tắm đến trưa hãy về.

Bà mẹ đang cho hai anh em ở bậc tam cấp .
- - Các con mãi chơi ở đâu mà về muộn thế ?
I-gơ-na-sa kéo dài giọng tru lên theo kiểu sói,
còn Cô-xchi-a thì cất tiếng kêu meo meo.

Ma-ri-a chăm chú ngắm nhìn hai cậu con trai.

I-gơ-na-sa tự nhẩm

- Con làm chó sói !

-- Còn con là mèo rừng.

— Ngày càng quá quắt... — Bà mẹ thở dài.

— Đây là trò chơi mới của anh Cô-xchi-a đấy
mẹ ạ. — I-gơ-na-sa nói cho mẹ yên lòng.

Ma-ri-a I-va-nốp-na lắc đầu, miệng tủm tỉm
cười.

CHIM CU

Đây là những gì mà Xi-ôn-cốp-xki nhớ lại về
ngày cuối cùng học với mẹ ở nhà.

— Mẹ chúc mừng con, Cô-xchi-a. — Gặp
quyền bài tập toán lại, Ma-ri-a I-va-nốp-na nói. —
Con đã đủ trình độ đến trường. Thôi từ hôm nay
mẹ cho con nghỉ hè. Bây giờ con được phép đi
chơi. Tuy, có thể đi vào rừng hoặc ra cánh đồng.
Nhớ hái hoa về cho mẹ nhé !

Cô-xchi-a khoan khoái bước ra khỏi nhà. Trời
trong xanh, lá non mơn mớn, vào rừng thì thú vị
biết mấy.

Vào buổi sáng đẹp trời này, cậu bé muốn tất cả mọi người đều vui sướng như chính cậu, cả bà già qua đường, cả hai cậu bé chân đất đang chơi với con chó cụp tai, cả người thợ chữa kính đang làm việc ở nhà bên cạnh.

Cô-xchi-a vào rừng bạch dương như trở lại ngôi nhà thân thuộc của mình. Bây giờ lá non xanh đã phủ kín những cành bạch dương yếu ớt. Cây nào cũng nở đầy hoa. Một mùi thơm thoang thoảng. Chú thằn lằn xanh đang nằm vắt ngang một con đường nhỏ. Cô gõ kiến đang mổ mổ vào thân cây. Gần đầu đây tiếng chim cu vang vọng.

Cậu bé lầm bầm:

— Chim cu, chim cu, tao sống được bao nhiêu tuổi?

Đếm đến hơn hai mươi, cậu bé nhăm lung tung và lần đầu tiên cậu nhìn thấy chim cu. Chú chim đậu trên cành bạch dương, lông óng mượt, cổ hơi dài. Cậu bé đứng im không động đậy, sợ động làm chim bay đi mất.

Cậu bé đứng như vậy có lẽ đã một phút, mà cũng có thể là hai phút. Bỗng nhiên, một tiếng súng nổ xé tai ngay bên cạnh. Con chim chập choạng bay làm cậu bé tưởng nó bị trúng đạn, sẽ rơi xuống ngay gần đó.

Nhưng có lẽ chim chỉ bị dính một vài mảnh nên hơi lao đảo một chút. Nó còn bay được khá nhanh, chỉ hơi nghiêng về bên trái. Vương cành cây, nó không bay được xa, buộc phải đỗ lại trên cành sồi cách đó chừng dăm chục bước.

Cô-xchi-a nhác thấy từ phía gốc thông sần sùi lộ ra một cậu bé vóc người nhỏ nhắn, tóc nâu,

đôi mắt ti hí, lạnh lùng, mặc một chiếc áo dạ hơi rộng. Khẩu súng trong tay hắn còn đang bốc khói. Nét mặt hắn lộ rõ vẻ tức giận. Hắn cúi vì đã bắn trượt.

Không để ý đến có người, hắn đến núp sau gốc sồi, chỗ chim cu đậu.

Lo thay cho con chim, Cô-xchi-a quát.

— Không được bắn !

Gã nọ nhanh nhen giương súng và tiếng nổ thứ hai, to và dài, lại vang lên.

Con chim cu vụt bay lên và đỗ lại trên cành hoàng diệp liễu cách đó dăm thước. Nó chẳng còn sức để bay xa hơn.

Cô-xchi-a vẫn thường cho rằng : săn bắn các loài chim biết hát là vi phạm thô bạo luật pháp, là sự thoá mạ, nhất là vào những ngày tháng sáu đẹp trời như thế này. Cậu bé không hiểu nổi tại sao mình lại cảm thấy tức giận như vậy. Không nghĩ ngợi gì thêm, Cô-xchi-a nhảy bổ tới gã nọ, tay lăm lăm hai nắm dăm.

— Không được bắn ! — Cô-xchi-a nhắc lại, cậu cảm thấy như có cái gì chẹn ở ngang cổ.

Cậu bé mắt nhỏ trừng mắt nhìn Cô-xchi-a và dẫn giọng nói như người lớn

— Đừng có nhúng mũi vào việc người khác khi người ta không yêu cầu.

Và hắn lại tiến đến gần phía chim cu — Cô-xchi-a đuổi kịp hắn, túm lấy vai, không cho hắn ngắm.

Hắn ta cúi kinh quát

— Này, đừng đùa !



— Không được bôn!

Cô-xchi-a không sợ. Cậu ôm chầm lấy gã nọ. Vứt khẩu súng xuống đất, hắn ta giờ nắm đấm dọa Cô-xchi-a.

— Máy có biết cái này là cái gì không ?

Bất ngờ đối với cả chính mình, Cô-xchi-a đá cho hắn một cái ngã lăn quay.

Không để ý đến hắn, Cô-xchi-a cố ý vỗ tay và quát to để báo động cho chim bay đi. Nhưng chim vẫn đậu ở đó khiến cho gã đi săn càng ngạc nhiên. Hắn vờ lấy khẩu súng, nạp đạn và ngắm bắn. Cô-xchi-a không kịp cản. Tiếng nổ lại vang lên. Lòng chim rơi lá tả, nhưng chim vẫn chưa chết. Nó lảo đảo bay thêm mấy thước nữa và đậu lại trên cành bạch dương. Tuy bị thương nhưng chim vẫn cố gượng. Thấy thế, gã đi săn càng thêm tức giận. Hắn mau lẹ nạp đạn và tiến lại gần, bắn thêm một phát nữa. Con chim lộn nhào xuống bụi cây gần đó.

— Thế chứ ! — Hắn thốt lên và lao ngay đến chỗ chim rơi.

Nhưng chú chim gáy vẫn còn sống. Nó vụt bay lên ngay trước mũi kẻ thù và lần này nó sà xuống một cành cây thấp nhưng khoảng cách xa hơn lần trước.

Cô-xchi-a ngắm nhìn những giọt máu đọng trên đám cỏ non xanh và những chiếc lông chim màu xám. Không nghĩ ngợi gì, cậu bé nhảy xổ tới kẻ sát hại chim cu, làm cả hai ngã giúi xuống cỏ. Chúng vừa thở hồn hèn vừa vật lộn trên bãi cỏ và la lối om sòm. Quá tức giận, gã nọ cắn vào tay Cô-xchi-a :

— À, mày cần tao đấy à ? — Cậu bé phẫn nộ và dùng hết sức đâm lại địch thủ.

Giảng co, đánh nhau với gã đi săn gầy yếu, cậu bé vẫn có một điều canh cánh bên lòng : « Người ta không ăn thịt chim cu (1), lông chim cu chẳng làm gì được cả, thế mà hấn bắn chim cu không hiểu để làm gì ? Đồ dè tiện ! Thằng dã man ! »

Cuộc ẩu đả chấm dứt cũng bất ngờ như khi bắt đầu. Hai đứa trẻ mệt lử, thở hổn hển.

Cô-xchi-a nhìn lên cây bạch dương, nơi mới đây chú chim cu còn đậu. Bây giờ không còn nữa. Cậu bé thở dài. Anh chàng đi săn hiểu ngay ra đầu đuôi câu chuyện, liếc mắt nhìn lên chỗ chim cu vừa đậu, vẻ tức giận :

— Đồ chuột đồng !

Sau đó, hấn nhặt súng, vội vã chuồn thẳng. Hơn một tiếng đồng hồ, Cô-xchi-a lang thang trong rừng với nỗi buồn day dứt. Không hiểu chú chim cu bị thương kia có sống nổi hay không. Đi mãi, nhưng cậu bé chẳng thấy lại con chim đáng thương ấy nữa. Đám mây dày đặc đã che khuất mặt trời. Cô-xchi-a cảm thấy buồn buồn và quyết định trở về nhà. « Lần đầu tiên trong đời mình nhìn thấy chim cu, thì lại... »

Không rẽ vào phòng ăn, Cô-xchi-a trèo lên gác xép. Ở đó cậu bé có một « xưởng máy » riêng. Trong đó có sẵn ngang những đồ chơi làm bằng gỗ và bìa các-tông do bác Cô-li-a tặng : nào cối xay

(1) Ở một số nước châu Âu, người ta không ăn thịt chim cu và chim bồ câu.

gỗ, nào xe kéo ba ngựa, trên ghế dài còn có cả chiếc kéo cũ và lọ kec dán. Cô-xchi-a lại loay hoay chữa đồng hồ. Đây là chiếc đồng hồ thứ chín hay thứ mười gì đó của Cô-xchi-a, nhưng rõ ràng là còn lâu cái mới có thể làm được theo đúng mẫu của bác Cô-li-a. Tất cả những chiếc đồng hồ đó đều treo trên tường, giống như đồng hồ thật. Mặt số của chúng cũng lấp lánh, lại có cả hình vẽ con chim cu màu xanh giống như con chim mà gã đi săn nọ định bắn chết một cách vô lương tâm...

NÚI TUYẾT

— Tôi rất mê trượt tuyết! — Xi-ôn-cốp-xki thở dài khi chúng tôi đi men dưới chân núi tuyết và nhìn thấy bọn trẻ lao từ trên núi xuống. — Vào những buổi gió rit bên tai, tuyết rơi vào mắt mà được bay từ trên núi xuống thì thật là tuyệt! Trượt trên xe tuyết và xe băng cũng có cái gì giống như bay trong không khí.

Hồi gia đình tôi sống ở Ri-a-dan, nhà tôi có đào một cái giếng ở giữa sân. Khi chưa có nước, bọn trẻ chúng tôi thường nhảy xuống đáy. Hơi sợ một chút, nhưng chúng tôi lại cho mình là những bác anh hùng.

Cạnh giếng có một đồng cát khá to. Mùa đông thì đồng cát đó trở thành một núi tuyết nhỏ. Hằng

ngày tôi trượt tuyết ở đó, chẳng hề để ý đến những vết sưng tím đầy người.

Tôi nhớ đến một núi tuyết khác to hơn. Tuy không dốc lắm nhưng sườn núi khá dài và dễ trượt. Mùa đông thì thật là tuyết! Tuyết nhiều. Không có gió. Kề cũng hơi lạnh, nhưng vẫn chịu nổi. Tôi có chiếc xe trượt khá nhẹ, có vành sắt ở đầu. Cũng vào khoảng này, mỗi lần trượt từ trên núi xuống tôi tự nhủ: đây là lần cuối, nhưng sau đó lại muốn trượt nữa. Mũi lạnh cứng, hai má đỏ ửng, chân tê buốt, nhưng tôi vẫn cảm thấy không hề gì. Trượt một lúc là khỏi lạnh ngay. Mẹ tôi sai I-gơ-na-sa đi tìm tôi.

— Về ngay, kéo lẫn quay ra bây giờ!

Nhưng sau đó tôi vẫn tìm cách trèo lên núi một lần nữa. Buổi chiều hôm đó thật là tuyết!

Lúc tôi trở về nhà, trời đã đầy sao. Mặt mũi đỏ như quả cà chua, chân tay lạnh buốt như cục băng.

— Lạnh cóng rồi phải không?—Mẹ tôi gắng hỏi.

— Gớm, mẹ! Ngoài đường ẩm lắm.

Nhưng hai hàm răng tôi thì đang va vào nhau cầm cập. Lẽ ra phải xoa chân, uống một cốc nước chè hay ăn một đĩa xúp nóng, nhưng tôi lại tự cho mình là bậc anh hùng hảo hán, thậm chí không thèm thay đôi giày ướt sũng nữa.

Tôi không còn nhớ rõ buổi chiều đó kết thúc ra sao. Nằm xuống giường, đắp chăn, nhưng vẫn không thấy ấm thềm chút nào. Không tài nào ngủ được, cơn rét bắt đầu hành hạ. Tôi cố gượng, nhưng không sao chịu nổi. Hai tay run bần, tôi không còn điều khiển được ngón tay mình.

Mẹ tôi thường dùng môi đo nhiệt độ cho con cái, đặt môi vào trán, bà có thể biết được nhiệt độ là bao nhiêu. Áp môi vào trán tôi, bà nói :

— Hôm nay con trượt tuyết hơi nhiều ! Nóng lắm ! Có lẽ con phải tạm xa cái xe trượt tuyết mất.

Tôi muốn thanh minh, nhưng không tài nào nói nổi, đôi môi cứng như gỗ. Ít phút sau còn tệ hơn. Tôi bắt đầu nôn mửa, nước mắt ứa ra, và cảm thấy khó thở. Bảy giờ không phải lạnh nữa mà toàn thân run bắn lên. Đầu như búa bổ, tưởng tượng ra đủ thứ lãng nhãng. Lúc thì mẹ thấy người ta dìm tôi xuống vực thẳm, lúc thì mẹ đi trượt tuyết ở trong rừng bị cành cây quất vào mặt. Lúc thì bỗng nhiên lại ngồi trên xe trượt, bị gió cuốn đi và tôi lơ lửng trên không. Nóng quá, tôi nói mẹ sáng những gì không còn nhớ nữa.

Sáng hôm sau, bác sĩ đến nhà. Chắc anh biết đấy, các ông bác sĩ thì có nhiều thủ thuật đối với trẻ con lắm. Vừa nói đùa ông ta vừa nhét chiếc cặp nhiệt độ vào nách tôi, nhưng tôi thì chẳng còn cười được nữa. Cho chiếc thìa bạc vào mồm tôi, ông bảo :

— Nói « a » đi !

Phải xoay mình tôi mới ngán được âm « a ». Bác sĩ khám khá lâu.

— Đùng là viêm họng hạt rồi, hàm miệng đỏ như than. Bệnh tinh hồng nhiệt ! Chắc lây ở đâu rồi.

Quả là mẹ tôi đã nói đúng. Trượt tuyết quá nhiều ! Tôi ốm khá nặng và kéo dài.

Hai tuần sau, da tay bắt đầu bong. Qua một đêm không ngủ để chăm sóc tôi, mẹ tôi đã gầy rộc

đi. Một bệnh mới lại xuất hiện : tai tôi bị đau. Vừa đau, vừa như có cái gì bò trong tai. Tôi nhìn thấy môi người nói chuyện với tôi mấp máy, nhưng chẳng nghe thấy gì cả. Ngốc nghếch quá, tôi lấy tấm ngoáy mũi. Khi nào có một mình, tôi lại ngoáy. Đau quá, máu trong tai chảy ra, nhưng tôi vẫn ngoáy. Tôi cứ tưởng có cái gì lấp mắt lỗ tai, lấy được cái đó ra thì sẽ nghe được. Nhưng đau phải thế ! Không còn nghe thấy gì nữa, thế là tôi bị điếc. Xung quanh đều im lặng. Một sự im lặng tuyệt đối trong thiên nhiên. Không tiếng gió rít, không tiếng nước chảy, không tiếng chim kêu, không tiếng muỗi vo ve. Sự im lặng của thần chết đã đè nặng lên tôi như vậy đấy. Tất cả như không bao giờ còn trở lại. Nhiều lúc tôi nghĩ . giá như mù cả hai mắt còn dễ chịu hơn nhiều. Tôi sẵn sàng nhường cả chân, tay nhưng hãy trả lại tôi đôi tai. Đêm đêm không ngủ, càng nghĩ lại càng tức.

Thôi, có lẽ cũng chẳng nên bắt tội anh phải nghe thêm về câu chuyện rui ro của tôi hồi đó. Nhưng phải nói thật là : một sự đau đớn quá chừng và không gì an ủi nổi. Tôi trở nên kém linh lợi, hay cáu gắt và không thích giao du.

Mãi sau này tôi mới nghe được chút ít. Và tôi cũng đành bằng lòng với mình rằng : cả đời tôi sẽ là một người nặng tai. Nhưng tới khi đó tôi đã biết đời nhiều. Tôi hiểu rằng nhiều thứ đối với tôi không còn nữa : âm nhạc, trường đại học. Còn việc tiếp xúc với người khác thì quả là khó khăn.

Thật ra sau này tôi có đánh giá lại khả năng của mình và đã tìm thấy trong cái điếc cũng có

nhều điều hữu ích. Nhưng những điều đó mãi sau này tôi mới nhận ra, còn trước đó tôi vẫn cảm thấy mình thuộc loại người bỏ đi, loại người bất hạnh nhất trong những người bất hạnh.

Tôi tìm thấy ở mẹ tôi người bạn thân thiết, chu đáo và hoàn toàn thông cảm. Bà đã cứu tôi khỏi thất vọng. Bà động viên tôi hãy yêu cuộc sống cho dù không còn thính giác. Tầm gương nhạc sĩ Bét-tô-ven bị điếc đã giúp tôi rất nhiều. Đây, một nhạc sĩ đã sống và làm việc không có thính giác. Mẹ tôi bắt tôi phải hiểu rằng tất cả những tư tưởng tinh túy nhất của loài người đã được ghi lại trong sách vở, không có thính giác vẫn đọc sách được. Tôi lao vào đọc sách, đọc nhiều và say sưa đến mức chỉ một thời gian sau số lượng sách đọc được đã vượt xa các ông anh và thậm chí vượt cả cha tôi. Trong một thời gian dài sách vở đã thay con người trò chuyện với tôi.

Cắt đứt quan hệ với bạn bè cùng lứa tuổi, không chơi bời nghịch ngợm với trẻ con, tôi nhanh chóng trưởng thành. Như vậy bệnh điếc đã rút ngắn thời thơ ấu của tôi.

Buổi trượt tuyết lần đó, có lẽ là trò giải trí trẻ con cuối cùng của tôi.

CON CHIM

Rừng thông xào xạc. Vì nặng tai, Côn-xtan-tin cảm thấy điệu nhạc rừng có phần êm dịu và du dương.

Trong lần đi chơi này, Xi-ôn-cốp-xki lại kể tiếp về những năm thơ ấu của mình.

— Hồi nhỏ chiếc bảng đen đã làm tôi khổ sở, — Ông mỉm cười, lấy chiếc gậy lật lật những quả thông rụng từ năm ngoái. — Có lẽ anh còn được nhìn thấy loại bảng đen thuở xưa chứ nhỉ? Một miếng mi-ca đen lắp vào một khung gỗ đơn giản. Có một loại bút chì riêng dùng cho loại bảng này. Khi vạch chì lên bảng, ta sẽ thấy được những chữ, số hay hình vẽ màu trắng nhờ nhờ, chỉ cần dùng khăn lau ướt có thể xóa đi dễ dàng. Thật là rẻ biết mấy!

Có lần mẹ tôi ra một câu ngẩn : « Dê ăn cỏ » và bắt tôi viết đi viết lại câu vô nghĩa đó mười mười lăm lần một cách máy móc. Thật chán vô cùng.

Ngoài cửa sổ, những chú quạ đang quàng quạc om sòm, thi nhau tha rác về sửa lại tổ cũ. Không phải những con dê ngán ngẩm kia mà là những chú chim lông đen từ phương nam vừa tới đã hấp dẫn trẻ con. Trí tưởng tượng ngày thơ của cậu bé lại sôi lên. Ngày xưa, loài quạ mỏ trắng cũng có mỏ đen như mỏ quạ thường. Tuyệt còn phủ, băng chưa tan. Chẳng có gì dễ sống. Bọn quạ đột nhập vào nhà một bà nòng dân nọ. Nhà bà nuôi ba con bò để vắt sữa và trong nhà đang tích sữa để làm bơ. Mấy chú quạ nhúng mỏ vào váng sữa và từ đó, chúng trở thành loài chim mỏ trắng.

Hay là có thể nghĩ về số phận con ngỗng cái. Liệu năm nay nó có thể ấp được một lứa ngỗng con không? Mẹ tôi đã chuẩn bị cho nó một cái ổ. Mãi nghĩ lung tung, ngoảnh lại tôi đã viết sai be

bét. Xóa đi và viết lại : « Dè ăn cỏ ». Thật muốn khóc được. Ngán đến tận cổ. Nhưng khi kết thúc thì mừng biết mấy ! Bài tập làm xong, có thể tự do chạy ra với bọn trẻ cùng tuổi, tha hồ kêu la, chạy nhảy.

Xi-ôn-cốp-xki lại lấy gậy gậy gậy những quả thông...

Tôi yêu cầu kể về làng I-giép, nơi sinh của nhà bác học.

— Những ấn tượng của tôi về làng I-giép có phần không rõ nét, — Xi-ôn-cốp-xki thú thật. — Có lẽ tôi đã kết hợp những quan sát thuở nhỏ của mình với những ấn tượng sau này và những câu chuyện của người lớn kể lại. Gia đình tôi chuyển từ I-giép đến Ri-a-dan khi tôi chưa đầy ba tuổi, nhưng sau này cha tôi có cho tôi về thăm I-giép đôi lần. Hình ảnh làng I-giép đọng lại trong tôi có phần hơi rộng hơn bản thân nó. Trừ huyện lỵ Xpát-xcơ, ngay cả thị trấn Ri-a-dan mãi sau này tôi vẫn có cảm giác là nhỏ hơn I-giép nhiều. Đây là một trong những đặc tính thụ cảm của trẻ con : những người chúng nhìn thấy lần đầu tiên bao giờ cũng là những người không lồ.

Hồi đó tôi cứ tưởng là phải có tới gần triệu người sống ở I-giép. Sau này tôi mới biết rằng số dân ở đó không vượt quá mười nghìn. Ở I-giép, có bốn nhà thờ, ba trường học, một số hiệu buôn và có một xưởng nấu mật. Mật ở đó thì thật tuyệt, vừa trong lại vừa ngọt, mãi tới bây giờ tôi vẫn còn nhớ. Người nhà phết mật vào bánh mì, và tôi được dịp phồng má lên mà thưởng thức món đồ

ngọt thôn quê. Nhưng của đáng tội, sau đó thường phải uống thật nhiều nước hoặc nước men.

Làng I-giếp nằm trên đường trục nối Xpát-xơ với Ca-xi-mốp và đường phố chính của trục này được coi là đường xuyên huyện lớn nhất. Thuở nhỏ tôi vẫn cho là I-giếp rộng vô chừng. Đặc biệt ở đây có rất nhiều quạ đen, chiều chiều chúng thường kêu diếc cả tai. Mẹ tôi thường bảo :

— Quạ kêu nhiều là sắp mưa to gió lớn đấy!

Nha kiếm làm, nơi cha tôi làm việc, đóng ở gần I-giếp, còn gia đình tôi thì sống ở trong làng.

Ở I-giếp cũng có hồ. Hồi nhỏ tôi vẫn coi đó là cả một biển lớn, nhưng lớn lên tôi được biết hồ I-giếp cũng nhỏ thôi và ở Ri-a-dan chẳng thiếu gì những loại hồ như vậy.

Người làng I-giếp làm nghề đóng thùng gỗ. Hồi đó tôi cho rằng loại công việc này quả là khó và không khỏi trầm trở thân phục các bác thợ đóng thùng.

Nhưng điều làm tôi thú vị hơn cả là những cánh rừng rậm. Những cánh rừng Me-séc-xki từ phía tây bắc chạy dài đến tận I-giếp. Men theo bia rừng, dòng sông Pơ-ra lững lờ đưa nước về xuôi...

Khi tôi đã lớn hơn, cha tôi có kể nhiều chuyện hay hay về rừng Me-séc-xki. Ở những khu rừng mà chúng tôi đã đi qua, trước đây là đồng lầy bao phủ.

Cha tôi kể: trong rừng Me-séc-xki còn có những hồ sâu, nước đen như hắc ín, và lại có hồ nước màu vàng, màu bạc, màu xanh... Đây là một vùng giàu có ít người biết đến. Sông Pơ-ra bắt nguồn

từ những hồ nước trong rừng Me-séc-xki và chảy vào sông Ô-ca.

Tôi nhớ tất cả những gì mà Xi-ôn-cốp-xki chăm rãi kể. Đương nhiên, tôi rất muốn biết những suy nghĩ đầu tiên của nhà bác học về những vì sao. Ông bắt đầu nghĩ đến điều đó từ bao giờ? Tôi lái câu chuyện về sự kích thích ban đầu, những khả năng quyết định hướng đi sau này của nhiều bậc vĩ nhân. Trước đó tôi đã có dịp chuyện trò với nhà bác học về đề tài này. Ông thường né tránh, hoặc đưa ra quan điểm cho rằng ít khi có thể đoán trước được lĩnh vực hoạt động tương lai của một người ngay từ lúc còn nhỏ, những các nhà viết tiền sử lại thường có xu hướng quy tất cả những chuyện đó về thời thơ ấu.

— Sô-panh (1), -- Tôi cãi lại, -- Ngay từ lúc còn nhỏ đã chơi pi-a-nô rất giỏi và đã viết được nhạc lý. Rê-pin (2) biết vẽ từ thuở nhỏ. Chúng ta còn đọc được những bài thơ lúc thiếu thời của Léc-man-tốp (3). A-lê-khín (4) đã có những nước đi táo bạo trên bàn cờ khi còn thò lò mũi...

Xi-ôn-cốp-xki có vẻ nghĩ ngợi. Ông nhìn về phía con đường nhỏ xuyên qua rừng ở ngay trước mặt chúng tôi. Ông nói :

— Thiên tài bẩm sinh, tất nhiên có, nhưng có lẽ không phải đã được xác định ngay từ đầu.

(1) Sô-panh (1810-1849) -- nhạc sĩ Ba Lan, nhà soạn nhạc cổ điển danh tiếng thế giới.

(2) Rê-pin (1844-1930) -- họa sĩ Nga lỗi lạc và tiên bộ.

(3) Léc-man-tốp (1814-1841) -- nhà thơ Nga, tác giả cuốn «Một anh hùng thời đại».

(4) A-lê-khín (1882-1946) -- nhà thực vật học Nga.

Anh vừa nhắc đến Léc-man-tốp. Ông ta không chỉ biết làm thơ, mà còn biết vẽ và vẽ khá nhiều. Rơi vào một hoàn cảnh khác, có thể ông đã trở thành một họa sĩ lớn và có thể vượt cả Bru-lốp (1) và Trô-pi-nin (2). Hay lấy Sép-chen-cô (3) làm ví dụ cũng được. Ông cũng vừa là nhà thơ vừa là một họa sĩ. Còn Gri-bô-ê-dốp (4) thì có thể dễ dàng trở thành một nhạc sĩ lỗi lạc.

Trong khi nói những điều trên, Côn-xtan-tin E-đu-a-dô-vích vẫn không rời mắt khỏi con đường. Ông muốn tìm cái gì ở nơi đó? Bỗng nhiên từ trong bụi cây hồ đào, một con chim màu vàng vụt bay ra. Từ xa khó mà nhận ra nó. Nó lướt nhanh dọc theo con đường. Vút lên trên tất cả những ngọn cây tùng cao nhất, con chim lao vào bầu trời chói chang ánh nắng, dường như muốn hòa vào với nền trời xanh ảm áp.

Xi-ôn-xcốp-xki mãi mê nhìn theo chim. Đôi mắt ông lộ rõ vẻ thần phục. Và bỗng nhiên ông nói, làm cho tôi thở phào nhẹ nhõm.

— Từ nhỏ tôi đã nghĩ về những vì sao. Phải nói từ thuở rất nhỏ. Tại sao như vậy, tôi không tự giải thích được. Tôi nằm mơ thấy những chuyến bay kỳ lạ, dường như tôi đã vút bỏ được trọng lượng của bản thân. Khát vọng bay vào không gian giữa các hành tinh và hoàn toàn thoát ra khỏi sức hút của trái đất đã sớm hình thành trong tôi.

(1) Bru-lốp (1799 – 1852) – họa sĩ Nga.

(2) Trô-pi-nin (1776 – 1857) – họa sĩ Nga.

(3) Sép-chen-cô (1814 – 1861), – nhà thơ, họa sĩ, nhà cách mạng U-cren thuộc phái hiện thực phê phán.

(4) Gri-bô-ê-dốp (1795 – 1829) – nhà văn trào phúng Nga.



...Tôi thật sự ghen tỵ với bầy chim.

Ngay từ khi trong ý thức mới hình thành những nét mờ mờ thì tôi đã có một ước mơ thú vị, nhưng thầm kín, là làm sao tạo được một môi trường không có trọng lượng, mà trong đó con người có thể chuyển động hoàn toàn tự do theo mọi hướng và còn nhẹ nhàng hơn cả chim bay trong không khí. Đây chỉ là ước mơ, nhưng không hiểu sao tôi vẫn tin rằng có thể thực hiện được. Tôi thật sự ghen tị với bầy chim được bay lượn trong không gian. Nhưng tôi tin rằng con người cũng sẽ bay lượn được, mà không phải chỉ bay lượn trong không khí thôi đâu mà còn bay lượn cả trong môi trường không có trọng lực, nơi mà cánh đại bàng cũng trở nên bất lực. Ý nghĩ đó đã có từ lâu lắm rồi, từ khi tôi hãy còn nhỏ, chưa đọc thông viết thạo. Tất nhiên, khi đó tôi chưa thể phát biểu một cách chính xác những suy nghĩ và ước vọng của mình, nhưng tôi đã hình dung đại thể như vậy đấy. Những ý nghĩ đó từ đầu đến, tôi không hiểu, tôi cũng không định giải thích, vì thật sự tôi cũng không biết. Tôi chưa từng nghe những câu chuyện thần thoại hay hoang đường nào như thế cả. Chưa từng có ai nói một tí gì với tôi về môi trường không có trọng lực, nhưng tôi vẫn mong muốn điều đó. Một sự mong muốn day dứt. Vào tuổi niên thiếu tôi đã thử đem đề tài đó ra nói với cha tôi, nhưng bị ông xối luôn cho một gáo nước lạnh :

— Con chỉ nói những thôi. Nếu như người ngoài nghe thấy người ta sẽ cười cho đấy !

Cón-xtan-tin E-du-a-đô-vich bỗng nhiên im bặt, dường như hơi lúng túng vì sự cười mớ của mình.

Rừng thông vi vu thổi như khê khê với mọi người về sự kỳ diệu của tao hóa — bộ óc con người.

Chúng tôi trở về nhà. Dưới chân vẫn là những quả thông khô, nhưng chiếc gậy không còn động vào chúng nữa.

Con chim bay dọc theo đường rừng nhẹ nhàng một cách lạ lùng. Xi-ôn-cốp-xki nói :

— Quên không đề ý đây là loại chim gì, chim ưng hay chim ó ấy nhỉ?

Tôi bỗng hiểu tại sao ngay từ thuở nhỏ, Xi-ôn-cốp-xki đã được các ông anh tặng cho biệt hiệu là « Con Chim » — cái biệt hiệu đầy kiêu hãnh, vậy gọi những chuyến bay!

TÚP LỀU

E hỏi nhiều làm Xi-ôn-cốp-xki mệt, tôi cố kìm nguyện vọng gặp lại nhà bác học, nhưng chỉ giữ được hai ngày.

— Sao mấy ngày hôm nay anh bạn đi đâu vậy? Tôi đã định cho người chạy hỏa tốc đến tìm anh!

— Xi-ôn-cốp-xki vội vã đón tôi ở cửa.

— Côn-xtan-tin E-đu-a-đơ-vich, tôi e bác ngăn tôi quá rồi...

— Sao anh lại nói như vậy... — Nhà bác học phản đối. — À, tôi vừa nhớ lại, tôi đã vĩnh biệt tuổi thơ như thế nào. Tôi đã vĩnh biệt nó trong một túp lều...

Có lẽ muốn giấu xúc động, nhà bác bọc chặn trước :

— Tôi chỉ kể một ít hiệu tượng, còn anh phải tự hình dung vậy nhé ! Không phải ngày nào người ta cũng vĩnh biệt với tuổi thơ đầu...

...Cô-xchi-a chui vào lều, cài chiếc then cửa làm bằng cành cây ghép, rồi ngồi xuống một tấm ván, còn tấm ván khác to hơn thì kê làm bàn. Chiếc ấm sành nằm lẩn lóc trên chiếc khăn gai trải bàn. Cạnh đó là chiếc xương sọ người, màu vàng nhạt. Trên tường lủng liềng những bó bac hà, ngải cứu khô. Ở giữa lều có treo lơ lửng một bức tranh thưở nước : một quả khinh khí cầu bay lơ lửng trên không trung, xung quanh nó là những vì sao lấp lánh, còn ở phía dưới là trái đất.

Có lẽ nào lại phải từ biệt túp lều này. Và sẽ không bao giờ được ngồi đọc sách ở đây, sẽ không bao giờ được ngửi mùi vỏ liễu hăng hắc, mùi cỏ khô và đất ẩm nữa ?

Cô-xchi-a cảm thấy buồn buồn. Cậu đã quen với túp lều này. Và bây giờ ngồi tay đôi, cậu muốn trò chuyện với nó như với một con người.

— Cậu có nhớ mình và anh mình đã xây dựng cậu như thế nào không ? Cậu tưởng làm việc đó dễ lắm à ? Cậu cứ thử chẻ những cây cọc từ trong rừng về thì sẽ thấy ! Mới đầu những cây cọc có vẻ rất nhẹ, thậm chí cậu có thể vừa đi vừa chẻ, nhưng mỗi lúc một nặng dần, nặng dần và khi về gần đến sàn thì mồ hôi vã ra như tắm. Mình vác nặng bằng anh Bô-ri-a, tuy mẹ mình vẫn nói mình yếu hơn anh ấy. Còn những cây sậy thì sao ? Chặt nó thì thú vị, nhưng vác nó từ bờ sông về

nhà thì mệt ơì là mệt! Cỏ thì bộn mình cho vào bao tải. Ngoài đồng cỏ thật là hấp dẫn : bao nhiêu là hoa dại, chuồn chuồn và bướm bướm...

Tại sao cậu lại thích mình và anh Bô-ri-a? Có phải vì chính bộn mình đã dựng nên cậu phải không? Anh Ô-xi-a định giày máu ăn phần, nhưng bị bộn mình tẩy chay. Anh ấy gọi chúng mình là lũ bịp và không tham gia nữa. Chúng mình phải làm rông rã một tuần đấy! Kể cũng đáng công. Cuối cùng đã thành một túp lều thật sự.

Cò-xchi-a đặt chiếc sọ người sang một chỗ khác và mỉm cười :

— Đấy, mình kiếm cho cậu chiếc sọ người này đấy. Chúng mình đã đi với bác Ca-chi-a ra nghĩa địa. Ở đó có biết bao nhiêu là cây thánh giá và bia đá! Có một ngôi mộ bị đào lên. Gần đó có chiếc sọ người nằm lẫn lóc trên mảng đất sét vàng. Mình muốn nhặt nhưng bác Ca-chi-a ngăn lại : « Không được, phải tội đấy ! ».

Cò-xchi-a không muốn tranh cãi với bác ấy. Sau đó một mình cậu trở lại nghĩa địa và nhặt chiếc sọ người đem về. Hai anh em Cò-xchi-a cho vào chảo gang luộc nước sôi.

Cậu bé nhớ lại những giờ ở trong túp lều. Ở đấy, chưa bao giờ cậu thấy chán. Có một lần, Cò-xchi-a tránh nắng ở đó. Bỗng nhiên một chú ong đất bụng sọc vàng—một con hồ thật sự—bay tới. Cậu bé hỏi túp lều :

— Cậu nghĩ sao, đuổi nó đi hay bắt?

Tất nhiên, túp lều im lặng, nhưng rõ ràng là nó khuyên nên bắt. Cò-xchi-a dùng chiếc mũ dạ chụp lấy con ong. Cậu bé vội vàng luồn tay vào

dưới mũ định bắt, nhưng bỗng nhiên cậu kêu thét lên « Á... ỉ! ». Con ong đất đã đốt vào tay cậu. Đau quá, hai mắt cậu tối sầm lại. Lấy khăn mùi soa buộc lại, Cô-xchi-a ngồi nghĩ về những loài vật biết bay.

Lấy ví dụ con ong đất chẳng hạn. Nó bay, nó lượn vòng trên không trung. Nó đậu xuống cánh hoa, hút mật rồi lại bay đi. Thế mà con người lại không biết bay. Thế là thế nào nhỉ? Con người thua con ong đất à? Mà con ong đất có phải là con vật bay giỏi nhất đâu? Còn có những con khác tài hơn.

Cậu bé giàu óc quan sát ấy hình dung tất cả những sinh vật biết bay. Cậu nhớ đến con chuồn chuồn. Với đôi cánh mỏng manh, nó có thể nhẹ nhàng lướt trong không khí. Không phải con chim nào cũng đuổi kịp nó. Còn con bọ dừa nữa. Nó bay như mù. Chạm phải vật gì trên đường bay là rơi bịch ngay xuống đất. Nhưng con giời thì lại khác. Nhanh như cắt, vừa trông thấy nó ở đây nhưng thoáng một cái đã vụt đi đâu mất. Muỗi, bướm bướm, chuồn chuồn, ruồi trâu bay cũng giỏi đấy, nhưng không sánh được với loài chim.

Cô-xchi-a mãi mê ngắm nhìn con chim kền kền. Nó dang rộng đôi cánh, không động đậy, giống như bị treo trong không khí. Nghe nói chim đại bàng còn bay cao hơn, nhưng cậu bé chưa thấy nó bao giờ.

Lại có cả những con cá bay nữa! Thế là thế nào nhỉ? Giời rừng, cú, bướm, thậm chí cả cá cũng biết bay, thế mà con người lại không biết... Có lẽ là con người không thử và không muốn bay

chăng? Nếu như trèo lên cao một chút và từ đó nhảy xuống, dang rộng đôi cánh tay và bay trong không khí như trong giấc mơ thì sao nhỉ. Cô-xchi-a vẫn thường mơ như vậy vẫy vẫy tay và có thể bay một cách thoải mái trong không khí như bơi dưới hồ. Thứ làm một cuộc thí nghiệm như vậy xem sao nhỉ?

Cô-xchi-a trèo lên gác đề cỏ khô, từ đó chui qua trần nhà, trèo lên mái nhà.Ồ! Từ dưới sân nhìn lên mái nhà thì thấy không cao lắm, nhưng từ mái nhà có thể nhìn thấy các đường phố xung quanh. Cao thật! Nhưng không thể lui được nữa. Cậu bé nghĩ. «Bây giờ mình sẽ rời khỏi mái nhà, và nếu không bay, thì ít nhất cũng phải rơi từ từ xuống đất...»

Cô-xchi-a nhắm mắt lại và kiên quyết rời khỏi mái nhà. Cậu bé còn chưa kịp nhận ra mình đang bay hay đang rơi thì đã cảm thấy bên chân phải đau nhói. Cậu huýt miệng kêu, nhưng sợ tiếng kêu quá khủng khiếp của mình nên lại im bất và cố cắn môi chịu đựng cơn đau. Từ trong nhà, bác Ca-chi-a nhìn thấy đứa cháu thân yêu ngã từ trên mái xuống, liền chạy ra cứu. Bà đưa Cô-xchi-a vào bếp và vội tháo giày.

— Cô-xten-ca (1), cháu rên đi, cứ rên đi, sẽ đỡ đau hơn. Đừng sợ, không có ai ở nhà cả. Cốt là xương không bị gãy, còn những chuyện khác không đáng sợ...

Cô-xchi-a khe khẽ rên. Và quả thật cậu bé cảm thấy dễ chịu hơn.

(1) Tên gọi trìu mến của Cô-xchi-a.

— Châu có đau không? — Nấn nấn chân cậu bé, bác Ca-chi-a hỏi.

Khi chạm đến chỗ đau, Cô-xchi-a kêu thét lên.

— Sai khớp rồi! — Không báo trước, bác Ca-chi-a đột ngột giật mạnh chân Cô-xchi-a.

Cậu bé thét lên một tiếng, trán vã mồ hôi lấm tấm. Bác Ca-chi-a đặt cậu vào giường mình và mãi đến chiều, khi bố mẹ về, Cô-xchi-a mới tập tễnh trở lại phòng ngủ của mình.

Trong lúc đau, cậu bé đã hiểu ra chuyến bay không thành công của mình chứng tỏ con người không có khả năng bay và cần phải nghĩ ra một bộ phận thay thế đôi cánh.

Bà mẹ đưa cho cậu bé cuốn sách có kể về I-ca, một người đã dùng đôi cánh làm bằng lông chim gắn sấp để bay lên không trung, nhưng đôi cánh đó đã bị mặt trời đốt cháy.

Một tuần sau, cậu bé mới có dịp trở lại túp lều. Cậu ngồi ở đó khá lâu, mãi mē đọc thơ Nè-cra-xốp, Pu-skin, truyện ngắn của Gô-gôn.

... Hôm nay cậu bé đến từ biệt túp lều. Tất cả ở đây đều gần gũi, thân thuộc đối với cậu, cả những chiếc cốc, những túm cỏ khô, mấy tấm ván và những bó ngải cứu...

— Vĩnh biệt túp lều nhé! Mình sắp phải đi khỏi nơi này. Để làm gì? Mình cũng không biết nữa.

Bác Ca-chi-a bí mật nói với mình, hình như người ta đã đóng cửa lớp học trác địa, nghĩa là bố mình lại sẽ không có việc làm. Không biết bố mình rồi sẽ làm việc ở đâu? Ông hơi khó tính và không thích giao du. Thế là ông lại phải đi tìm

việc mới. Ông đi đến Vi-át-ca. Vi-át-ca là thành phố như thế nào? Mình không biết. Và cả mấy anh mình cũng không biết. Có lẽ chẳng bằng Ri-a-dan đâu!

Trong túp lều im ắng, mắt mẽ Cô-xchi-a cảm thấy buồn buồn. Thời thế là đã chấm dứt một thời kỳ đề rồi bắt đầu một thời kỳ khác. Cái gì đang chờ đợi ta ở Vi-át-ca xa lạ đây? Một thành phố, như mẹ mình thường kể: Sa hoàng vẫn thường đày những người có vấn đề chính trị đến đó. Mà bố mình cũng thuộc loại người không được tin cậy về chính trị.

Không khi nào mình quên cậu, túp lều thân yêu a! Vì cậu là cả thời thơ ấu của mình.

Cậu bé nói lên điều đó, nhưng cũng không ngờ rằng thời thơ ấu của mình đã kết thúc ở đây.

TRƯỜNG TRUNG HỌC

Trường trung học, trường trung học... Đối với đa số những ai đã học qua trường trung học thì đó là những năm tháng tốt đẹp nhất mà họ có thể hồi tưởng lại. Con Xi-ôn-cốp-xki thì đã nhiều lần thú nhận rằng đó là thời kỳ buồn tẻ nhất, đen tối nhất trong cuộc đời ông. Ông không thích nói về chuyện đó. Nhưng, bất ngờ Côn-xtan-tin E-đu-a-đô-vich gặp lại A-lếch-xan-đrơ An-đré-ê-vich Xpít-xun, người bạn cùng tuổi, học cùng một lớp ở trung học. Hai người miễn cưỡng nhớ lại quá khứ.

Xpít-xun nói :

— Anh có nhớ anh và I-gơ-na-chi-a đã xuất hiện ở trường như thế nào không? Cứ như những con thú bị săn đuổi ấy. Không dám nhìn thẳng vào ai cả, xa lánh mọi người.

— Vâng, mẹ tôi dẫn tôi và em tôi đến trường.

Xi-ôn-cốp-xki trầm ngâm. Có lẽ ông đang nhớ lại thành phố Vi-át-ca vào một ngày tháng chín nắng đẹp, bà mẹ mặc bộ quần áo ngày lễ; ông bố có vẻ lo lắng, vuốt vuốt mái tóc điểm bạc nhiều hơn ngày thường.

Ông bảo :

— Nào, đưa bố ngắm bộ đồng phục xem nào!

Cậu bé Cô-xchi-a mười hai tuổi và I-gơ-na-chi-a quay mặt lại, tỏ ra tự hào một cách kín đáo về bộ đồng phục của mình. Bà mẹ giục lên đường. Theo thói quen của người đi săn, ông bố nói:

— Chúc mọi điều may mắn!

Trên đường phố Vi-át-ca, những tốp trẻ em lưng đeo cặp hay xách túi vui vẻ cất bước. Nhìn bộ đồng phục, người ta dễ dàng phân biệt được học trò trường trung học cổ điển với học trò trường thực hành (1). Bọn học trò thực hành mặc áo màu lục sẫm, cúc đồng sáng chói. Nữ sinh trường trung học số một mặc váy gù, áo trắng giống như các nữ sinh viên. Mặc váy màu xanh sáng, yếm trắng là các cô gái ở trường số hai.

Cô-xchi-a thích nhất loại vải dạ màu xám, những chiếc cúc bạc, thắt lưng và ve áo có huy hiệu. Đó là đồng phục của học sinh trung học.

(1) Loại trường thực hành ở nước Nga trước Cách mạng, không học ngôn ngữ cổ mà chủ yếu học toán, và các môn khoa học tự nhiên.

Ma-ri-a I-va-nốp-na cẩn thận cầm tay hai cậu con trai, thỉnh thoảng lại nhắc :

— Đừng gây sự với bất kỳ ai nhé! Trong những ngày đầu, học trò cũ thường hay bắt nạt những đứa mới đến, các con cứ coi như chúng nó nói đùa thôi. Cô-xchi-a, con lớn hơn, phải làm gương cho em nhé!

Còn Cô-xchi-a thì đang nghĩ ngợi mung lung. Bệnh nặng tai sẽ ngăn cách cậu bé với các bạn bè cùng lứa tuổi. Từng phút cậu bé luôn lo lắng chờ đợi những lời chòng gheo và chế nhạo. Theo bản năng, Cô-xchi-a luôn quay lại đằng sau nhìn. Theo kinh nghiệm của bản thân, cậu bé biết rằng trong bọn trẻ cũng có những đứa không tốt. Làm nhục người khác rồi lại quên ngay lập tức. Cậu bé sợ nhất bị bọn chúng đặt một cái tên tục nào đó, cái tên ấy sẽ ám ảnh suốt ngày và sau này khó mà gột đi được. Đánh nhau với những đứa hay gây sự ư? Không, chúng đông lắm, khó mà đánh lại chúng được.

Đây rồi, ngôi nhà ba tầng màu trắng ở góc phố Xa-rép-xki và Xpát-xki. Trường học!

Thật là hồi hộp. Những gì đang chờ ta ở đằng sau ngưỡng cửa kia "...

Một cậu học trò thực hành đi ngược chiều có chiếc mũ hếch khê đưa mắt và nói buông sông :

— Muốn lăn quay trên đường phố hả?

Vào trường, Cô-xchi-a nhìn thấy nụ cười đầu tiên trên nét mặt viên thanh tra Si-man-xki. Ông ta là chỗ quen biết với bà Ma-ri-a I-va-nốp-na, nên vội ra đón bà :

— Chào bà Ma-ri-a I-va-nốp-na.



...Thình thoảng lại nhắc : Đừng gây sự với bất kỳ ai nhé!

Si-man-xki chạy lại, hôn tay bà mẹ và xoa đầu hai đứa trẻ. Cô-xchi-a cúi đầu, mặt đỏ ửng. Bà mẹ nhìn viên thanh tra vẻ biết ơn.

Nhưng tất cả đều trôi qua rất nhanh. Bà mẹ trở về nhà, Si-man-xki cũng biến mất, Cô-xchi-a và I-gơ-na-chi-a đứng ở góc nhà lúng túng chẳng biết làm gì. Một cậu học lớp hai tiến lại gần. Cậu bé dong dỏng cao, gầy, mắt xanh, tóc hung.

— Tên gì? — Cậu bé hỏi Cô-xchi-a, giọng xách mé.

— Anh ấy tên là Cô-xchi-a. — I-gơ-na-chi-a trả lời thay anh.

— Người ta không hỏi mày! — Cậu bé tóc hung chẹn luôn và lặp lại câu hỏi.

Cô-xchi-a hỏi lại :

— Anh nói gì cơ?

— Chúng tao nói rằng mày là con gà lôi điếc.

Cô-xchi-a đỏ chín mặt. Cậu lấy làm tiếc rằng mình đã tỏ ra lịch thiệp và nhã nhặn với nó. Cậu muốn cho cái thẳng thọt tục ấy một cái bạt tai, nhưng những lời cần mõi đây của mẹ đã ngăn cậu lại.

Giả vờ nấn nầu xem loại dạ, cậu bé tóc hung véo luôn một cái vào bắp tay Cô-xchi-a.

Vừa đau, vừa ức, Cô-xchi-a trợn trừng mắt, không nói một lời đáp luôn một cái vào khoeo chân thẳng bé tóc hung làm nó ngã phịch ngay xuống sàn nhà. Xung quanh phá lên cười. Không hiểu từ đâu Si-man-xki bỗng xuất hiện. Cậu bé lớp hai chống cả hai tay hai chân lồm ngồm đứng dậy, phủi bụi bám vào quần. Nhìn thấy viên thanh tra, hấn giả bộ nhăn mặt mếu máo.

— Thưa ông Ni-cô-lai Ô-xi-pô-vích, nó đã vào ... khoeo ... cháu, mà cháu thì chỉ đi qua, không chạm gì đến nó.

Si-man-xki nhìn chằm chằm Cô-xchi-a và bắt ngờ hỏi :

— Cháu có đau không? Bác nhìn thấy tất cả rồi.

Cậu bé tóc hung lờm một cái thật dài. Nó nghĩ bụng, cậu học trò mới này sẽ tố cáo nó. Tang chừng còn đó. Chắc thế nào cũng còn vết véo vira rồi.

Cô-xchi-a không hấp tấp trả lời. Ở nhà Xi-ôn-cốp-xki, mọi người không nói dối, nhưng nếu như lúc này Cô-xchi-a nói thực thì người ta sẽ phạt thẳng bé tóc hung kia, còn cậu thì sẽ bị coi là một thằng mách lẻo. Cô-xchi-a nhỏ nhẹ đáp .

— Lẽ ra cháu không được đá bạn như vậy. Cháu lấy làm hối hận về điều đó...

Cậu bé tóc hung nhìn, vẻ ngạc nhiên. Si-man-xki hiểu tất cả và vỗ vai Cô-xchi-a :

— Tốt ! Lúc nào cũng nên nghĩ như vậy, cháu ạ. — Nói xong, ông bỏ đi.

Cậu bé tóc hung có phần hơi ngượng. Cậu ta chau mày thú nhận :

— Mình vẫn nghĩ là cậu sẽ tố cáo mình. Tay có đau không ?

— Không, hoàn toàn không đau.

— Cậu bị điếc thật đấy à ?

— Thật đấy !

— Thế sao không nói ngay từ đầu.

Trong khi đó Cô-xchi-a nghĩ về Si-man-xki. Ông ấy nhìn thấy cậu bé tóc hung bị ngã, nhưng

vấn tỏ ý hài lòng khi Cô-xchi-a giữ im lặng. Nghĩa là Ni-cô-lai Ô-xi-pô-vích ghét thói mách lẻo.

Một lúc sau, giờ học đầu tiên bắt đầu và đem lại cho Cô-xchi-a nỗi buồn day dứt. Tiếng nói của thầy giáo vắng đến cậu bé như là từ một nơi nào đó xa lắm... Cô-xchi-a mới nghe hiểu được một từ thì không kịp nghe hai từ tiếp theo. Phải nhăn trán, vừa nghe, vừa đoán, cứ như vậy khó có thể học được lâu.

Về nhà, Cô-xchi-a chui vào một góc tối và khóc nức nở. Vốn nhạy cảm và tinh ý, cậu bé hiểu rằng theo học ở trường sẽ gặp nhiều khó khăn.

... Trong khi đó, cậu chuyện với Xpít-xun vẫn tiếp tục.

Xi-ôn-cốp-xki hỏi

— Chắc anh con nhớ Ni-cô-lai Ô-xi-pô-vích Si-man-xki chứ ?

-- Nhớ chứ ! — Xpít-xun đáp. -- Có thể nói ông ấy là một người hiếm có. Không có ông ấy có lẽ tôi chẳng theo học được. Vì chính ông ấy đã đấu tranh để ngời ta không bắt tôi nộp học phí.

-- Hai anh em tôi trước cũng thế.

— Tôi nhớ lại ông ấy với lòng biết ơn hơi muộn màng. Cả tôi và anh tôi đã làm ông phải phiền lòng bao lâu. Nghịch ngợm, học thì bị điểm hai, không chuẩn bị bài... Ông ấy quả là một người tốt bụng và kiên nhẫn. Còn chúng ta, những đứa trẻ nghịch ngợm, lúc đó chẳng hiểu nỗi điều đó.

— Tôi quên mất, không biết anh có tham gia vào một trò nghịch ngợm nào của chúng tôi không ? Tất nhiên anh còn nhớ ông già gác cổng

chứ? Ông ấy thường ngồi đối diện với chiếc đồng hồ, theo dõi chiếc kim và trước mặt ông là cái chuông con. Ông sợ nhất là để mất chuông vào giờ ra chơi. Còn chúng tôi thì nghĩ ngay ra một trò. Ngay lúc bắt đầu ra chơi, cả bọn quây lấy ông lão, làm đủ mọi trò trên đời, còn một đứa thì bí mật lấy cái chuông và giấu biến đi. Ông lão mồm nói chuyện với chúng tôi, nhưng mắt vẫn để ý lên mặt đồng hồ. Chiếc kim vừa chỉ đúng lúc giờ ra chơi đã hết, ông vội đưa tay về phía chiếc chuông, nhưng chuông không còn nữa. Thật là lạ! Chúng tôi phá lên cười, còn ông già thì chạy ngược chạy xuôi, như người điên. Báo hiệu bằng gì được bây giờ? Trường học thì to, làm sao có thể giải thích cho từng người rằng giờ nghỉ đã hết? Si-man-xki xuất hiện. Ông già gác công lưng cuống, đứng thẳng người kiêu nhà binh, báo cáo

— Thưa ngài Ni-cô-lai Ô-xi-pô-vích, thật là một tai họa : chuông bị mất cắp rồi!

Không nói một lời, Si-man-xki đi vào phòng thí nghiệm vật lý và cho báo hiệu bằng chuông điện. Cái chuông này trước vẫn dùng làm đồ dùng giảng dạy. Khi chúng tôi đã trở lại im lặng, viên thanh tra bước vào lớp. Tôi nhớ mãi lời ông ấy nói :

— Tôi thật xấu hổ thay cho các em. Các em đã làm một trò nghịch độc ác. Về tuổi tác, ông già gác công ấy có thể hơn cả tuổi cha mẹ các em...

Ông chỉ nói vậy và bỏ đi. Không hiểu bọn bạn cùng lớp nghĩ sao, riêng tôi thì tôi tiếc là không thể chụp xuống đất được. Tôi nghĩ : Si-man-xki biết là chúng tôi đã làm việc đó nhưng không ra lệnh điều tra. Thật là một nhà sư phạm lớn.

Anh Xa-sa (1), anh còn nhớ ông thầy dạy văn của chúng ta chứ ?

— Không nhớ thầy A-léc-xan-đơ Cơn-đra-chi-ê-vích Kha-lu-tin sao được ! Khi nổi nóng bao giờ thầy cũng dụt dụt vành tai của mình. Là người nghiêm khắc nhất trong số các thầy giáo, chỉ mình ông là bắt học trò quý trong số tối. Mè văn học Nga một cách lạ lùng, ông thích nhất bài thơ « Bình đoàn I-go-rép », nhớ thuộc lòng. Ông còn có tài đặc biệt là đoán không sai đũa nào không thuộc bài...

— Đúng như vậy. Lần ấy ông dẫn chúng tôi học thuộc lòng một bài thơ. Giờ học bắt đầu. Theo lẽ thường, ông quan sát mọi người xem ai không thuộc. Đường như chủ tâm, lần đó tôi không học thuộc. Ngồi trong lớp, tai nóng bừng, mắt không nhìn đi đâu. Làm sao có thể giấu được ông ấy kia chứ. Ông bình thân gọi :

« Xi-ôn-cốp-xki Cơn-xtan-tin lên bảng ».

Tôi rời khỏi bàn, sửa lại thắt lưng. Tôi đứng im, mặt đỏ như gấc.

« Bài học thuộc lòng hôm nay là bài gì nhỉ ? »

« Thưa thầy, bài « Cuộc tranh cãi » của Léc-man-tốp ạ ».

« Vậy Léc-man-tốp đã mô tả cuộc tranh cãi đó như thế nào ? »

Tôi mấp máy môi và ấp úng đọc.

« Không nghe rõ ! Đọc to lên ! »

« Có một lần trước đám đông

Những núi đồi...i cù...ng họ...»

(1) Tên thân mật của Xpít-xun.

Kha-lu-tin chặn lại :

« Tại sao lại có núi đồi ở đây? »

Cả lớp cười rộ lên, còn tôi thì im bật. Sau đó mặc dù thầy giáo giục bao lần nhưng tôi không đọc thêm được một chữ nào nữa. Lúc đó ông mới hần hăm túm lấy cổ áo tôi và tống ra khỏi lớp. Cánh cửa đóng sầm lại và trước mặt tôi là Si-man-xki. Ông ngơ ngác nhìn và hỏi :

« Tại sao cửa lại đóng sầm lại như vậy? »

Tôi buộc phải thú nhận vì không học thuộc bài nên bị đuổi ra khỏi lớp. Trong tôi hình như có một tiếng nói khác đang thì thầm : « Đừng khuất phục ! Đừng khóc ! ».

Si-man-xki nhìn tôi, muốn hiểu xem tôi sẽ hành động ra sao. Còn tôi, như một con sói con bị chọc tức, tôi lè lưỡi ra với ông ấy. Đứng, đứng, anh Xa-sa ạ, anh đừng ngạc nhiên, tôi lè lưỡi, đứng im, dường như vì Si-man-xki mà tôi không thuộc bài vậy. Còn ông ấy thì bình tĩnh nói :

« Cất cái lưỡi của em đi. Vì những việc làm của em vừa rồi đáng lẽ ra phải nhốt em vào ngục tối. Nhưng điều đó sẽ làm Ma-ri-a I-va-nốp-na nghĩ ngợi, mà tôi thì rất quý trọng mẹ em. Thế bây giờ ta làm thế này nhé : về nhà em sẽ kể lại tất cả mọi chuyện cho mẹ nghe, hiểu chưa? »

— « Thà cháu bị nhốt vào ngục tối còn hơn ».

— « Không, em phải kể lại tất cả cho mẹ em biết... ».

Xpít-xun hỏi :

— Thế anh có kể cho bà cụ nghe không?

— Về đến nhà, tôi ngồi học thuộc bài thơ rồi mới đi xưng tội.

— Thế bà cụ bảo sao?

— Mẹ tôi khen là tôi dùng cảm, biết nhận lỗi, và bà bắt tôi đọc bài « Cuộc tranh cãi ». Tôi đọc ngay một hơi không nghĩ.

— Tôi vẫn còn nhớ trò quỷ quái của anh với con chim sẻ, — Xpít-xưn cười nói.

— À... à! Đây là trong giờ học tiếng La-tinh.

— Đúng đấy. Tôi vẫn còn nhớ thầy A-léc-xây I-lích Rét-nhi-cốp dạy tiếng La-tinh. Một người đàn ông khỏe mạnh, thích những ngày gió lạnh, thích ăn dầu rừng hơn nho, ăn sáng bằng xúp chua, không chấp nhận bánh mì trắng, suốt đời chỉ ăn bánh mì đen. Hễ vào đến lớp là quát ngay: « Andivide si le » (1) — và đi về phía cửa sổ, nếu như còn đóng thì lập tức mở ngay. Ông thường thú nhận: « Tôi chỉ đặt tiếng La-tinh trên không khí trong lành ma thôi ».

— Có một lần tôi nhầm một chữ gì đó, — Xi-ôn-cốp-xki nhớ lại. — A-léc-xây I-va-nô-vích quay gót giày và ngoảnh lưng vào tôi. Tôi còn đang lúng túng thì ông ta đã gọi một « con vẹt », một học trò cứng về tiếng La-tinh của ông ta

« Em thử dịch câu này xem nào: « *Asinos non curs* ».

Cậu kia tất nhiên sẵn sàng dịch ngay: « Tôi không đề ý đến những con lừa ». Cả lớp cười rộ lên, còn tôi thì vẫn đứng im như phỗng. Rõ ràng Rét-nhi-cốp cố tình làm nhục tôi như thế đấy.

— Con chim sẻ của anh xuất hiện đúng lúc đấy chứ!

(1) « Chú ý nghe, nhìn, trật tự » (tiếng La-tinh).

— Tôi mua nó mất bảy xu. Lúc đó nó nửa sống, nửa chết. Nó sống ra khỏi lồng và hồi sức lại. Ngày hôm đó, môn La-tinh là giờ học đầu tiên. Tôi đem con chim đến lớp. Tôi đã buộc trước vào đuôi nó một mảnh giấy ghi chữ « *Lupus* » (1).

Trong lúc A-léc-xây I-va-nò-vích còn đang mở sỏ và diềm danh, tôi thả chim sỏ ra. Tất nhiên là có cả tiếng cười, và tiếng kêu. Thậm chí bọn trẻ còn đập bàn thình thình. Con chim bay về phía cửa sỏ. Đập vào kính, nó ngã lăn quay. Thầy giáo dạy tiếng La-tinh tìm lấy nó, mắt để ý đến tờ giấy. Đọc được « tên húy » của mình, ông ném con chim qua cửa sỏ và bỏ ra ngoài. Tôi lo bị điều tra và bị trừng phạt. Nhưng mọi việc đều ổn thỏa. Rét-nhi-cốp không thích nhắc lại chuyện đã qua.

— Không hiểu sao tôi rất nhớ thầy giáo dạy toán Va-xi-li Pê-tơ-rò-vích Khơ-va-tu-nốp. Ở ông ta có một cái gì hơi có vẻ hề, ông ta thích hài hước một cách thô thiển, rất muốn làm người khác phải ngạc nhiên, phì cười. Tôi còn nhận thấy ông ta không rầy la học trò nếu họ có những trò nghịch ngợm hóm hỉnh. Ngồi cùng bàn với tôi hồi đó là Mi-sa, họ của cậu ta hình như là Da-vi-a-lốp thì phải. Cậu ta không chịu để yên tay lúc nào, muốn vẽ đủ thứ, nhưng cây bút chì của cậu ấy thì thật là độc địa. Mi-sa thích vẽ tranh chàm biếm. Cậu ấy vẽ rất nhanh. Có một lần trong giờ toán, thầy giáo ra bài tập. Cậu ta làm xong nhanh chóng và bắt đầu làm

(1) « *Chó sói* » (tiếng La-tinh).

cái việc ưa thích của mình vẽ tranh chàm biếm về các thầy giáo. Cậu ta vẽ một con chó sói, nom rất giống mặt Rét-nhi-cốp, còn ông thầy dạy văn thì đang ngủ ngon lành trên cuốn « Chiến tranh và hòa bình » của Tôn-xtôi. Đối với Va-xi-li Pê-tơ-rô-vích thì Mi-sa đã đạt tới mức tinh xảo. Đối tượng ở ngay trước mắt. Cậu ấy đã vẽ chàm biếm ông ta sáu, bảy lần. Một bức chân dung vẽ toàn bằng chữ số. Mũi — con số 2, cổ — hai con số 1, tai — con số 3. Bức vẽ thật giống. Một bức biếm họa khác như thế này : Khơ-va-tu-nốp cười trên một chiếc gậy, còn cái gậy thì rõ ràng là điềm 1. Ông ta thúc chiếc gậy bằng một cái roi, mà dây roi lại có hình điềm 2. Những bức biếm họa khác cũng một kiểu như vậy.

Theo lệ thường, Va-xi-li Pê-tơ-rô-vích vẫn đi đi lại lại trong lớp. Mỗi vẽ, Mi-sa không đề ý rằng nhà toán học đã đến phía sau. Tôi cũng phát hiện điều đó hơi chậm nên không kịp báo động cho bạn mình. Ông đứng sau lưng Mi-sa, nhìn bức vẽ. Tôi thầm nghĩ, thôi thế là Mi-sa phen này mắc lưới rồi. Nhưng Va-xi-li Pê-tơ-rô-vích đã lấy chiếc bút chì của cậu ta và lau lỉnh điềm thêm một vài nét cho bức vẽ. Nhà họa sĩ co rúm người lại, chờ đợi sự khiển trách. Không, nhà toán học không động đến cậu ta. Ông bỏ đi. Ông ta còn kể lại câu chuyện nực cười đó cho chúng tôi.

— Thoạt tiên tôi rất bực mình với Va-xi-li Pê-tơ-rô-vích, — Xi-ôn-cốp-xki có vẻ nghĩ ngợi và nói. — Tôi nghĩ là ông ta thuộc loại người có thể nhạo báng những người có cổ tật.

Giờ toàn bắt đầu. Nhưng không hiểu sao hôm đó giọng ông lúc to, lúc nhỏ. Ông ấy gọi tôi, nhưng tôi không nghe thấy. Ông lại gọi một lần nữa, nhưng tiếng gọi còn nhỏ hơn lần đầu và tôi lại cũng không nghe thấy. Rồi khỏi bực, ông tiến đến chỗ tôi :

— Đứng thẳng dậy !

Tôi đứng lên, ông ta bắt đầu làm trò, tuôn ra đủ thứ phương ngôn, tục ngữ nhạo báng người điếc.

« Dù anh có điếc, nhưng cũng đừng bắt ruồi bằng tai ». « Nói chuyện với người điếc thì khác gì đóng móng vào chân dê » v.v..

Bị xúc phạm, tôi đứng im chỉ chực khóc. Còn cả lớp thì sao ? Sau mỗi câu nói của Khơ-va-tu-nốp, cả lớp lại cười rộ lên. Bỗng nhiên Va-xi-li Pê-tơ-rô-vích vỗ vai tôi nói :

« Thôi ngồi xuống đi, lần sau thì đừng cứ bay trên mây nữa nhé ! »

Tôi nghĩ, có lẽ thầy không biết là tôi bị điếc. Quả như vậy. Ngày hôm sau ông đến chỗ tôi ngồi và nói :

— Thầy không biết là em nặng tai. Cho thầy xin lỗi, đừng có giận thầy nhé !

Và ông nói với toàn lớp :

— Các em thật đáng xấu hổ. Lẽ ra các em phải bảo cho thầy biết bạn của mình nặng tai chứ. Nhưng các em thì lại cười khúc khích. Nhạo báng người có tật là vô lương tâm các em a.

Xpít-xun hỏi :

— Này, Cô-xchi-a, cho đến giờ mình cũng không hiểu tại sao hồi đó cậu lại học kém nhỉ ?

— Đầu tiên vì không nghe được lời thầy giảng, sau đó thì tức mình và không thèm đến trường học nữa. Và lại mẹ tôi mất đúng lúc đó. Bà giúp tôi rất nhiều trong học tập. Anh chắc còn nhớ là năm học lớp hai tôi bị bắt phải học lại một năm và sang năm thứ ba, người ta gửi mười một học trò, trong đó có tôi, thi vào trường trung cấp kỹ thuật. Tất nhiên tôi cũng hiểu rằng: tôi chỉ có thể tiếp tục bằng cách tự học. Có thể anh sẽ cho tôi là người nói khoác, nhưng tôi thì vẫn cho rằng trường học hồi đó đã cho tôi một lượng kiến thức không đáng kể, chỉ bằng một phần trăm những gì tôi đã tự học được.

LÊN CAO

Côn-xtan-tin E-đu-a-đô-vich có một bản tính hiếm có : ông biết nhìn lại mình và nói về mình như là nói về người khác, không hề giấu giếm, không hề tô vẽ thêm.

« Tôi nhớ có một ngày... », — Ông nói và bạn đọc có thể tin rằng nhà bác học sẽ tả lại mọi việc đúng như đã xảy ra trong thực tế.

... Cá không ăn mồi. Dưới ánh nắng, trên mặt bẻ hơi nước bốc lên như khói, còn nước dưới sông thì mát lịm. Chiếc tàu phá băng cuối cùng vừa lướt qua nơi đây.

Chẳng có một mống cá nào thềm bén mảng tới ! Mặc lại mồi, Ke-sca giận dữ nói :

— Có lẽ vì hôm nay nước đục. Bây giờ không thể dùng cần câu, có lẽ phải dùng lưới mồi được, nhưng nước còn lạnh quá.

Ke-sca theo học được hai năm ở trường dòng và bây giờ ở nhà đóng giày với bố. Đối với những người bạn còn đang theo học như Cô-xchi-a Xi-ôn-cốp-xki và hai cậu Va-ni-a — Va-ni-a lớn và Va-ni-a bé — Ke-sca nhìn với vẻ kẻ cả :

— Các cậu chỉ là đồ công tử bột, ăn trắng mặc trơn, ra quái gì !

Ke-sca bơi giỏi hơn cả và biết nơi nào có cá, nhưng cái chính theo như cậu ta diễn tả là « biết tự kiếm tiền, chứ không phải ngồi lên cổ bố ».

Bao giờ cậu ta cũng câu được nhiều cá hơn cả, nhưng hôm nay cậu không gặp may, giỏ đựng cá vẫn khô nguyên. Cả hai anh em Va-ni-a cũng chẳng kiếm được con nào. Chỉ trong giỏ của Cô-xchi-a là có một chú cá nhép màu vàng xám, to bằng ngón tay út đang ngoi ngóp thở. Bọn trẻ không ngớt nhạo báng con cá của Cô-xchi-a.

— Ông bạn điếc của tôi ơi, — Ke-sca khuyên. — Hôm nay nên làm ba món : một món kho, một món rán và một món nấu canh chua.

— Con cá này thật không đủ bữa mèo ! — Va-ni-a lớn cười một cách tinh quái. — Minh chưa hề nhìn thấy con cá nào như vậy, chỉ có mắt với đuôi !

— Cô-xchi-a a, đừng quên ướp muối nhé ! Một bữa chẳng ăn hết đâu, để lâu thì ươn mất đấy.

Cô-xchi-a thản nhiên nghe những lời nhạo báng. Cậu ta chỉ hơi bực mình vì câu « ông bạn điếc ». Mỗi khi bạn bè cùng tuổi nhắc đến cái bệnh điếc của mình, cậu bé bao giờ cũng muốn tỏ ra rằng có một cái gì đó ở cậu hơn hẳn bọn bạn. Cô-xchi-a bắt đầu bị mệt tập tụa cho khỏe lên. Dầu sao đi nữa Ke-sca cũng đã chọc tức mình. Mặt hần đầy tàn hương, nhưng không ai gọi hần là mặt tổ ong.

Cô-xchi-a nhớ lại những trường hợp Ke-sca tự khoe. Cậu ta thề rằng, ban đêm một mình dám đi ra nghĩa địa và chờ cho bao giờ nước sông ấm lên là cậu ta sẽ bơi sang bên kia sông rồi trở lại ngay. Thật là một anh chàng khoáng lạc.

Trong khi đó Ke-sca cảm thấy hơi buồn :

— Này các chú học trò ơi ! — Cậu ta lên giọng kẻ cả. — Cuốn dây câu lại, trèo lên gác chuông đi. Tuần này là tuần lễ thánh, có thể gõ vào cái chuông nào cũng được.

Không chờ trả lời, cậu ta bắt đầu cuốn dây câu, vẫn còn nguyên vẹn mối.

« Máy chú học trò » cũng lặng lẽ làm theo. Cô-xchi-a vút con cá xuống nước không thương tiếc.

Trèo lên ngọn đồi dốc, bọn trẻ đứng lại trước ngôi nhà thờ cao chót vót. Ở Vi-át-ca còn có những nhà thờ khác, nhưng bọn trẻ thích đến đây, vì gia đình thường cấm ngặt chúng không được bén mảng đến ngọn đồi này. Từ lâu người ta đã không đến lễ ở đây. Một nhà kiến trúc mới đến đã giải thích cho các cha cố trong thành phố biết là chiếc gác chuông xiêu vẹo có thể sập xuống bất kỳ lúc nào và thậm chí còn khuyên nên lấy

ván bịt lại đừng cho ai vào. Có một chiếc thang ọp ẹp bắc lên gác chuông. Đã từ lâu không ai dám trèo lên chiếc ban-công nhỏ gắn vào vòm tròn của nhà thờ. Cũng kiến trúc sư nọ đã gọi chiếc ban-công đó là một chiếc quan tài treo đối với những ai trèo lên đó. Chiếc thang bắc lên gác chuông lại hỏng mất hai bậc và khoảng trống đó đã làm cho những người to gan nhất cũng phải sợ.

— Có một anh chàng định trèo lên đó, — Ke-sca nhỏ nước bọt và nói, — Khó nhọc lắm mới trèo đến chỗ thang mất hai bậc. Trong lúc nó còn đang vờ vờ tay định trèo tiếp thì bỗng có ai đập vào lưng một cái. May mà nó còn nắm chắc được vào thang, nếu không thì đã tan xương rồi. Về nhà, mẹ nó hỏi: « Con chơi ở đâu về? » Nhưng nó không nghe thấy gì cả. Nó muốn bảo mẹ cho ăn cơm, nhưng cũng không nói được nữa. Thế là nó đã trở thành vừa câm, vừa điếc. Thế đấy!

Cô-xchi-a nói :

— Toàn là chuyện bịa !

— Ủ" thì chuyện bịa... — Ke-sca nổi nóng. — Cậu thì thông minh rồi, nói cái gì cũng bảo là chuyện bịa ! Nếu cậu muốn biết thì tên cái cậu vừa câm vừa điếc ấy là Ni-cô-dim.

— Thế cậu ấy ở đâu ?

— Trước đây nó sống ở E-giốp, nhưng sau này đi với mẹ đến vùng U-rơ-dum.

— Minh biết mà, nhất định là cậu ta không có ở vùng Vi-át-ca.

— Cậu bảo mình nói dối phỏng ?

— Cậu không nói dối, nhưng đã nhắc lại những điều nhảm nhí.

— Liệu hôn, tớ sẽ cho cậu biết tay !

Cuộc cãi vã bắt đầu. Vôn hiền lành, Va-ni-a bé lên vào giữa hai ông bạn đang cãi nhau và câu nhau :

— E-giốp hay U-rơ-dum thì khác gì nhau ?

Cò-xchi-a nói cả quyết

— Không có anh chàng Ni-cô-đim nào ở trên đời này và cũng không có ai trèo lên trên đó bao giờ cả.

Ke-sca không nhìn ai, đưa cẳng tay cho Va-ni-a lớn và vượt lên trước Cò-xchi-a, lăm lăm hai nắm đấm, đầu nghèi h nghèi kiêu bò đực. Muốn đánh nhau chắc ? Cò-xchi-a đứng lại. Cả hai Va-ni-a đều lánh ra. Chúng tôn trọng luật lệ đường phố : hai đũa đánh nhau, đũa thứ ba không được can ngăn.

Vốn ưa những chuyện bí ẩn, bọn trẻ đều quả quyết rằng trên nóc nhà thờ thế nào cũng có những tổ cú, trên mặt sàn phủ bụi còn in hình vết chân một loại thú nào đó nhỏ hơn gấu, nhưng to hơn mèo rừng. Ở đó còn có một chiếc dây thừng mà anh chàng A-phô-nin ngốc nghếch đã dùng để tự tử.

— Cậu lại sắp nói, dây thắt cổ của A-phô-nin cũng là chuyện bịa chứ gì ? — Ke-sca nói về dọa dẫm.

— Được, mình sẽ trèo lên đó và sẽ kiểm tra lại...

Bọn trẻ ngáy người ra. Cò-xchi-a định trèo lên đó thật à ? Không thể như vậy được. Đó là điều khỏa lạc. Tất nhiên, cậu ấy sẽ bỏ cuộc và như vậy sẽ mang tiếng suốt đời. Không ai sẽ đánh



Cuộc cãi và bắt đầu.

bạn với câu ấy nữa. Cuộc đánh nhau đã mất hết ý nghĩa. Cần bắt cừu bé được nuông chiều này phải thú nhận, kéo sau này một phiên tòa trẻ con, không biết thèn vị là gì, sẽ phải phán xử.

— Khi nào thì câu trò lên đó? — Ke-sea cố nén, hỏi. Nó bỗng thấy thương hại cho Cô-xchi-a. Ke-sea nghĩ là Cô-xchi-a sẽ đánh trống lảng và nói một điều gì đó khôn ngoan hơn, nhờ biết tài của câu ấy. Nhưng Cô-xchi-a không nghĩ đến chuyện rút lui :

— Khi nào ấy à? Ngay bây giờ.

Bọn trẻ ngạc nhiên và lảng thính đi về phía nhà thờ. Cô-xchi-a hiểu « Lời nói không phải là cánh bướm... ». Câu sẽ cho bọn trẻ biết cậu là người như thế nào : « Tớ là người cường tráng và can đảm. Bây giờ tớ sẽ trò lên trên nóc nhà thờ, nơi mà không ai dám nghĩ đến. Còn các cậu — bọn người nhút nhát như tớ ấy, sẽ phải ngẩng đầu lên mà nhìn tớ ». Nhưng thật không đúng lúc, ngay khi đó cậu bé lại nhớ đến Ni-cô-đim và cảm thấy rung mình. Thử nghĩ mà xem. anh chàng ấy đã trở nên cảm...

Nhưng Cô-xchi-a không thể tính chuyện lùi được nữa. Cậu bé cảm thấy hình như không phải câu đi đến nhà thờ, mà chính ngôi nhà thờ cũ kỹ, phủ rêu đang tiến về phía cậu, vươn cao lên bầu trời là chiếc tháp ác bằng sắt mạ vàng. Cách nhà thờ mấy bước, Cô-xchi-a quăng chiếc mũ lưỡi trai xuống bãi cỏ. Bọn trẻ dừng lại. Không chùn bước, Cô-xchi-a tiến tới cửa nhà thờ và giật mạnh cánh cửa về phía mình.

Bọn trẻ liếc nhìn nhau ra ý thông cảm: «Dám trèo đấy!» Không hẹn ước, chúng đều đi ra xa nhà thờ hơn để tiện theo dõi. Tuy chiếc thang bắc lên gác chuông rất thẳng đứng, nhưng đây chưa phải là điều nguy hiểm vì còn có tay vịn và các bậc thang nguyên vẹn, nhưng tiếp tục lên nữa thì sao. Chiếc vành ở tận sát vòm đỉnh, nhưng người ta làm chiếc vành ấy để làm gì nhỉ? Có thể đây là chỗ đứng để mạ vàng chiếc tháp ác chăng?

Cò-xchi-a trèo lên và cảm thấy hơi khó thở. Người nóng ran, nhưng không thể dừng lại được nữa: ý chí suy yếu thì đầu gối sẽ run. Tiến lên! Cậu bé tiếp tục trèo. Chiếc thang dưới chân cậu đang đu đưa khiến người ta có cảm giác như nó sắp gãy ngay bây giờ... Cò-xchi-a liếc nhìn xuống dưới và nhắm mắt lại. Đã khá cao. Đồi chân không còn chịu nghe lời nữa. Chỉ xây chân một cái là có thể nát vụn như cám... Bắt đầu chóng mặt. Cò-xchi-a nắm chặt lấy tay vịn. Tiến lên! Dầu sao cũng phải tiến lên! Bây giờ không nhìn thấy Cò-xchi-a nữa, nhưng khi nào lên đến gác chuông và cao hơn thì các bạn ở dưới sẽ nhìn thấy. Cậu bé còn tiếp tục trèo hay đã mất tinh thần? Đến gác chuông thì ai cũng có thể làm được, nhưng cao hơn nữa thì... Cần phải vẫy bọn chúng và không dừng lại. Cái chính là không dừng lại. Tiến lên theo những bậc thang ọp ẹp để tới những tổ cụ.

Làm thế nào để lên được gác chuông, Xi-ôn-cốp-xki không còn nhớ lại được nữa. Chỉ biết là ở đó có đủ loại chuông đồng: to, nhỏ, nhỏ hơn nữa và nhỏ tí. Ở đây thật là tự do biết mấy! Phía dưới là những mái che rất nhiều màu, nào xanh,

nào đó. Đó là những mái tôn. Còn có những mái lớn hơn có màu xám sẫm, màu nâu vì đó là những mái gỗ. Phía trên những mái đó là vòm tròn cao nhất, tháp canh phòng cháy. Trên một ngọn đồi nhỏ nằm đối diện với nhà thờ là tòa nhà thương mại tráng lệ. Trước mắt cậu bé như hiện ra toàn bộ thị trấn Vi-át-ca nằm trên những sườn đồi với những vỉa hè bằng gỗ và những mặt đường rải đá. Đứng trên những tầng mây, nếu như leo được lên đó, thì thành phố sẽ có một hình ảnh như vậy. Cô-xchi-a nhớ đến những người bạn đứng ở phía dưới, thân ái vẫy chào họ. Bọn trẻ kêu lên điều gì đó, nhưng cậu bé không nghe được. Cậu ra hiệu lấy tay mà làm loa. Ke-sea đoán ra, liền cho hai tay lên mồm và quát to.

— Xuống đi! Đủ rồi! Chúng mình biết cậu không thuộc loại nhát gan rồi!

Một cái gì nóng nóng, nồn nao như chẹn lấy cổ họng Cô-xchi-a. Bọn trẻ tốt biết mấy. Chúng hiểu rằng: Cô-xchi-a không lùi bước, nên chúng đã lo cho cậu. Rất ngạc nhiên là cậu bé không còn sợ hãi và đã đặt chân lên bậc thang cấm. Tiến lên!...

Thử xem ai là đồ con cứng nào? Cậu bé nghĩ thầm. Một, hai, ba, bốn bậc thang... Không hiểu sao chúng hông rung rung và cong lại dưới sức nặng của cậu bé. Cả hai thanh vịn cũng lắc lư như người lên đồng. Cậu bé rất muốn nhui xuống đất nhưng không, tốt nhất không nên làm như vậy. Càng nhìn xuống lại càng sợ. Tuy thở khó khăn, nhưng cậu bé vẫn tiếp tục trèo lên. Từ dưới đất vẫn nhìn rõ chiếc thang bắc lên vành

đai ở vòm đình. Bọn trẻ vẫn theo dõi từng cử chỉ của Cô-xchi-a. Điều đó vừa khịch lệ, vừa làm cho Cô-xchi-a thêm hồi hộp. Nhưng miễn là đừng có trượt chân. Và đây, lại một thử thách mới: những bậc thang gãy đe dọa sẽ thất bại. Chính ở nơi đây Ni-cô-dim đã bị diếc và câm. Phía dưới vọng lên tiếng kêu:

— Đủ rồi!

— Ngã chết bây giờ!

— Xuống thôi!

Nhưng Cô-xchi-a nghiêng chặt hai hàm răng và tiếp tục trèo lên. Có thể thất bại ở chỗ này đây. Bậc thang tự nhiên rung rung. May mà không gãy. Tay vịn không còn nữa. Bỗng nhiên gió nổi lên. Cô-xchi-a sợ hãi nhận ra rằng: không chỉ có thang mà cả vòm đình cũng bắt đầu rung, đưa. Hay đó chỉ là ảo giác. Cậu bé hóp một hóp không khí. Khoảng không giá lạnh không phải ở trên đầu nữa mà ở ngay trước mặt cậu. Cậu bé chắm chú nhìn vào một điểm, cổ hơi khô và đôi tay thì run lên bần bật. Cậu bé đã nhiều lần bị chìm xuống nước, nhưng vẫn cảm thấy còn dễ chịu hơn lần này. Cậu cảm thấy mình sáng suốt hơn bao giờ hết. Nếu như bây giờ gió thổi mạnh hơn thì cậu sẽ bay xuống đất và chỉ còn là một đồng lung nhùng của cái trước đó gọi là Cô-xchi-a. Con sợ đầu tiên đã đến như vậy, nhưng tiếp ngay theo đó là sự giận dữ. Dù sao cậu cũng là một thẳng nhất gan phái không? Thật sự cậu là một thẳng công tử bột, một cậu bé hay làm nũng đứt đi rồi? Muốn ăn cháo bột phải không? Ồ! Một anh chàng nhu nhược! Đòi chân tự nó tiến về phía trước.

Đôi tay bỗng nhiên nắm chặt hơn. Những bậc thang hồng đã tụt lại phía dưới, lại những bậc thang nữa, cũ kỹ và sần sảng đồ sụp xuống. Tiến lên! Tiến lên, anh chàng nhát gan! Hit một hơi mạnh, rồi cậu bé cố tung mình lên vành đai vòm đình. Đến nơi rồi! Đến đích rồi! Có thể đã bị cảm như Ni-cò-đim chăng? Cậu bé phát âm « Ca-chi-a ». Cái tên của cô em gái út đã giúp cậu vững tin rằng: cậu vẫn nói được như trước. Thú vị thật! Cô-xchi-a cảm thấy vô cùng sung sướng, giống như những người thợ lặn bỗng nhiên cảm thấy thân mình đã chạm đến đáy sông.

Trong khoảnh khắc, Cô-xchi-a quên hết tất cả: nào bạn bè, nào những câu chuyện hoang đường liên quan tới chiếc gác chuông nọ, nào bức tranh toàn cảnh nhìn từ trên cao, nào là cơn gió ngày càng thổi mạnh dần lên. Cậu bé nằm trên những tấm gỗ đã bị thời gian găm nhấm. Không khi nào, không bao giờ cậu bé có thể quên được giờ phút vui sướng và tự hào này. Không một ai có thể đến đây được, thế mà chính cậu, khi muốn đã làm được kỳ công đó. Sau này quyết cũng phải như vậy. Cái gì ấp ủ trong ước mơ phải được thực hiện, cái gì đã quyết, phải làm bằng được.

Dần dần nhịp thở trở lại bình thường, Cô-xchi-a đã nghe thấy tiếng kêu của bọn trẻ ở dưới, nhưng không nghe rõ từng tiếng, từng câu và có lẽ cũng chẳng cần biết đến như vậy. Có thể biết chắc là chúng tỏ lòng khâm phục. Ngay ngày hôm nay trên đường phố Vi-át-ca sẽ lan truyền đi « bản tin đặc biệt »: « Chiếc quan tài treo » đã bị đột

kích và người làm việc đó không phải là một đứa trẻ lêu lổng nào mà chính là cậu Côn-xtan-tin Xi-ôn-cốp-xki lăm lè và ít nói. Ý nghĩ ấy đưa Cô-xchi-a trở lại với thế giới thực tại.

Cô-xchi-a bước xuống nền vành đai vòm đỉnh và đề ý tìm xem những tổ cú ở đâu. Chẳng thấy một tổ cú nào cả. Không những không có những con cú bí ẩn mà ở đây một bọn quạ đen bình thường cũng chẳng thèm làm tổ. Thế vết chân của con vật huyền bí đâu rồi? Chẳng thấy gì cả? Thế còn chiếc dây thắt cổ ở chỗ nào? Cả cái đó cũng không thấy nốt. Thậm chí Cô-xchi-a cảm thấy tiếc là phải vượt qua quãng đường không dễ dàng như thế để lên tới cái nơi «thần bí» này mà chẳng tìm ra một bí mật nào cả. Một vành đai trống rỗng!

Cậu bé trèo xuống. Gió mạnh quất vào mặt. Mặt sàn lắc lư như boong tàu trong cơn bão tố! Gió ngày càng mạnh hơn. Cô-xchi-a cố đi thêm một bước, một bước nữa, bỗng nhiên cậu cảm thấy cả vòm đỉnh nghiêng sang phải và như muốn sụp đổ ngay tức khắc.

Theo bản năng, cậu bé dựa sát vào tường gạch và cảm thấy vòm đỉnh đang lắc lư, thậm chí còn nghe rõ cả tiếng kêu ken két... «Vòm đỉnh sẽ sụp đổ và mình sẽ nát vụn!» Cô-xchi-a nghĩ mà rung mình. «Mình sẽ chết dưới đồng gạch vụn... Cần phải nhìn xuống dưới để cho các bạn nhìn thấy». Nhưng, vừa lúc đó gió đã hất cậu bé sang phía tay vịn và cả tay vịn bây giờ cũng lắc lư. Không còn một chỗ dựa nào vững chắc cả, mà cơn gió tai ác vẫn xô đẩy cậu bé một cách tàn nhẫn, không

thương tiếc. Phía trước chỉ còn là những vực thẳm và mặt đất xa vời...

— Ngã chết bây giờ!— Từ dưới vọng lên tiếng kêu của bạn bè, nhưng Cô-xchi-a không nghe thấy. Mặt tái xanh, cậu bé nhắm nghiền mắt lại. Một sự sợ hãi triền miên đang ám ảnh cậu bé. Đây không phải chỉ là sự tan vỡ mà còn khủng khiếp hơn nhiều. Không phải là sự chết mà còn đáng sợ hơn nữa. Đó là sự suy nhược của lý trí, của lòng tự chủ và tự trọng. Trong khoảnh khắc, cậu bé đã mù hẳn đi và đã hét to một điều gì đó, thậm chí không còn là tiếng kêu nữa mà là tiếng gào thét cầu cứu...

Cậu bé không còn nhớ rõ cậu đã rời khỏi tay vịn và ngã xuống sàn như thế nào. Khi tỉnh lại cậu không sao xua đuổi được cơn sợ hãi khủng khiếp. Là một sinh vật sống với đầy đủ ý nghĩa của nó, cơn sợ dựng tóc gáy đã xua đuổi cậu bé, đã xô cậu bé khỏi cái sàn trên vòng đai. Phải, ở đó có thể bị cầm, bị mù, bị bạc tóc. Sự sợ hãi và cơn gió đã hợp thành một cơn quỷ, chính nó làm chiếc gác chuông phải lắc lư và định cuốn đi cả chiếc vòm đỉnh với con người nhỏ bé bất lực trước sức mạnh của thiên nhiên.

Cơn gió đùa giỡn trên cao không ngớt dọa dẫm cậu bé và dồn cậu trở lại với cái thang ọp ẹp.

Run bắn cả người, hai hàm răng đập vào nhau cầm cập, Cô-xchi-a thả chân xuống bậc thang thứ nhất. Sợ xây chân ngã lộn xuống đất, cậu bé áp sát vào chiếc thang và từ từ tụt xuống.

Cô-xchi-a trèo xuống mất khá lâu, nhưng sau chẳng còn nhớ gì cả. Xuống đến gác chuông, cậu

bé nghỉ một lát, lau mồ hôi. Hai hàm răng vẫn còn lập cập, nhưng đã yên dạ hơn và Cò-xchi-a cũng hiểu rằng: bọn trẻ thích tranh cãi không bao giờ chịu thừa nhận là mình sợ một cái gì cả.

Từ gác chuông, cậu trèo xuống càng cẩn thận. Để yên tâm hơn, cậu bé khe khẽ đọc những câu thơ mà mình yêu thích.

Bọn trẻ đứng dưới không khỏi lo lắng. Cuối cùng, Cò-xchi-a đã xuống tới mặt đất, tuy bước đi có phần khó khăn nhưng bên ngoài cậu vẫn tỏ ra bình tĩnh và thậm chí có phần giễu cợt nữa.

— Thế nào?—Ke-sca hỏi với vẻ vị nể ra mặt.

— Thật là tổn công vô ích!—Cò-xchi-a lắc đầu.

— Chẳng có một tổ chim nào, chẳng có dấu vết của con vật thần bí và cũng chẳng thấy chiếc dây thừng của A-phò-nin.

Va-ni-a bé đưa trả lại Cò-xchi-a chiếc mũ cát két. Ke-sca nhìn vào mặt cậu bé :

— Kề ra cậu cũng đừng cảm đấy ! Không phải là loại « con cưng của mẹ » đâu nhé !

Bọn trẻ đi dọc theo đường phố có phần hơi thất vọng : giá như bây giờ đã có chiếc dây thắt cổ của A-phò-nin thì hay biết mấy.

Va-ni-a lớn câu nhàu :

— Giá mình có quyền, mình phải cắt lưỡi bọn nói láo. Thật là khéo bịa chuyện : nào là thú dữ, cú mèo, dây thắt cổ...

Bốn đứa trẻ cùng đi và ba đứa thậm chí không đoán được rằng đứa thứ tư, sau khi ở lưng chừng trời xuống, bây giờ nó cảm thấy sung sướng biết bao, vì nó đã chiến thắng sợ hãi và đã không bỏ cuộc.

Ê-CA-TÊ-RI-NA I-VA-NỐP-NA

— Mỗi người đều có những cá tính riêng,
— Côn-xtan-tin Ê-đu-a-đô-vích nói. — Ví dụ, có người tinh tinh thoải mái, lúc nào anh ta cũng vui. Ở người khác, đôi mắt lại đượm một vẻ buồn và anh ta luôn luôn tỏ ra chán đời. Người khác thì lại nói năng lung tung. Chẳng đâu vào đâu cả...

Ê-ca-tê-ri-na I-va-nốp-na thuộc loại người tốt bụng. Ít khi gặp được những người tốt bụng như vậy. Hình như bà sinh ra chỉ để làm những điều thiện.

Tôi biết bác ấy từ lâu lắm rồi. Từ hồi tôi còn nhỏ tí ở Ri-a-dan ấy. Có một lần tôi bị ốm, mẹ tôi đặt chiếc khăn mặt ướt lên trán tôi. Làm như vậy có phần dễ chịu hơn và tôi bắt đầu thiu thiu ngủ. Nhưng ngay cả trong khi ngủ, tôi vẫn cảm thấy đôi tay mềm mại của mẹ tôi. Thời gian như dừng lại, lúc thì tỉnh, lúc thì mê. Có một lần tôi mở mắt ra và suýt òa lên khóc. Đứng bên tôi là một người đàn bà già hơn mẹ tôi, không duyên dáng như mẹ tôi, nhưng có những nét giống giống mẹ tôi. Hiểu nỗi lo âu của tôi, bà mỉm cười và tôi cảm thấy yên tâm hơn. Thật tình, bà có nụ cười hấp dẫn hơn mẹ tôi vốn là một người phụ nữ kiêu hãnh và có phần hơi tự cao. Nếu cố rặn ra hay để lấy lòng chắc khó có thể cười như vậy được. Bác Ca-chi-a (1) vỗ về tôi, rồi đi sang buồng bên và trở lại với một chiếc chai nhỏ.

(1) Tên gọi triu mến của Ê-ca-tê-ri-na I-va-nốp-na.

— Đây là giấm ! — Bác giải thích. — Bây giờ bác cháu ta rót một ít vào nước, nước sẽ trở thành hơi chua chua. Mà bệnh nóng thì lại sợ chất chua. Bác cháu ta có giấm rồi thì chắc nó phải chạy thôi.

Vừa rót giấm vào nước, bác Ca-chi-a vừa trò chuyện. Bác cố kéo tôi cùng tham gia vào mọi chuyện :

— Bác cháu ta là không thích ồn rồi. Ngoài trời đẹp biết mấy. Mặt trời chiếu sáng, những chú chim đua nhau bay lượn trên không, cỏ non xanh mơn mớn. Không ! Bác cháu ta phải mau khỏi bệnh để còn ra đường chơi chứ nhỉ ? Trẻ con đã bắt đầu thả diều rồi, chúng còn thả thuyền giấy trên các dòng suối nữa. Bác cháu ta cũng sẽ thả một chiếc tẩu phá băng, một chiếc tàu nổi tiếng nhé !

Không hiểu do giấm hay do cái gì, nhưng cơn nóng quả có giảm và tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Sáng hôm sau tỉnh dậy, cả nhà tràn đầy ánh nắng. Bác Ca-chi-a ngồi ở đầu giường, đang thoăn thoắt đôi que đan. Tôi chẳng bao giờ thấy bác ngời tay, lúc nào cũng làm một việc gì đó, nếu không là quần áo thì đan tất hoặc găng tay, nếu không thì lại vá quần áo cho các cháu. Việc thêu thùa may vá, bác thường làm vào những lúc rảnh rỗi sau khi nấu ăn, thu dọn nhà cửa, giặt giũ quần áo. Làm việc là thói quen của bác. Nhìn bác, tự mình cũng cảm thấy muốn làm việc.

Tất cả tình yêu và sự chăm sóc của bác, bác đã dành cả cho gia đình đông con của chúng tôi và dường như có phần đặc biệt đối với tôi. Chưa



... đang thoãn thoắt đôi que đan.

nói hết câu, bác đã hiểu ý tôi. Bác đoán trước được ý nghĩ của tôi. Bác che chở cho tôi và đôi lúc còn bảo vệ tôi.

Tôi nhớ có lần tôi ra sông tắm không xin phép gia đình. Hòa theo bạn bè, tôi bơi ra một chỗ sâu và suýt nữa thì chết đuối. Khi về nhà, mặt mày nhợt nhạt, mẹ tôi đoán ra ngay là tôi đi tắm. Chắc chắn không tránh khỏi bị phạt, nhưng may bác Ca-chi-a đã nói :

— Ma-sa ! Đừng động đến nó. Nó không có lỗi gì đâu, tôi cho nó đi tắm đấy !

Mẹ tôi lắc đầu quay về phòng.

Bác Ca-chi-a cùng tham gia với tôi trong nhiều trò chơi...

— Thế bà ấy giúp bác được gì ? — Tôi tò mò hỏi.

— Anh có biết không, hồi nhỏ tôi rất thích làm những đồ chơi bằng giấy ; nhưng để làm việc đó cần phải có bìa các-tông, giấy và keo dán. Bác Ca-chi-a đã giúp tôi có được những thứ ấy. Bác đã xin cho tôi keo dán gỗ, tự mình quấy hồ và đi nhặt những giấy bọc đường đem về cho tôi. Bác làm quen với một ông thợ đóng sách và xin cho tôi khá nhiều bìa các-tông. Khi tôi làm được những thứ đồ chơi như chiếc xe đẩy, cái cân hoặc chiếc xoong thì bác tỏ ra vui sướng vô hạn y như bác đang còn là một đứa trẻ và tôi thì làm những thứ đó chính là để cho bác. Thật ra, có lẽ bác không nghĩ tới điều đó, nhưng bác đã làm ra thế để khuyến khích tôi.

Đầu tiên tôi chưa biết cách làm điều. Hi hục dán mãi nhưng khi thả, điều không chịu bay lên.

Bác Ca-chi-a cũng cảm thấy buồn phiền và bác đã nghĩ ra cách giải quyết. Bác tìm đến cho tôi một cậu bé, một tay sành chơi điều. Nhờ cậu ta giúp, lần đầu tiên tôi đã đưa được chiếc điều lên trời, và sau đó đã học được cách dán điều và làm thành thạo đến mức bọn trẻ phải đến nhờ tôi dạy lại.

Khi tôi không làm được những thứ đồ chơi như chiếc đu quay, cái tổ ong, bác Ca-chi-a bỏ dở việc của mình, chạy đến ngồi bên tôi và không chỉ mách nước mà còn tự tay cùng dán với tôi.

Bác cũng dạy tôi cách dùng xi găng và sáp ong, dạy tôi đập máy khâu và tôi đã đạt tới mức có thể giúp mẹ tôi may vá thường xuyên.

Khi bắt đầu bước vào bất kỳ một lĩnh vực hoạt động nào, người ta rất quý trọng sự tham gia của một người nào đó. Khi làm những đồ chơi như chiếc xe, cái thuyền, đầu xe lửa bằng bia cát-tông, giấy và gỗ, tôi đã linh cảm chuẩn bị cho mình một hoạt động mai sau. Ngoài mẹ tôi ra, mọi người trong nhà đều coi đó là những trò chơi trẻ con. Trẻ con thì có từ một thứ gì mà không nghịch! Nhưng tôi có cảm giác chính bác Ca-chi-a, một người hầu như mù chữ, đã hiểu được rằng điều đó sẽ cần cho tôi vào một lúc nào đó, và rất coi trọng mọi thứ đồ chơi mà tôi nghĩ ra. Mẹ tôi không ngăn cản mà còn rất hài lòng về việc làm của tôi. Còn bác Ca-chi-a thì luôn gợi ý cho tôi những suy nghĩ mới mẻ.

— Sao lại có thể như vậy được? Lẽ nào bà ấy lại biết được bác cần gì?

— Tất nhiên bác ấy không biết nhưng tình yêu là một điều rất vĩ đại. Khi đã yêu mến một

ai thì người ta có thể đoán được người đó đang cần gì.

Có một lần bác Ca-chi-a đem đến cho tôi một lá thép :

— Cô-xchi-a, bác biểu cháu cái này. Ở nhà ta cháu của bác là « bà đồng nát », thu nhặt đủ mọi thứ, phải không nào ?

Tôi cầm lá thép quan sát, uốn thử thì ra đó là một loại thép làm lò xo rất quý. Tuy chính bác không dự tính, nhưng bác đã làm cho tôi nảy ra ý nghĩ thiết kế một chiếc xe tự chạy bằng dây cốt. Bác Ca-chi-a đã kiếm về cho tôi một đồng to thép lò xo : « Đây, ông thợ làm đi ! Làm thật khéo vào nhé ! »

Tôi quên hết mọi thứ, đầu óc chỉ nghĩ đến máy móc. Cái xe này chưa tốt lại phá đi làm cái khác tốt hơn. Tôi đã làm những chiếc xe đơn giản và cả những chiếc phức tạp hơn. Sau một thời gian dày công tìm tòi, tôi đã làm được một chiếc xe chạy tự động. Tôi rất phấn khởi và bác Ca-chi-a còn phấn khởi hơn tôi thì phải !

Có một lần tôi mang chiếc xe lên gác thượng. Gió thổi mạnh, chiếc xe vẫn chạy ngược chiều gió.

Một hôm có khách đến nhà, bố tôi muốn khoe chiến công của tôi. Ông gọi tôi đến :

— Mang chiếc xe của con ra đây xem nào !

Bác Ca-chi-a cũng đến giúp tôi đưa chiếc xe vào phòng khách. Khách không tin rằng chiếc xe có thể đi ngược chiều gió. Mọi người chú ý xem và lắc đầu. Tất nhiên trong nhà không có gió. Chiếc xe không chạy. Tôi đứng đó mặt đỏ như gấc, chẳng còn chỗ nào mà dọn thờ. Ngay lúc đó

tôi cảm thấy hình như có ai đó kéo tay áo tôi. Nhìn lại thì ra bác Ca-chi-a. Bác kéo tôi vào bếp và ấn vào tay tôi chiếc ống bễ. Quả thật tôi không để ý cái ống đó xuất hiện ở trong nhà từ bao giờ. Có lẽ bác Ca-chi-a đã kiếm về làm trò chơi cho tôi thì phải.

Tôi vội trở lại phòng khách, làm gió nhân tạo và chiếc xe của tôi đã bắt đầu chuyển bánh. Mọi người rất đổi ngạc nhiên và khen tôi hết lời, thậm chí còn tiên đoán rằng sau này tôi sẽ trở thành một kỹ sư. Bố mẹ tôi rất hài lòng. Còn bác Ca-chi-a thân yêu của tôi thì khỏi phải nói! Cũng cần nói thêm rằng: nếu không có bác ấy chắc không có sự thành công vừa rồi của tôi.

Từ chiếc xe đồ chơi đó, tôi đã nảy ra ý nghĩ sẽ làm cho cả thành phố phải ngạc nhiên. « Tôi sẽ làm một chiếc xe tự hành cỡ lớn và sẽ ngồi trên đó đi dạo khắp các đường phố. Tất nhiên cần phải có sắt. Nhưng tôi sẽ để dành tiền. » Tôi quyết định như vậy...

Xi-ôn-cốp-xki im lặng.

— Bác đã làm chiếc xe đó chưa?

— Không. Tôi đã bắt đầu dành tiền để mua sắt, nhưng tôi nhận ra ngay rằng không thể ăn dè một quả trứng được.

... Tôi tưởng tượng Côn-xtan-tin E-đu-a-đô-vích khi đang còn là một cậu bé mắt to, tóc cắt cao, mặc chiếc áo vá màu xám: nhà thiết kế tí hon đang lên dây cót tự tạo trên những chiếc xe đồ chơi và chúng bắt đầu chuyển động. Và bỗng nhiên, những chiếc đồng hồ, cối xay gió, đu quay đều hoạt động.

Nhà bác học lại tiếp tục :

— Có lẽ, thành công lớn nhất của tôi hồi đó là chiếc máy tiện.

— Bác tự làm cả máy tiện nữa cơ à ?

— Đúng như vậy ! Giống như anh, mọi người chẳng ai tin cả, ngay cả bác Ca-chi-a của tôi cũng lắc đầu tỏ vẻ nghi ngờ. Nhưng người trong nhà càng hoài nghi bao nhiêu thì tôi càng say sưa bấy nhiêu. Tôi chui vào kho chứa củi để bào, cưa, đục, chạm. Tất nhiên lúc đầu chưa biết làm. Tôi chạy đến bác thợ mộc, ngắm đủ thứ, vẽ phác mấy bản vẽ đơn giản. Tôi mày mò hơn một tuần và sau đó dẫn bác Ca-chi-a đến kho chứa củi. Mở tấm vải phủ, tôi chỉ cho bác chiếc máy tiện. Quá ngạc nhiên, bác đưa hai tay lên đầu :

— Cháu tự làm đấy à ?

Tôi không giấu nổi nỗi vui sướng trả lời :

— Vâng.

Tôi mặc chiếc tạp dề, lắp sắt vào máy và tiện một con quay ngay trước mắt bác Ca-chi-a.

Máy kêu ro ro, phoi sắt xoắn tròn, vụn sắt rơi xuống đất, còn bác Ca-chi-a thì ngắm nhìn và trầm trồ khen ngợi.

Bố tôi cũng tới xem chiếc máy. Ngay lúc ấy ông chẳng nói gì cả, nhưng sau đó ông đã quyết định sẽ cho tôi đi học ngành gì. Còn bác Ca-chi-a thì đã tỏ ra là người biết chịu đựng. Tuy không muốn xa tôi, nhưng bà là người đầu tiên ủng hộ ý định của bố tôi gửi tôi đi Pê-téc-bua hay Mát-xcơ-va học. Biết nói thế nào về bà, người bác khác thường ấy...

Nhưng không phải tất cả mọi điều ở bà đều tốt cả. Tôi tin rằng không một ai lại không có nhược điểm của mình. Điều quan trọng là những nhược điểm đó thuộc loại nào. Về mặt hình thức và nghi lễ, bà rất sùng đạo. Bà thích đi lễ nhà thờ buổi sáng, thích nước thánh, thích những ngọn đèn trước tượng chúa.

Bố mẹ tôi không treo ảnh chúa. Ở nhà chỉ có bác Ca-chi-a cầu kinh và đi lễ nhà thờ. Trên đầu giường bác có treo hai ảnh chúa be bé. Vào những ngày chủ nhật và trước ngày lễ, bác lại đốt đèn lên để cầu nguyện. Bác ấy không ép buộc ai phải theo đạo, nhưng tôi đọc thấy trong đôi mắt bác không phải sự quở trách, không phải sự lên án mà là sự thương hại vì tôi không khi nào làm dấu và không đeo thập ác, vì tôi sẽ trở thành một người vô thần. Bác Ca-chi-a còn có một nhược điểm nữa...

Tôi chú ý nghe, còn Xi-ôn-cốp-xki hóm hỉnh cười :

— Cái nhược điểm này làm bố mẹ tôi phải khó chịu. Ê-ca-tê-ri-na I-va-nốp-na là người nhẹ dạ và thường đem về nhà đủ loại tin đồn, đủ loại chuyện giật gân và nhảm nhí. Bác ấy không chỉ kể lại mà còn thêm thắt, nói đúng hơn là còn tưởng tượng ra nhiều thứ khác nữa. Đi chợ về, bác ấy kêu lên là chiến tranh với Thổ Nhĩ Kỳ đã bắt đầu. Lúc thì quả quyết rằng ở Vi-át-ca đang có bệnh dịch hạch. Lúc thì dựng đứng lên câu chuyện có những bọn cướp ngày đã dùng riu chặt đầu cả một gia đình.

Bố mẹ tôi phản đối bác về những câu chuyện đầu đường xó chợ ấy, tuy nhẽ nhận, nhưng kiên quyết, cấm ngặt không được đem về nhà kể lại. Bác Ca-chi-a bực mình và đã một thời gian không kể những câu chuyện kinh khủng như vậy cho chúng tôi nghe nữa. Bọn trẻ chúng tôi thì ngược lại, thà ăn đói một tí, nhưng được nghe những chuyện ly kỳ thì vẫn thú vị hơn. Có mặt bố mẹ tôi, bác Ca-chi-a lặng thinh, không kể một tí gì, nhưng khi bố mẹ tôi vừa ra khỏi cửa là bác đã gọi chúng tôi xuống bếp và nói lại tất cả những gì nghe được ở những bà ngồi lê mách lẻo, và tôi cảm thấy một vài tình tiết hình như bác ấy có bịa thêm thì phải. Mà bác ấy thì quen biết khá nhiều những bà ngồi lê mách lẻo ấy !

— Bác Côn-xtan-tin E-đu-a-đô-vich, bác thường nói : « Mẹ ơi, đến đây ngồi một lúc đã, nào ! » ?

— Đây là câu cửa miệng của bác Ca-chi-a đấy.
— Xi-ôn-cốp-xki mỉm cười. — Tôi hay nói theo, bây giờ thành thói quen...

— Thế bác không nhớ một câu chuyện nào của bác Ca-chi-a sao ?

— Không nhớ sao được ! Từ nhỏ trí nhớ của tôi đã khá tốt. Bây giờ tôi kể một vài mẩu chuyện vậy nhé ! Chẳng hạn, có một lần bác ấy từ ngoài chợ về, mặt tái đi, đôi mắt sáng lên. Chúng tôi săn lại gần bác. Vừa về đến nhà, bác ấy đã vớ ngay lấy đôi que đan và cuộn len. Chúng tôi ngồi im, chờ đợi. Bác ấy trịnh trọng nói :

— Người ta mới đưa một con thú từ U-ran về!

Thậm chí chúng tôi hơi thất vọng, con thú từ U-ran về thì có gì là lạ, không chó sói thì cáo là cùng chứ gì ?

— Một loài thú đáng sợ, chưa ai nhìn thấy bao giờ. Người rừng ! Nó có thể phá tan cũi sắt, bẻ gãy xích sắt, nhảy qua tường đá.

Chúng tôi cảm thấy hơi sợ :

— Thế người ta chuyển nó đến đây làm gì ?

— Người ta nhốt nó trong một cái cũi làm bằng gỗ hoàng dương. Thớ gỗ ấy cứng hơn sắt và đá, nhưng lại rất mau hỏng. Trong vòng một tháng nó không biến đổi gì cả, nhưng sau một tháng thì bắt đầu vụn ra như cám. Con thú đã ở trong cũi được hai mươi chín ngày. Ngày mai là ngày cuối cùng nó bị giam, còn sau này thì liệu hồn với nó. Nó sẽ xoi tái nửa thành phố. Năm người mới đủ một cái ngoạm của nó. Trong bụng con quái vật đó, người ta sẽ vung vẩy kêu la. Ai sẽ đến cứu họ ? Người nào mà chẳng muốn sống ! Còn hình thù con quái vật thì chẳng ai hiểu nổi. Nó giống như một quả bóng đầy lông, nhưng lại luôn thay đổi, lúc thì phồng to, lúc thì bẹp dẹt lại. Lông màu sẫm, mọc dựng đứng lên. Có cả thấy tám mắt. Mồm thì có năm hàm răng, hàng đầu là những chiếc răng to như con dao găm, kế đó là những loại răng bé hơn, hàng cuối cùng giống như răng cá măng. Thật khó có thể phân biệt được đầu là đầu, đuôi là đuôi, nên người ta gọi nó là con « không đầu không đuôi ».

— Cho dù Ê-ca-tê-ri-na I-va-nốp-na có thời phòng đi chẳng nữa, nhưng chắc là bác ấy không

thề tự bịa đặt ra tất cả được. Nghĩa là trong thực tế hẳn là phải có cái gì đó ?

— Tất nhiên rồi, — Xi-ôn-cốp-xki xác nhận — Hồi đó quả là người ta có đưa đến Vi-át-ca, không hiểu từ U-ran hay từ Xi-bia, tất nhiên, không phải là con vật « không đầu không đuôi » mà là một con chồn bình thường. Ở vùng tôi, người ta không biết loại chồn đó và thế là người ta bịa ra đủ thứ chuyện...

Côn-xtan-tin E-đu-a-đô-vích thở dài :

— Rất tiếc là không còn tấm ảnh nào của bác Ca-chi-a. Bác ấy đã dành cả cuộc đời cho gia đình chúng tôi. Làm từ sáng sớm đến tận chiều tối, bác ấy chẳng đi đâu cả ngoài những buổi đi lễ nhà thờ và thăm nghĩa địa. Có một lần, từ nghĩa địa trở về, bác ấy nói....

Xi-ôn-cốp-xki vô ý bắt chước giọng nói của bà bác :

— Cô-xten-ca (1) này, cháu có biết cái gì đã xảy ra với bác không? Nếu cháu kể cho người khác, chắc họ sẽ không tin đâu. Sau bữa trà, bác đi ra nghĩa địa. Đến nơi, ở đó không một bóng người, chỉ có những cây thánh giá đặt trên những tấm bia và những cây liễu, cây bạch dương rủ lá. Một sự im lìm tuyệt đối. Không có tiếng lá cây xào xạc, không một tiếng chim kêu.

Bác đề ý lắng nghe, chỉ nghe thấy tiếng tim mình đập giống như tiếng búa nện trên đe. Bác cảm thấy chạnh lòng, thương hại những người nằm dưới mồ. Bác rẽ lá bước đi. Bỗng nhiên có

(1) Cách gọi âu yếm của Cô-xchi-a.

tiếng sột soạt. Bác thấy hơi sợ, hai chân đập vào nhau. Lại tiếng sột soạt nữa. Bác làm dấu, nhưng tiếng động càng to hơn. Bác đề ý lắng nghe, có tiếng nhai tộp tộp, hình như có ai đang ăn một cái gì đó. Tiếng hai hàm răng đập vào nhau, tiếng nuốt nước bọt. Bác thấy tim mình như ngừng đập. Bác nhìn lại phía sau, đảo mắt một lượt, nhưng không thấy ai cả. Bác lăm răm cầu nguyện và theo con đường, mòn quay trở lại, nhưng ở phía sau dường như có tiếng ai la lối, xua đuổi. Bác cầm đầu chạy, không dám quay cổ lại, nhưng vẫn muốn biết ai đang đuổi theo mình, một con người không có ai bảo vệ. Đùng là một loài vật hay một người nào đó ở dưới mồ hiện lên. Bác chạy thực mạng, mặc cho cành thông quất vào mặt, kính rơi xuống đất, mà mắt kính thì bác còn nhìn thấy gì nữa đâu. Nhưng dù sao bác vẫn cố chạy mà vẫn muốn nhìn lại đằng sau. Ôi, sợ ơi là sợ! Ôi, con quỷ sa tăng! Tại sao nó lại không giấu mặt nó đi. Tuy không có kính, nhưng bác đã nhìn thấy tất cả. Lông nó màu xám, chân không giày nhưng có móng. Trên đầu nhô ra hai cái sừng. Mắt to bằng cái tách uống trà, đỏ lừ... Mặt dài, cằm nhọn. Nó không nói rõ thành tiếng, chỉ âm ừ trong cuống họng. Cháu biết đấy, con người biết nói, con vật biết rống, còn con chim thì biết hót. Nhưng giọng con quái vật này không giống giọng người, mà cũng chẳng giống tiếng kêu của thú vật.

Bác Ca-chi-a lúc đó mới cởi giày, tháo tất và chỉ cho tôi những vết tím ở chân, hậu quả của

cuộc chạy khùng khiếp vừa rồi. Bác ấy khẩn khoản nhờ tôi ra nghĩa địa tìm hộ bác cái kính.

Tôi đi tìm kính cho bác, nhưng chẳng thấy đâu cả. Tôi cũng lại gặp quý sa tăng. Nói chung, bác Ca-chi-a tả nó tương đối đúng: lông xám, có móng, có sừng, cằm nhọn... Cả vùng Vi-át-ca này đều biết con dê già của đội chữa cháy. Nó đi khắp thành phố và rẽ vào nghĩa địa gặm cỏ non.

Im lặng một lúc, Xi-ôn-cốp-xki nói thêm :

— Tuy mẹ tôi và bác Ca-chi-a không giống nhau lắm, nhưng trong ký ức tôi hai người đã nhập thành một. Sau này bác Ca-chi-a đã trở thành người mẹ thứ hai của tôi.

CÂY ĐẰNG CAY

Côn-xtan-tin E-đu-a-đô-vích nhẹ lay cây anh đào phủ đầy hoa trắng. Những cánh hoa trắng như tuyết rơi lả tả. Không hiểu sao mùi hoa anh đào ngào ngạt và hơi đặng đặng đã gọi lại cho Xi-ôn-cốp-xki những ký ức về những ngày thơ ấu, về bà mẹ.

— Khi cả gia đình tôi rời khỏi Ri-a-dan, — Vừa đưa cành hoa anh đào lên mũi, ông vừa chậm rãi nói — Tôi vẫn tin rằng : ở Vi-át-ca tôi hơn, nhưng té ra nơi ở mới đã quyến rũ tôi ngay từ đầu. Cũng có thể vì Vi-át-ca đã đón chúng tôi

băng mùa hoa anh đào. Đến mùa anh đào nở hoa thì ở đó tất cả là một màu trắng như tuyết. Câu chuyện xảy ra vào xuân 1868. Hồi đó, tôi thích trèo anh đào. Mùa xuân, tôi làm gãy mấy cành hoa anh đào và mùa thu thì lại vỡ phải cành anh đào có quả chát xít. Tôi cũng thích tắm sông. Sông Vi-át-ca khá nguy hiểm, nhiều chỗ xoáy, nhiều vực thẳm. Tôi thường tắm một mình, không hiểu sao không bị chết đuối. Có một lần, lần này tôi đi với em I-gơ-na-chi-a, đang tắm thì trượt chân xuống một hố sâu và chạm phải một cái gì đó, không biết là cái neo hay một gốc cây. Bị va khá mạnh làm tôi ngất đi. May mà em tôi kéo được lên bờ. Lê mãi mới về đến nhà. Chúng tôi đều sợ sẽ bị quở mắng. Còn một lần khác thì nguy hiểm hơn nhiều. Vào mùa thu băng tan, những tảng băng nổi lênh bênh, chen chúc nhau trôi giạt vào tận bờ. Tôi cùng một câu bạn rủ nhau ra sông chơi. Cậu bạn tôi có một chiếc sào dài. Dùng chiếc sào đó, cậu ta nhảy lên những tảng băng. Trôi xuôi được một đoạn cậu ta lại nhảy lên bờ. Tôi cảm thấy hay hay. Chọn một tảng băng to hơn và không có sào, tôi đã nhảy lên nó. Nhưng tiếc thay, đó không phải là băng mà là một đám bọt xám. Tôi rơi tồm xuống nước băng. Lạnh cứng cả người, không tài nào cựa quậy được nữa. Cậu bạn nhảy xuống cứu, nhưng cũng bất lực. Chúng tôi đều nghĩ là cái chết đã kề bên. Khó khăn lắm chúng tôi mới bơi được vào bờ, và chạy ngay tới chỗ bác gác kho củi. Ông già đốt một đống lửa thật to để chúng tôi hơ quần áo. Tôi thiếu não đi về nhà. Chiều

hôm đó tất nhiên nhiệt độ tăng dần, mình tôi đầy những nốt mẩn đỏ.

Ở công viên A-léc-xan-đrốp, trên bờ sông Vi-át-ca có chiếc đu quay lớn đủ chỗ cho mười người... Những thùng ghế khá nặng treo trên những sợi dây chằng. Đây được chiếc đu đó không phải chuyện dễ. Khá nặng! Đứng dưới đất tôi đã lấy hết sức đẩy mạnh đu. Nhưng đây thì không đẩy được, mà giữ lại thì cũng không đủ sức. Thế là chiếc đu làm tôi ngã bở nhào, không hiểu sao không ảnh hưởng đến cột sống. Đau điếng, tôi nằm lịm đi khá lâu, nghĩ là không thể đứng lên được. Em I-gơ-na-chi-a tìm mãi mới thấy tôi và vất vả lắm mới đưa được về nhà.

Còn trèo anh đào thì ngã là thường. Ngã, dậy, phủi quần áo và lại trèo cao hơn. Có một lần tôi trèo lên tận ngọn cây, cành bị gãy, tôi ngã lộn nhào. Lần này thật khó mà sống, nhưng may thay lại rơi vào bụi tường vi. May có bụi cây làm đệm nên xương cốt vẫn còn nguyên, chỉ sây sát đôi chỗ.

Nét mặt Xi-ôn-cốp-xki hơi biến đổi, tôi đoán ông đang nhớ lại một điều gì không vui:

— Hai anh A-léc-xan-đrơ và Đơ-mi-tơ-ri hồi đó theo học ở trường làm nghiệp Pé-téc-bua. Gia đình tôi nhận được thư của A-léc-xan-đrơ: « Đơ-mi-tơ-ri nằm bệnh viện — sốt cao ». Mẹ tôi đọc bức thư, lòng đau như cắt. Bà trông chờ tất cả ở Đơ-mi-tơ-ri. Tệ nghiện rượu của Đơ-mi-tơ-ri đã dẫn đến căn bệnh đó. Ít lâu sau, một bức thư thứ hai: « Đơ-mi-tơ-ri đã chết ». Lúc đó anh ấy

mười mười bảy tuổi. Quá buồn phiền, mẹ tôi gầy rộc đi. Có lần mẹ tôi cho gọi tôi và I-go-na-chi-a đến. Lúc đó tôi mười ba tuổi, còn em tôi mười một. Xoa đầu chúng tôi, mẹ tôi hỏi:

— Nếu mẹ chết, các con có buồn không?
Cả hai chúng tôi đều òa lên khóc.

Ít lâu sau bà làm bệnh. Bố tôi đi mời thầy thuốc. Một ông già tóc hoa râm, ăn mặc chỉnh tề đến nhà. Khám cho mẹ tôi một hồi lâu, ông ta nói:

— Không hề gì, bà uống loại bột này, ngày ba lần, sẽ khỏi ngay tức khắc.

Tôi cầm đơn chạy ngay ra hiệu thuốc, rồi lật đật chạy về ngay. Tôi rất muốn mẹ tôi chóng khỏi bệnh, nhưng bệnh tình ngày càng tăng.

Lần thứ hai, ông bác sĩ cau mặt lắc đầu, nhưng vẫn lặp lại:

— Không có gì đặc biệt, chỉ có môi hơi se lại. Cứ để bà nhà ta uống thêm một ít nữa...

Khi ông ta đi khỏi, mẹ tôi bắt đầu khóc. Nhìn thân hình tiều tụy của mẹ, tôi không kìm nổi nước mắt. Tất cả những ngày cuối cùng của người, hầu như tôi không rời mẹ tôi.

Có một lần bà nói với tôi:

— Rượu là một thứ rất nguy hiểm. Mi-chi-a đã chết vì nó. Và bây giờ, con thấy đấy, cái chết của anh con lại đang nhòm ngó mẹ. Thế là mẹ cũng vì rượu mà làm bệnh... Có lẽ, mẹ chết mất... Cô-xtiu-sca, liệu con có thể hứa với mẹ được không?

Qua hàng nước mắt, tôi trả lời rằng: tôi sẽ hứa bất kỳ một điều gì và không bao giờ, không bao giờ tôi làm sai lời hứa đó.

— Thế thì con nói theo mẹ...

Tôi nhắc lại theo mẹ tôi :

— Con hứa sẽ không bao giờ đưa một ly rượu lên miệng.

Bà mệt quá, mắt nhắm nghiền. Sau đó bà khẽ nói :

— Mẹ tin con.

Mẹ đã xỉu đi như ngọn nến tàn. Bố tôi không còn giữ được bình tĩnh nữa. Bác Ca-chi-a ra sức chữa chạy : chườm nước giấm, đắp lá phúc bồn tử, vẩy nước thánh. Mẹ tôi lặng lẽ ra đi, không rên rĩ, không than vãn.

Ông bác sĩ già ngạc nhiên dang rộng hai tay :

— Bà ấy có bệnh gì đâu mà đến nỗi thế này cơ chứ?

Tôi liếc nhìn bố tôi mà phát sợ. Tôi nghĩ bố tôi sẽ túm lấy cổ ông già nọ và cho mấy quả đấm.

Tôi không tìm đủ từ để nói lên được cái chết của mẹ tôi đã làm tôi xúc động đến mức nào. Tôi không rời thi hài, mà ngồi đó khóc và rất sợ người ta sẽ chôn mẹ tôi xuống đất. Tôi nghĩ thật khó có thể chịu được điều đó. Nhưng sau đó ít ngày tôi rất ngạc nhiên về sự nhũn tằm của mình. Người ta mai táng mẹ tôi và một tuần lễ sau, tôi đã bắt đầu trèo cây anh đào. Tôi không bao giờ tha thứ cho cái tình vô tư đó, một sự xúc phạm đối với hương hồn của mẹ tôi. Và đối với tôi, cây anh đào, một sự quở trách sâu sắc, đã trở thành một cây cay đắng.

Dù sao tôi vẫn giữ lại được một vật kỷ niệm quý giá của mẹ tôi. Hai ngày trước hôm chết, mẹ tôi bảo I-go-na-chi-a lấy cuốn sách bìa đỏ trong

tủ sách của bố tôi đem lại cho bà. Đưa cánh tay yếu ớt đỡ lấy cuối sách, bà nói.

— Cò-xtiu-sea, con sắp sửa bước vào tuổi mười ba. Cuốn sách này do Páp-len-cốp xuất bản. Con biết bác ấy đấy. Con có nhớ không, một lần mẹ đã chỉ cho con. Bác ấy nguyên là bạn và là người xuất bản sách cho nhà phê bình lỗi lạc Pi-xa-rép. Phơ-lo-ren-ti Phê-dô-rô-vích chưa kịp cho ra tuyển tập thứ hai của Pi-xa-rép thì ông đã bị đưa ra tòa. Và khi Pi-xa-rép chết, Páp-len-cốp đã đọc lời diếu văn, nên người ta đã tống ông vào pháo đài Pê-tơ-rô-páp-lốp-xơ (1). Từ năm ngoài ông bị đày đến Vi-át-ca.

Vừa nói đến đó, mẹ tôi nằm xuống gối và nhắm mắt. Tôi nghĩ là mẹ tôi buồn ngủ, I-gơ-na-chi-a đi ra ngoài, còn tôi ở lại.

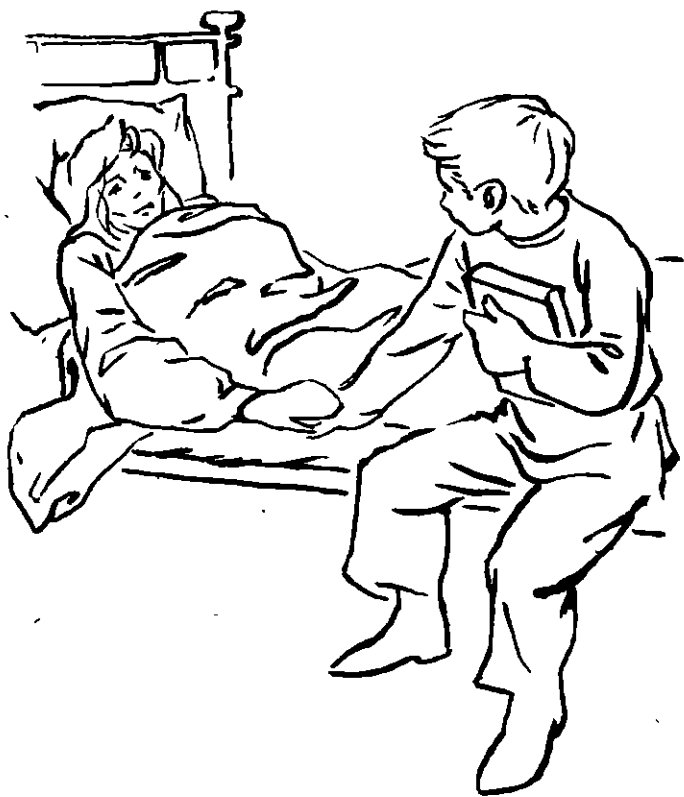
Ngay sau đó mẹ tôi lại mở mắt và cầm tay tôi :

— Con có biết tại sao mẹ lại nói đến Páp-len-cốp không? Bác ấy là người tốt bụng và có chí lớn. Con cố gắng làm quen với bác ấy. Hãy đọc những cuốn sách mà bác ấy đã viết và sẽ xuất bản. Thế nào con cũng phải đọc tác phẩm của Pi-xa-rép. Dù sao con cũng nên đọc...

Tôi liếc nhìn trang đầu. Đó là cuốn « Vật lý » của A-đôn-phơ Ga-nô do Páp-len-cốp viết lời tựa. Mẹ tôi chăm chú nhìn tôi, tôi nhớ mãi lời mẹ tôi dặn

— Con yêu quý của mẹ, đây là một cuốn sách khó nhưng rất cần cho con. Từ lâu mẹ đã biết

(1) Pháo đài Pê-tơ-rô-páp-lốp-xơ ở Pê-téc-bua, nơi giam giữ tù chính trị thời Sa hoàng.



Tôi ép cuốn sách vào ngực.

con rất thích toán và lý. Con sẽ tìm thấy trong cuốn sách này những gì mà mẹ chưa kịp dạy con.

Tôi áp cuốn sách vào ngực. Cuốn sách đã giữ một vai trò rất lớn và có thể nói là quyết định đối với cuộc đời tôi. Tôi đọc nó không giống những cuốn sách giáo khoa bình thường vì đó là một vật kỷ niệm, một lời di huấn của mẹ tôi. Tôi thú nhất chương « Khi cầu bay ». Ga-nô quả có biệt tài, ông kê lại rất đơn giản và dễ hiểu về những khi cầu mà con người đã nghĩ ra và những thí nghiệm mà người ta tiến hành trên các khi cầu đó. Nhưng Ga-nô cũng cảnh cáo trước rằng Chừng nào chưa nắm được cách điều khiển khi cầu trong không gian thì chưa thể nói nhiều tới công dụng dễ thấy của chúng. Tôi còn nhớ một thứ đồ chơi do chính tay mẹ tôi làm. Đó là một khi cầu nhỏ. Mẹ tôi tự tay bơm khi hi-đrô vào và lấy chỉ buộc lại. Lúc đó mới lên tám, tôi mang nó đi chơi khắp các phòng, đem ra sân, ra vườn. Khi gió nổi lên, như Ga-nô đã cảnh cáo, khi cầu bay theo chiều gió.

Sau khi đọc chương sách đó, tôi bắt đầu quan sát những làn khói tỏa ra từ ống khói. Nó có một cái gì đó giống như khi cầu. Nó cũng bay theo chiều gió. Đặc điểm này cũng có thể quan sát thấy ở các đám mây, và mạng nhện, nghĩa là đối với tất cả những vật nhẹ hơn không khí.

Tôi nhớ lại những câu thơ của Pu-skin .

*Gió ơi gió, người xiết bao mạnh mẽ,
Thời bạt đi những đám mây đen...*

Có lẽ đó là lần đầu tiên tôi nghĩ đến sức mạnh của gió. Phải chăng con người không khi nào có thể khống chế được nó chăng? Làm thế nào để khinh khí cầu có thể bay ngược chiều gió, theo hướng mà con người mong muốn? Nếu thử tìm một phương pháp điều khiển khinh khí cầu thì sao nhỉ? Nếu thế thì thật là tuyệt! Vì bây giờ chim không thể bay theo, mà còn có thể bay ngược cả chiều gió cơ mà! Hay những cánh diều cũng vậy. Nếu như dây diều chắc và người thả diều chạy nhanh thì cánh diều có thể bay ngược chiều gió. Nghĩa là trên đời này có những sức mạnh có thể chống lại được gió.

Tôi tự coi mình là chàng hiệp sĩ đang tuyên chiến với con quỷ gió. Tôi vội vã lấy giấy thiết kế một quả khí cầu để tiến hành các thí nghiệm và có thể sẽ tìm được phương pháp điều khiển sự chuyển động của khí cầu trong không gian. Và tất nhiên là tôi đã bị thất vọng một cách cay đắng. Tôi không có khí hi-đrô và tôi cũng hiểu rằng giấy không phải là chất keo nên nó sẽ dễ khi nhẹ thấm qua các lỗ nhỏ. Thí nghiệm bị thất bại nhưng tôi không nản chí.

Trong ý nghĩ, tôi vẫn luôn trò chuyện với mẹ tôi, giống như khi người còn sống:

— Mẹ ạ, mẹ có biết không, giấy làm khinh khí cầu có thể thay bằng một lớp da mỏng, một loại vải sơn, hoặc một lớp vải lụa. Có thể như vậy được không? Con định nghiên cứu các tính chất của gió. Mẹ ạ, con tin rằng con có thể học được cách điều khiển khinh khí cầu.

« Đừng hoang mang, đừng sợ hãi gì cả, — Tôi như nghe thấy giọng nói của mẹ tôi — Con có nhớ trước đây đã có lúc con sợ bóng tối ở dưới nhà hầm không? Con đã thắng nỗi sợ hãi vô lý đó. Và trong trường hợp này cũng đừng sợ. Chỉ những người can đảm mới đi đến đích. »

Từ ngày đó tôi thường nghĩ về chiếc kính khi cần có thể điều khiển được. Ý nghĩ đó cứ quanh quẩn trong đầu tôi, dù tôi có muốn nghĩ gì đi nữa thì cuối cùng vẫn trở lại với ý định trên. Lựa chọn nhiều loại vật liệu làm vỏ kính khi cần, cuối cùng tôi đi đến kết luận : vật liệu thích hợp nhất chỉ có thể là kim loại, vừa đủ mỏng, vừa không cho khí lọt qua. Năm mười sáu tuổi, tôi đã có đủ số liệu để giải quyết vấn đề : một kính khi cần làm bằng kim loại cần phải có những kích thước như thế nào để có thể đưa con người lên không trung. Từ ngày đó tôi đã cố gắng hết sức để giải quyết vấn đề trên, nhưng đôi khi mệt quá tôi cũng đành phải tạm ngừng việc tính toán. Sau đó lại tiếp tục với tất cả nhiệt tình của tuổi trẻ. Năm mười sáu tuổi, nếu như có một bác sĩ thần kinh khám cho tôi, thì ông ta nhất định sẽ nói rằng : có một ý nghĩ nào đó đang ám ảnh tôi. Nhưng anh có biết không, đó không phải là bệnh thần kinh mà là sự khát vọng muốn hoàn thành một công việc.

Nhĩ một lúc, Xi-ôn-cốp-xki tiếp tục :

— Trước đây, khi kể về các vì sao, mẹ tôi có nói rằng : thời cổ người ta đo khoảng cách tới các

ình tử bằng thước đo gió hay là máy đẳng cao (1), đó là một dụng cụ đơn giản cho phép các nhà thiên văn có thể xác định được tọa độ của các thiên thể.

Tôi nhớ lại những lời nói đó, khi tôi kiểm được một cuốn sách nhàu nát — một cuốn sách giáo khoa về đo đạc trong đó có mô tả và minh họa chiếc máy đẳng cao. Thì ra không chỉ các nhà thiên văn mà cả những người đo đạc ruộng đất cũng sử dụng máy đẳng cao. Nhờ máy này người ta có thể xác định chính xác các góc nằm ngang và từ-đó có thể tính được khoảng cách tới các vật ở xa hoặc không thể trực tiếp đến được. Máy đẳng cao còn giúp cho việc đo vẽ bản đồ.

« Nếu như tự làm lấy máy đẳng cao thì sao nhỉ? » — Tôi tự đặt câu hỏi. Chỉ có điều là có làm được không đã. Biết bao lần tôi thử làm chiếc cối xay nước theo mẫu một chiếc cối xay đồ chơi do bác Cô-li-a tặng, nhưng chẳng thành công. Bác Cô-li-a có đôi bàn tay của người thợ khéo, còn tay tôi thì thuộc loại vụng về. Tôi tự chỉ trích mình như vậy. Nhưng sự hoài nghi kéo dài không lâu. Dù sao tôi đã vẽ xong sơ đồ chiếc máy đẳng cao. Tôi cũng đã kiểm được mảnh gỗ sấy khô. Các chi tiết bằng kim loại thì gay go hơn nhiều. Tôi phải tìm đến một bác thợ nguội quen biết, làm ở đó hai ba ngày. Theo đúng bản vẽ, tôi cắt tất cả các chi tiết, nối chúng với nhau và so sánh với bản vẽ. Kể cũng hơi

(1) Loại máy đo góc dùng xác định vị trí các vì sao từ trước thế kỷ thứ 18. Ngày nay nó được thay thế bằng máy kinh vĩ (tê-ô-đô-lit).

giống! Nhưng có một điều tôi không hài lòng lắm là các chi tiết của tôi không được đẹp như hình vẽ. Tôi hồi hộp hướng thước đo về phía tháp cứu hỏa. Tôi ghi số đo từ nhà Su-ra-vin tới tháp cứu hỏa dài 400 ác-sin (1). Ngay tức khắc, tôi kiểm tra lại bằng bước chân xấp xỉ 392 ác-sin. Nhưng tôi muốn đo chính xác hơn. Tôi lấy một thước đo bằng sắt có chia khắc nhỏ và đo lại. Người qua đường nhìn tôi có vẻ tò mò và thắc mắc. Họ không hiểu tôi đo cần thận như vậy để làm gì. Kết quả kiểm tra khiến tôi rất ngạc nhiên: đúng 400 ác-sin! Máy đẳng cao đã làm việc. Có thể nói rằng, từ ngày đó tôi đã tin vào kiến thức lý thuyết.

Từ đó tôi cũng hiểu được rằng: cho tôi cuốn sách của Ga-nò, mẹ tôi đã để lại cho tôi một gia tài vô giá. Rất tiếc là khi tôi tự tay làm được chiếc máy đẳng cao thì mẹ tôi không còn nữa, vì chính bà đã gợi ý cho tôi về loại dụng cụ đo đó. Thật sung sướng biết bao, nếu tôi được chia sẻ cùng bà những ý nghĩ và ước mơ của tôi. Ước mơ của tôi thì ngày càng táo bạo hơn. Dẫn sao, bà cũng hiểu tôi và sẽ cầu nguyện cho cái công việc khổ sai của tôi: thiết kế chiếc khí cầu bằng kim loại.

Năm tháng qua đi. Mỗi khi mùa xuân đến, cây anh đào lại nở rộ những bông hoa trắng. Ngắm nhìn anh đào tôi không khỏi nhớ tới mẹ tôi, vì tôi hiểu rằng mẹ tôi sẽ không bao giờ trở lại. Và đối với tôi, cây anh đào đã trở thành cây hoa cay đắng.

(1) Đơn vị đo chiều dài ở Nga, bằng 0,71 mét.

QUYỀN VỜ RI-A-DAN

— Trước đây tôi cũng làm thơ đấy ! — Bất chợt Xi-ôn-cốp-xki thú nhận, — và làm khá nhiều. Tôi nhớ từ năm chín, mười tuổi, tôi đã rất thích làm thơ. Chủ đề cũng như mọi người thôi : thiên nhiên và tình yêu. Khi đó tôi còn chưa biết nhìn và đánh giá thiên nhiên. Thiên nhiên đã quyến rũ và mê hoặc tôi, chỉ đơn giản thế này thôi : bầu trời đầy sao, con sông lững lờ chảy, những cánh rừng thông, tất cả những cái đó làm tôi thấy vui vui và tôi đã thể hiện chúng như tôi nghĩ. Còn về tình yêu thì cũng chỉ mới thoáng thoáng một chút thôi.

Có lẽ những bài thơ của tôi còn ngây thơ lắm, chưa có những ý nghĩ sâu sắc và những tình cảm đầy đủ. Chỉ có một điều là chúng đủ điển đạt một cách chân thực những ước mơ ban đầu và chưa rõ nét của tôi.

Khi tôi đã lớn hơn một chút, tôi bắt đầu phát hiện ra tính nghịch ngợm của mình. Tôi đã táo tợn so sánh bầu trời với cái làn xách đựng đầy kim cương, còn dòng sông trong xanh với đường gân trên thái dương người khổng lồ khổng tưởng...

Khi còn nhỏ, tôi rất đổi ngạc nhiên không hiểu sao tôi gieo vần khá thạo và bài thơ cũng có những âm điệu du dương.

Nhưng sau đó tôi phát hiện ra một điều là tôi đã lớn quá nhanh so với thơ của mình. Có khi tôi vừa mới tìm vần cho những câu thơ về cây bạch dương rủ bóng bên hồ nước, bài thơ tưởng như hoàn toàn mới, nhưng một tuần sau, lại một

bài thơ khác và tôi nhận ra rằng đấy là một sự lặp lại những gì tôi đã từng nghe, một sự chấp vá vụng về những gì tôi đã đọc được. Và tôi tự thấy hổ thẹn.

Tôi sớm biết những ang thơ của Pu-skin, Léc-man-tốp, Sút-sép, Nê-cra-xốp. Tôi biết rằng: vì thích thơ nên tôi đã làm thơ như một người tự học và không hề biết về lịch sử thơ văn và luật làm thơ. Dù biết rằng làm như vậy sẽ không có những bài thơ hay, nhưng tôi không thể tự kìm được và tôi đã viết...

Tất cả những « thí nghiệm » về thơ, tôi giấu mọi người và bản thảo tôi đã cất ở một nơi mà tôi cho là rất kín đáo, nhưng thế mà cũng không lọt qua mắt anh cả tôi.

Tôi với anh ấy sống với nhau không thật hòa thuận lắm. Có lần, chẳng có duyên cớ gì cả, anh ấy bắt nạt tôi. Vì trận ầu đá với anh ấy mà tôi đã bị bố tôi cho ăn một trận đòn đầu tiên trong đời.

Anh có thể tưởng tượng được là tôi sợ đến mức nào khi nhìn thấy I-ô-xíp cầm tập thơ của tôi. Tôi nổi đóa lên, sấn tới trước mặt anh ấy, nhưng anh ấy đã làm tôi ngạc nhiên vì những lời âu yếm của mình :

— Thơ của em hay lắm, Cò-xchi-a ạ !

Trước mặt tôi, anh lầm bầm đọc những vần thơ của tôi. Vừa đọc anh vừa tấm tắc khen : « Giỏi lắm ! Em học làm thơ ở đâu vậy ? ».

Điều đó làm tôi sửng sốt. Anh tôi mở tủ lấy một cuốn vở, lọ mực và cái bút, rồi ngồi xuống bàn chép lại. Tôi rón rén bước lại gần và đứng

sau lưng. Ở trang đầu tiên anh tôi viết một hàng chữ to đậm nét : « Quyền võ Ri-a-dan », ở dưới một hàng chữ bé hơn : « Tập thơ của Côn-xtan-tin Xi-ôn-cốp-xki ».

Bỏ qua trang đầu, I-ô-xíp nhân nha đánh số những trang còn lại và bắt đầu chép thơ. Anh ấy chép rất cẩn thận và thỉnh thoảng lại so sánh với bản thảo xem có vô tình bỏ quên chữ nào chăng.

Tôi không tin vào mắt mình nữa. Những dòng thơ mà anh tôi chép lại đã có một ý nghĩa đặc biệt. Cần nói thêm là chữ của I-ô-xíp khá đẹp, nhất là những đầu đề. Đối với những bài thơ không có tên, I-ô-xíp cẩn thận vẽ ba ngôi sao ở trên.

Việc một người hay giấu cọt, hay « lật đờ » mọi thứ và tự mãn như Ô-xi-a, không những không cười mà lại chép lại những bài thơ của tôi thì thật quả là một điều kỳ lạ.

Từ ngày đó, tất cả những bài thơ tôi làm ra, tôi đều im lặng chuyển lại cho ông anh. Và anh tôi cũng lặng lẽ cầm lấy và chép lại. Thói quen đó còn tiếp tục ở Vi-át-ca, nơi ở mới của gia đình tôi.

Những năm sau, tôi lao vào khoa học nhiều hơn, điều đó có ảnh hưởng tới việc làm thơ. Tôi chỉ làm được hai ba bài về các chuyến bay trên một khí cầu khổng lồ mà tôi nằm mơ thấy.

Trước khi đi Mát-xcơ-va, tôi đã hủy không thương tiếc những vở nháp chép thơ. Tôi coi đó là một bệnh ấu trĩ, giống như bệnh ho gà hay lên sởi của trẻ em.

Tôi vẫn nghĩ là Ô-xi-a sẽ giao lại cho tôi cuốn vở chép thơ ngay khi hỏi đến. Nhưng sau khi nghe xong yêu cầu của tôi, anh làm bộ ngạc nhiên :

— Trả lại cho em « Quyền vở Ri-a-dan » ấy à ? Nói dễ nghe nhỉ. Em là thằng đãng trí, em có thể bỏ quên nó bất kỳ lúc nào, mà đó lại là những bài thơ hay. Em tưởng anh chép lại những bài thơ nhằm nhí vào đó sao ?

Tôi nhìn thẳng vào mắt anh... Không, anh ấy không giấu cợt tôi. Và tôi hiểu ngay rằng van nài anh ấy cũng vô ích.

Thế là tôi đã đi Mát-xơ-va không có « Quyền vở Ri-a-dan ». Và cả sau này anh ấy cũng không trả lại tôi.

Không loại trừ khả năng là cuốn vở đang nằm ở trên gác một ngôi nhà cò nào đó. Cũng có thể ai đó sẽ tìm thấy nó và sẽ đọc. Cho dù như thế nào đi nữa thì cũng chẳng sao. Chẳng có gì xấu ở đấy cả. Thiên nhiên, tình yêu, ước vọng. Thật tình mà nói : tôi rất muốn có nó trong tay, thỉnh thoảng đọc một vài dòng để nhớ lại những ngày niên thiếu.

LÔNG CÁ

— Sau khi tôi làm được chiếc máy tiện và chiếc máy đặng cao, bố tôi đã tin vào khả năng

của tôi và nóng lòng muốn gửi tôi đi Mát-xcơ-va hay Pê-téc-bua. Đó cũng là nguyện vọng của tôi.

Không hiểu sao Xi-ôn-cốp-xki cau mày và tiếp tục :

— Tất nhiên bố tôi cũng hiểu là điếc như tôi thì khó có thể vào trường đại học Tổng hợp, nhưng ông hy vọng là các vị giáo sư nhất định sẽ chú ý đến tôi. Tôi sẽ đi vào môi trường sinh viên, sẽ học các chương trình của trường đại học tổng hợp. Sau những cuộc tranh luận dài dòng, cuối cùng cả nhà đã quyết định chọn Mát-xcơ-va.

Năm 1873, khi tiễn chân tôi, bố tôi dặn : « Ở Mát-xcơ-va người ta không sợ nước mắt đau. »

Xi-ôn-cốp-xki lắc đầu :

— Tôi Mát-xcơ-va, tôi đã gặp phải buồn phiền ngay từ ngày đầu. Theo lời bố tôi khuyên, ở nhà ga tôi quyết định thuê người đánh xe ngựa, chứ cầm tất cả các thứ trong tay đi tìm nhà ở thật không tiện chút nào.

Nhìn mặt, người đánh xe biết ngay là tôi chưa quá mười sáu tuổi và lần đầu tiên đến Mát-xcơ-va, và tất nhiên, anh ta đã nói thách quá bạ lần. Thật không may cho tôi, hôm đó không bắt gặp một người đánh xe ngựa nào khác nữa và chắc anh chàng đánh xe duy nhất đó tính toán rằng tôi không có cách nào thoát khỏi tay anh ta. Hẳn không thêm đề ý tới giá tôi mặc cả. Tôi ngượng nghịu giải thích cho anh ta, nhưng anh ta thì lại nói chuyện với con ngựa của mình :

— Đấy, con thấy không, hôm nay cha con ta không gặp may. Người ta định đi với giá rẻ mặt thế đấy! Thôi, ta ghé qua quán trà vậy. Cha sẽ

làm vài chén trà, còn con thì tam dùng kiêu mạch nhé! Người ta còn trẻ thì cuộc bộ kẻ cũng tốt. Chẳng có chức tước, ngôi thứ gì đâu.

Chắc là anh chàng đánh xe đã đánh con ngựa. Khi anh ta làm bộ dắt xe đi không nhận chở tôi, anh ta chép chép môi và giật cương ngựa, thì tôi đã đồng ý với cái giá của anh ta. Cái giá mà sau này người ta bảo với tôi là giá cắt cổ.

Chúng tôi đi đến đường Nê-mét-xki. Ở Mát-xơ-va cha tôi không có họ hàng, bạn hữu hoặc người quen nào cả. Một người cùng làm việc với ông có gửi một lá thư giới thiệu cho một gia đình sống ở đường phố Nê-mét-xki. Nghỉ tạm ở gia đình này, tôi có thể bình tĩnh để tìm một căn phòng thích hợp.

Nửa đường, tôi sờ lại tất cả các túi, nhưng bức thư đã rơi lúc nào không biết. Nghĩa là không còn địa chỉ nữa. Điều đó làm cho những giờ phút đầu tiên của tôi ở Mát-xơ-va thật là vô vị.

Con ngựa chậm chạp bước đi, còn tôi thì suy nghĩ không biết sẽ ngủ tối đầu tiên ở đâu. Anh chàng đánh xe dò hỏi:

— Anh đến quăng nào trên đường Nê-mét-xki?

Tôi không biết trả lời thế nào. Bỗng nhiên anh chàng đánh xe dừng ngựa và đòi trả tiền trước. Chắc anh ta cho tôi là kẻ bịp bợm.

Trả tiền cho anh ta, tôi không giấu những bản khoản của mình.

— Tôi đánh mất bức thư, tối nay không biết ngủ ở đâu.

Người đánh xe tỏ vẻ ái ngại cho tôi :

— Được rồi, đưa thêm mười xu đây tôi sẽ đưa tới một bà thợ giặt. Bà ta có một người ở nhờ mới chuyển đi. Bà có phòng cho thuê, có thể nói với bà ta xem.

Thế là tôi ở lại phố Nê-mét-xki, trong một phòng nhỏ ngay sát hiệu giặt. Bà chủ nhà có một hiệu giặt nhỏ, thuê hai, ba người làm công và trước ngày lễ có thể thuê tới bốn, năm người.

Trong phòng của tôi luôn có mùi xà phòng, mùi thuốc tẩy, mùi quần áo ẩm ướt, nhưng dù sao đó cũng là một căn phòng riêng, chứ không phải là « cái xó » và cũng không phải là « cái giường » như người ta vẫn thường nói với tôi.

Từ hồi đó đến nay, Mát-xơ-va đã được mở rộng, đã thay đổi nhiều và ngày càng lộng lẫy nhưng với Mát-xơ-va thuở niên thiếu của tôi dẫu sao tôi vẫn cảm thấy có cái gì gần gũi thân thuộc hơn, cho dù trên đỉnh tháp Crem-li khi đó chưa có những ngôi sao, mà chỉ là những con phượng hoàng hai đầu, không có những tòa nhà đồ sộ như ngày nay. Trên đường phố chỉ có xe ngựa, phố xá hẻo lánh, hời hợt... Nhưng dẫu sao Mát-xơ-va hồi đó vẫn có những nét đáng yêu : trường điện Crem-li, trường đại học Tổng hợp, thư viện Che-rơ-cốp, nhà hát lớn. Tôi rất thích những đường phố nhỏ nhỏ, sông I-a-u-ra và đồi Chim sẻ.

Còn-xtan-tin E-đu-a-đô-vích mỉm cười.

— Đấy, tôi lại kể hơi lan man rồi phải không? Tôi định kể về những tai họa đầu tiên ở thủ đô.

Những ngày đầu ở Mát-xcơ-va, tôi đi khắp các cửa hàng bách hóa và các hiệu thuốc để tìm chiếc máy nghe đeo tai. Thỉnh thoảng tôi đã nghe được đôi chút, nhưng dù sao bệnh điếc vẫn làm tôi rất khổ tâm.

Đầu tiên, những người bán thuốc đều quả quyết: ở cửa hàng chúng tôi thì không có loại dụng cụ dùng cho người điếc như vậy, nhưng anh có thể thử đến chỗ nọ, chỗ kia xem, có thể ở đó có bán. Tin như vậy, tôi vội vã tìm đến địa chỉ giới thiệu, nhưng ở đó người ta lại khuyên tôi tương tự như vậy. Tôi tất tả đi khắp thành phố, mòn cả đế giày, nhưng chẳng tìm được máy nghe chống điếc.

Nhân tiện, tôi kể luôn về chuyện đế giày. Nhìn thấy tôi sống thiếu thốn, bà chủ nhà tỏ ý thương hại. Có chiếc quần duy nhất thì lại bị a-xít làm thủng trong khi làm thí nghiệm, còn đôi ủng thì đã « há mồm xin chào » từ lâu. Bà chủ khuyên tôi:

— Ngày mai chủ nhật, anh thử ra chợ Xu-kha-rép-ca (1) tìm mua đôi giày mới xem có được không. Nhìn anh đi đôi giày há mồm tôi cảm thấy nó thế nào ấy.

Tôi vừa nhận được thư chuyển tiền mười sáu rúp của bố tôi. Nghĩ mãi tôi mới quyết định mua một đôi ủng mới.

Trước đó, tôi đã có dịp đến chợ Xu-kha-rép-ca, nhưng mới chỉ qua dãy hàng sách. Những người bán sách ở đó rất thành thạo và họ có nhiều

(1) Một chợ giới ở Mát-xcơ-va cũ.

mánh khoẻ lắm. Nhưng nếu anh được tận mắt nhìn việc buôn bán sách vở thì thật thú vị biết mấy. Sách để ngay dưới đất, trên tấm chiếu gai và vài bao tải. Chỉ có một ít sách bày lộn xộn ở một quầy nhỏ. Để có thể tìm được một cuốn sách cần thiết cần phải lục lọi, chọn đi chọn lại hàng trăm cuốn sách.

Nhưng sáng chủ nhật đó, tôi phải cố kìm cái máu mê sách của mình và cố tránh không đi qua dãy hàng sách. Một lúc sau, tôi đã ở trong khu chợ bán giày. Ở đó có thể ngắm đủ loại giày, nào giày kỵ binh, giày cao cổ, giày nhảy, ủng lủng... Mắt tôi hoa lên. Mỗi người có cách, chào hàng riêng của mình. Một người kêu :

— Nào, quý ông từ xa tới mua giúp đi ! Da mềm như lụa, đế cứng như xương !

Người khác ngắt lời :

— Ủng đây, mời quý ông đi thử, xin mời cứ chạy một đoạn coi ! Với đôi ủng này, cáo trong rừng chắc cũng phải thua !...

Tôi đang muốn hỏi giá đôi ủng thì khoảng chín, mười tên lái buôn đã vây chặt lấy tôi. Chúng sờ sảng đẩy tôi vào một góc tường và kêu âm lên như quạ. Chúng bắt tôi ngồi xuống một chiếc ghế gỗ nào đó, tháo đôi ủng cũ của tôi ra.

— Thử chân xem nào !

Tôi bắt đầu thử. Ba đôi không hợp chân. Cuối cùng, đôi thứ tư vừa khít, nhưng suy theo độ mềm của da thì có lẽ tôi không đủ tiền. Tên lái buôn thề thốt rằng tôi có thể dùng đôi ủng này trọn đời, để lại cho con trai và con trai sẽ tặng lại cho cháu nội. Ngay lúc đó, tôi thấy hình

như có ai thò tay vào túi tôi. Tôi kêu toáng lên, nên đã thoát được một vụ móc túi. Tôi móc tờ giấy đỏ nằm chặt trong tay. Mặc cả xong, tôi trả tiền. Tôi đi luôn đôi giày mới, đôi giày cũ tháo ra cầm tay. Vừa đi vừa mừng. Đôi chân cảm thấy dễ chịu. Nhưng đột nhiên tôi thấy bên chân trái hình như có viên đá dăm, tuy nhỏ nhưng sắc, chọc vào chân khá đau. Tôi đưa mắt tìm một chiếc ghế dài ở cổng chợ, ngồi phịch xuống tháo chiếc ủng ra và... lạnh toát cả người. Chao ôi! Đế giày mới mà đã có một lỗ hồng. Không phải da mà là các-tông! Tôi tháo luôn cả chiếc bên phải, cũng là đế các-tông. Tôi thay luôn đôi ủng cũ, chạy vội lại chợ Xu-kha-rép-ca tìm tên đại bịp, nhưng chẳng thấy hắn ta đâu cả. Những người bán giày nhàn ra tôi, họ giễu cợt, chế nhạo tôi đủ điều. Người thì gi vào tận mũi loại giày ngắn cổ. Người thì mời mua đôi ủng lửng... Tôi được nghe nói đủ thứ, người ta bảo tôi là thằng ngốc, là kẻ ngờ ngẩn. Còn bọn bịp thì lại được khen hết lời: Giỏi thật! «Làm dày thừng bằng cát» thì thành thật!...

Bị lừa, bị cười chê, tôi lững thững đi về nhà. Bà chủ nhà đứng đón tôi ở cửa:

— Nào, cho xem đôi giày mới nào!

Tôi im lặng đặt đôi giày mới mua trước mặt bà. Ngắm nhìn đôi giày, bà thở dài:

— Ôi, bọn đều giả! Bọn cướp ngày! Chúng làm đế giày bằng các-tông! Thế mất anh đề đầu lúc bấy giờ?...

Ngay chiều hôm đó, bà đưa tôi đến một người thợ đóng giày quen biết để thay đôi đế mới.

Tôi đã phải trả cho đôi giày mới một giá quá đắt. Từ đó chẳng bao giờ tôi trở lại chợ Xu-kha-rép-ca nữa.

Xi-ôn-cốp-xki buồn bã mỉm cười :

— Với chiếc áo bành tô của tôi thì còn trắng trơn hơn nhiều. Mùa đông ở Mát-xcơ-va có khi khá khắc nghiệt. Mặt trời mọc trong sương mù giá lạnh đỏ như lửa. Gió lạnh buốt đến tận xương. Mùa đông ấy, tôi mặc chiếc áo bành tô không ra bành tô, áo mưa không ra áo mưa. Một cái gì đó không có tên gọi.

Nguyên bác Ê-ca-tê-ri-na I-va-nốp-na có một chiếc áo khoác ngoài bằng da. Bác không thích đồ da nên ít khi mặc nó. Nó được chữa thành chiếc bành tô cho anh cả I-ô-xíp tôi. Chiếc áo thật buồn cười : không vải lét, không cổ, còn ống tay thì rộng như tay áo cổ đạo. Anh I-ô-xíp khăng khăng không chịu mặc và để lại cho tôi, tuy tôi mặc có hơi rộng. Tôi thường dùng để khoác ngoài.

Có một lần vào mùa đông, tôi khoác áo đó đi qua dãy hiệu buôn. Bỗng nhiên mấy chàng thanh niên lực lưỡng trong cửa hàng chạy ra, nắm lấy tay tôi như vớ được hồng y giáo chủ và dẫn vào hiệu buôn. Bước vào, tôi đưa mắt nhìn xung quanh. Chủ hiệu là người râu ria xồm xoàm đứng sau quầy hàng, trên mặc la liệt những chiếc áo lông, áo bành tô mùa thu, áo đuôi tôm. Cũng có những chiếc mới, nhưng phần lớn là những chiếc đã tàng. Lạnh quá, đôi môi tôi cứng lại không nói được câu nào. Nhưng bọn thanh niên không chịu để tôi yên, chúng lột ngay chiếc áo khoác của tôi,



Chạy ra, nắm lấy tay tôi như vợ được hồng y giáo chủ.

đưa lại cho tên chủ hiệu. Hắn ta sờ chiếc áo của tôi và đưa mắt nháy một người nào đó. Trong nháy mắt không thấy chiếc áo đâu nữa, người ta đã đưa vào nhà trong. Giọng khàn khàn của tên chủ hiệu vang lên :

— Thưa công tử, lẽ nào ngài lại mặc chiếc áo cũ kỹ này đi giữa thủ đô? Mỏng manh thế thì ngài sẽ chết cóng mất thôi. Chúng tôi sẽ chọn cho ngài chiếc áo bánh tô lông thú. Mặc chiếc áo này thì sẽ đứng đắn hơn lên. Bọn đánh xe sẽ bu lấy công tử.

Không hiểu sao vừa nói hắn ta vừa đề ý nhìn lên chiếc đồng hồ bạc của mình. Giọng hắn trầm trầm nhưng dịu dàng, khiến người ta có cảm giác đây không phải là một gã nhà buôn chào hàng mà là con bô cầu xám đang gù gù với bạn mình.

— Công tử thích loại nào? Chồn, chuột túi hay cáo vậy?

Hắn lại nhìn đồng hồ, giống như đang chờ đợi một cái gì đó.

Tôi hơi nóng mặt nói :

— Tôi không đủ tiền mua đồ lông đâu. Xin ông trả lại chiếc bánh tô của tôi.

Tên chủ hiệu đưa mắt nhìn bọn bán hàng, im lặng, rồi nhoẻn miệng cười. Hắn ta thì cười còn bọn bán hàng thì chăm chăm nhìn vào hắn. Hắn càng cười to hơn. Bọn lừa đảo tay đứng chống nạnh. Còn tôi thì vẫn ngồi yên, chẳng hiểu gì cả.

— Ngài quấy rầy tôi ghê quá. — Tên chủ hiệu nói và gõ vào mặt đồng hồ. — Tôi chủ tâm theo dõi đồng hồ, ngài còn cần bao nhiêu thời gian nữa để mặc cả. Cái đồ cũ kỹ của ngài, người ta

đã đưa cho thợ may từ lâu rồi. Người ta đưa đi may lại. Còn chúng tôi sẽ chọn cho ngài chiếc áo bành tô hợp ý, giá phải chăng.

Tôi giải thích cho hắn ta về sự thiếu thốn của mình, đòi trả lại chiếc bành tô, nhưng hắn ta lại càng cười to hơn. Ngừng cười, hắn ra lệnh :

— Nào, những người hùng của ta, hãy chọn một chiếc bành tô !

Bọn người làm thuê dùng hết sức bắt tôi mặc một chiếc áo bành tô cũ bằng vải len thô. Tôi để ý nhìn có những chỗ thủng mang lại, có những chỗ đường chỉ khâu đề lên. Nếu đem so loại da áo cũ của tôi với loại len thô này thì chẳng khác gì gấm so với bao tải.

Còn tên chủ hiệu râu xồm thì không ngớt lời khen ngợi :

— Một chiếc áo bành tô thật lịch sự ! Nếu có đủ tiền, tôi cũng giữ lại chiếc áo này để mặc.

Tôi tuyên bố dứt khoát :

— Ông cho một người dẫn tôi đến chỗ thợ may. Tôi sẽ lấy lại chiếc áo bành tô của tôi.

Tên chủ hiệu lấy lược chải râu và ngắt lời tôi :

— Tên thợ may đã nhận đơn đặt hàng rồi, sướng quá, hắn đang đánh chén. Xưởng may của hắn đóng cửa rồi.

Khi đó tôi mới hiểu rằng người ta đã lừa tôi một cách quá trắng trợn và tôi muốn bỏ về nhà. Nhưng đâu có phải đơn giản như vậy. Tên râu xồm nói :

— Ngài công tử, xin ngài trả tiền cho thì ngài mới có thể đi được yên lành, nếu không thì gọi

cảnh sát ở đây cũng chẳng lâu la lắm đâu. Nhiều anh muốn mặc áo không mất tiền thì đều chạm trán cảnh sát cả.

Thật là cay đắng và bực mình, nhưng không có cách nào khác. Tôi biết, nếu người ta gọi cảnh sát thì tôi không thể biện bạch được gì hơn. Họ ba người, tôi chỉ có một mình. Tôi không có người làm chứng. Móc túi lấy đồng mười đồng cuối cùng, tôi đặt lên quầy hàng. Nhà buôn giơ đồng tiền lên nhìn xem có phải tiền giả không. Cuối cùng tôi phải chọn một câu :

— Cảm ơn ông đã chọn cho tôi chiếc áo lông !

Và bỗng nhiên, tên chủ hiệu ra vẻ bị chạm nọc :

— Thật là uổng công ! Ngài không hài lòng phải không ? Thế chiếc áo ngài đang mặc không phải áo lông sao ?

Tôi lật trái vạt chiếc áo bành tò nhồi bông và quát thẳng vào bộ mặt trơ trẽn của hắn ta :

— Xin ông hãy nhìn kỹ xem, đây có phải là lông thú không ?

Nhưng hắn không hề chớp mắt :

— Lông thú một trăm phần trăm. Lông cá đấy !

Gian hàng rộ lên tiếng cười. Còn tôi, con người bị bóc lột và bị làm nhục, mang theo trong lòng nỗi cay đắng khôn nguôi.

CHIẾC CHUÔNG VUA

— Cuộc sống thích trên ngời ! — Xi-ôn-cốp-xki mỉm cười. — Và lúc nào cũng bất ngờ ! Anh thử hình dung xem cái gì đã xảy ra với tôi ở Crem-li.

Chàng thanh niên Xi-ôn-cốp-xki rất thích điện Crem-li. Thỉnh thoảng cậu ra chơi ở Quảng trường đỏ, ngắm nhìn những bức tường gạch đỏ sộ, những vòm tròn vàng chóa, những tượng hình đại bàng hai đầu dang rộng cánh trên những tháp gỗ cổ kính.

Vào buổi hoàng hôn, mặt trời rọi chiếu lên tháp Xpát-xki và tháp Ni-côn, những bóng dài nhọn của chúng in hình trên quảng trường lát gạch đen. Bóng tháp ngắn dần lại và biến mất, những bức tường tối dần một cách bí ẩn, còn những cây thánh gia của nhà thờ Va-xi-li Blagien-nuri lấp lánh những tia vàng và những vòm tròn nhiều màu hòa lẫn với những màu sắc cuối cùng của cầu vồng. Tất cả như gọi lại những câu chuyện thần thoại Nga quen thuộc.

Bây giờ đây tiếng chuông êm ái sẽ vọng lên một cách du dương. Từ sông Mát-xcơ-va sẽ hiện lên ba mươi ba chàng dũng sĩ, chậm chạp tiến tới quảng trường, một nàng công chúa thiên nga bay qua, đổ lại, vỡ cánh và biến thành một người con gái đẹp với ngôi sao trên trán, với mảnh trăng lưỡi liềm dưới bím tóc gọn sóng.

Bóng tháp ngày càng vươn cao, màu vàng của những vòm tròn đã mất hẳn, những bức tường đang xám dần và bóng tối đã ngự trị ở chân

tường. Mặt trời đã lặn, tất cả chỉ còn là màu sắc của buổi hoàng hôn, và cũng không còn những câu chuyện thần thoại nữa.

Chàng thanh niên chuyển sang một thế giới khác. Quảng trường đỏ, Crem-li với những lỗ châu mai — đó là lịch sử của nhà nước Nga. Những bức tranh từ quá khứ xa xôi đã hiện lên trước mắt.

Chàng thanh niên nhìn thấy hình tượng I-van Ca-lít-ta đang bị mặt bàn bạc với các lãnh chúa rêu dài về việc thành lập chế độ bá tước ở tỉnh Mát-xcơ-va. Và đây, một đội quân Nga đông đảo đang tập trung trên bãi chiến trường. Còn đây, Sa hoàng I-van bạo chúa đang chơi một loại cờ tướng du nhập từ Ấn Độ... Xi-ôn-cốp-xki tưởng tượng tiếng chuông ngân nga bay trên điện Crem-li, trên sông Mát-xcơ-va, trên toàn nước Nga. Lúc thì vang lên sau tin đánh bại đội quân du mục, lúc thì báo hiệu cuộc tiến quân nhằm hướng Ca-dan.

Ít khi Cón-xtan-tin ghé đến điện Crem-li, nhưng không khi nào anh bỏ qua khẩu đại bác vua mà người thợ đúc súng An-đrây Chô-khốp đã đúc từ ba thế kỷ trước. Chàng thanh niên thường tìm đến chiếc chuông vua, một công trình nổi tiếng của những người thợ đúc Nga. Và không biết đây là lần thứ bao nhiêu, anh ngắm nhìn những hình chạm nổi trên chiếc chuông đồng. Sau một trận hỏa hoạn, một phần chuông bị cháy và bây giờ tạo thành một khoảng không đen ngòm và người ta vẫn nghĩ rằng cú, dơi có thể đã làm tổ ở đó.

Người ta đồn rằng chiếc chuông nặng gần 12.000 pút (1).

Chiếc chuông vua không có may mắn tự mình có thể cất cao giọng chuông đồng pha bạc, nhưng người khổng lồ cầm ấy từ lúc ra đời đến nay, tất nhiên, đã chứa đựng một sức lôi cuốn lạ lùng, có thể thường xuyên tập hợp tại quảng trường một khối người khá lớn.

Có một lần Xi-ôn-cốp-xki nhìn thấy từ trong khoảng tối của chiếc chuông vua hắt ra một tia sáng. Cờn-xtan-tin lau lại kính và chú ý quan sát. Tia sáng không còn nữa. « Tưởng tượng thôi. » Chàng trai đang định bỏ đi thì lại thấy một tia sáng đỏ mới cháy bùng lên, dường như có ai đó đang hút xi gà hay ẩu thuốc thì phải. Cái gì ở trong đó nhỉ? Bỗng nhiên từ trong chiếc chuông vua hiện ra một người mặc quần áo rách rưới ngậm điếu thuốc cuốn tay. Anh ta nhỏ nước bọt và hỏi một cách ác ý :

— Anh là ai? Đến đây làm gì?

— Tôi là Cờn-xtan-tin Xi-ôn-cốp-xki. Vì có chút việc riêng, tôi đang sống ở Mát-xcơ-va. Còn ở đây thì chả có việc gì cả, tôi đi dạo và dừng lại đây chơi.

— « Đi dạo và dừng lại đây chơi... » — Người kia nhắc lại và với giọng tin tưởng một cách vô tư, anh ta giải thích — Còn tôi thì sống ở chỗ này, anh có biết không? Tôi không có một túp lều. Tôi không thích những nhà ngủ cứu tế, và tôi

(1) Đơn vị đo lường Nga. 1 pút = 16,38 ki-lô-gam.

ngủ dưới vòm chuông này. Một mái che, chỉ cần như vậy là đủ.

Vừa nói anh ta vừa bả lấy vai Xi-ôn-cốp-xki và kéo đi xa khỏi chiếc chuông.

— Tất nhiên là nên đi khỏi chỗ này, — Anh ta giải thích, — Kéo người ta thấy, người ta sẽ đuổi không cho ngủ. Chỗ ở như thế này không phải để kiếm đầu.

— Khi tôi lên đường đi Mát-xcơ-va, tôi cũng nghĩ rằng sẽ không có chỗ để ở, — Côn-xtan-tin tự kể một cách hồn nhiên. — Tối đầu tiên tôi đã định ngủ lại trước cửa nhà thờ lớn, nhưng may thuê được một căn phòng.

— Quan trọng đấy! — Chàng thanh niên tỏ vẻ thèm muốn. — Nghĩa là anh sống khá sung túc đấy!

— Sung túc mới chết chứ! Hàng tháng gia đình gửi cho tôi tờ mười rúp. Bốn rúp trả tiền thuê nhà; mua sách và làm thí nghiệm cũng tốn khá tiền. Còn ít tiền chẳng đủ mua bánh mì và nước men.

— Còn mình thì hôm nay chưa ăn một tí gì cả. Có lúc mình ăn không hết, nhưng cũng có lúc đốt được cũng chẳng tìm thấy một thứ gì ăn được.

— Đi với tôi, tôi sẽ cho anh ăn.

Họ lặng lẽ bước ra khỏi điện Crem-li. Ngoài đường phố đèn đã bật sáng.

Côn-xtan-tin hỏi:

— Sao anh lại im lặng như vậy?

— Nói làm gì cho phí sức! Tôi đang muốn có cái gì cho vào bụng.

Về đến nhà, Xi-ôn-cốp-xki vào đốt đèn, lấy trong tủ ra một chiếc bánh mì đen, rót nước vào chiếc cốc vai.

— Thôi, mời anh cứ tự nhiên.

Người khách tò mò nhìn khắp căn phòng. Anh ta để ý từng đồ vật. Chiếc bàn. Những cuốn sách đặt trên đó. Những chai lọ thủy tinh gì gì đó. Những chai đựng nước. Chiếc cân. Lại sách vở. Một chiếc gương. Một chiếc chăn màu xám giống chăn nhà binh. Lại một giá sách. Và bỗng nhiên anh ta nhìn thấy một hàng chữ vàng nổi trên gáy sách học bằng da dê: « *A-ra-gô. Tiểu sử các nhà thiên văn, vật lý và toán học nổi tiếng* ». Đọc xong, anh ta lắc đầu :

—Ồ, gồm nhĩ! Định leo lên làm bậc vĩ nhân chắc!

Và ngay lập tức anh ta lại chuyển sang chuyện khác :

— Nhà cậu không kiếm được củ hành nào à?

— Chẳng có gì thêm, ngoài bánh mì và nước lã. Tôi chẳng bao giờ dám nghĩ tới món ăn ấy.

— Cậu bao nhiêu tuổi?

— Mười bảy.

— Cậu đi tu phải không?

— Không.

— Thế cậu là gì?

— Chẳng là gì cả. Bây giờ chưa là gì. Đây anh thấy đấy, tôi còn đang đi học. Tôi đọc sách, làm thí nghiệm.

— Ai cần đến mấy quyển sách ấy?

— Tôi cần và mọi người đều cần.

— Thế tại sao người ta lại không cho cậu, dù chỉ là cốc nước trà với mấy viên đường ?

— Tôi không yêu cầu họ một thứ gì cả, vì hiện nay tôi còn chưa làm gì cho họ cả.

— Tuyệt !

Biết chắc rằng trong căn phòng của con người hạnh phúc này, theo suy nghĩ của anh ta, quả thật không có một củ hành, anh chàng lêu lổng mới chịu cầm lấy chiếc bánh mì. Anh ta ăn một cách nghiên ngấu, thỉnh thoảng lại uống một ít nước. Uống hết một cốc, lại rót cốc thứ hai. Khi đã ăn hết ba khoanh bánh, anh ta dùng tay trái cẩn thận vét những mẩu bánh mì vương vãi bỏ vào mồm. Sau đó lại rót và uống cạn một cốc nước nữa.

— Thế là kiến đã đỡ bò bụng rồi, có dễ chịu hơn một chút, có thể đi kiếm mồi được rồi.

— Đi đâu ?

— Đi ăn cắp ! — Chàng thanh niên thú nhận và nói thêm, không đúng vào câu hỏi. — Dù sao cậu sống như thế này buồn quá !

Xi-ôn-cốp-xki cố giữ im lặng. Lần đầu tiên trong đời anh đã trò chuyện với một kẻ cắp và lại còn thết đãi hẳn ta nữa. « Ăn cắp là thiếu đạo đức. » — Anh nhớ lại một lời răn của ai đó. — « Kẻ cắp chiếm đoạt những gì do lao động và trí tuệ của con người làm ra. Ngay cả trường hợp nếu tên kẻ cắp lấy của người giàu do bóc lột mà có thì cũng là vi phạm đạo đức, vì những của lấy được ấy, anh ta không đem trả lại cho người làm ra chúng, mà đem làm riêng của mình. »

Nhưng, tuy trong lòng đồng tình với những chân lý đó, Xi-ôn-cốp-xki vẫn không cảm thấy khinh bỉ người ăn cắp đang ngồi trước mặt anh và không có mấy may suy tính định đưa hẳn ta đến cảnh sát. Thậm chí, có thể còn ngược lại, anh chàng lêu lổng này đã gây được thiện cảm với anh. Đấy, anh ta có bộ tóc quăn khá bướng bỉnh. Đôi mắt thông minh và đầy vẻ giễu cợt. Ta có thể nghĩ rằng anh ta đùa đùa như vậy và đến một lúc nào đó sẽ vứt bỏ cái nghề ăn cắp đi. Cuộc đời ăn cắp cũng chẳng thú vị gì. Anh ta có thể đến nhà máy làm việc. Một người lêu lổng có suy nghĩ. Đấy, anh ta đã biết tìm cho mình một chỗ ở thích hợp, không phiền lụy ai.

Tất cả những điều đó có thể đọc được nơi khóa mắt của Côn-xtan-tin. Anh chàng ăn cắp hiểu điều đó và đưa mắt nhìn Côn-xtan-tin :

— Nơi ngủ của mình cậu biết rồi đấy, lúc nào khó khăn, ghé qua chỗ mình. Không phải ngày nào mình cũng đói cả đâu, có khi mình cũng có thịt gà chến đấy, mình sẽ đãi cậu.

Côn-xtan-tin đỏ gay mặt, mắt lim dim :

— Cửa ăn cắp thì tớ không ăn đâu.

Điều đó làm anh ta bực mình. Không giấu nổi vẻ giễu cợt, anh ta buột miệng :

— Thôi, cậu cứ gặm mấy miếng bánh mì khô của cậu đi ! Tam biệt anh chàng khổ hạnh kỳ quặc !

Anh chàng ăn cắp bước ra với vẻ cương quyết. Xi-ôn-cốp-xki tiễn anh ta bằng đôi mắt buồn rầu. Cậu cảm thấy đầu óc rối bời, rỗng tuếch. Cậu hiểu rằng cậu sẽ chẳng bao giờ trở lại thăm chiếc chuồng vua một lần nữa.

BÓNG TỐI

— Thí nghiệm, thí nghiệm... — Côn-xtan-tin E-đu-a-đô-vich lắc đầu vẻ không vui. — Kể từ lúc còn nhỏ tôi đã làm hàng trăm thí nghiệm như vậy. Ở Mát-xcơ-va, không ngày nào tôi không làm thí nghiệm. Tôi thường vận chiếc quần bị a-xít ăn thủng. Có khi tôi đang đi, bọn trẻ chạy theo sau hỏi :

— Kia, quần của anh có phải bị chuột gặm không ạ?

Cả đôi bàn tay đều bị hỏng, chẳng còn chỗ nào nguyên vẹn. Bà chủ nhà không khỏi ngạc nhiên : lúc thì trong phòng tôi ánh lên màu ngọc tía, lúc thì màu xanh, lúc thì màu tím, cũng có khi cả phòng đầy hơi độc. Đôi khi bà ta cũng cãi nhau, nhưng những thí nghiệm đó rất cần cho tôi. Qua những thí nghiệm, tôi đã tìm được những quy luật của tự nhiên. Tất nhiên cũng có những thí nghiệm vì thí nghiệm. Thật xấu hổ nhớ lại những thí nghiệm đó. Làm những chuyện vô nghĩa tiêu phí thời gian và sức khỏe một cách vô ích. Khi còn trẻ, người ta thường liều lĩnh, tự tin và đôi khi quả là ngu xuẩn. Tôi đã có dịp nói với anh rằng ba năm ở Mát-xcơ-va tôi không được ăn no, sống bằng lượng mỡ có sẵn từ trước. Chẳng có thể chơi bời với mười, mười lăm rúp bố mẹ gửi cho. Phải trả tiền thuê nhà, các thí nghiệm cũng tốn tiền, ngoài ra còn phải sửa chữa giày, đi nhà tắm, mua xà phòng, dầu thắp. Đôi khi còn mua sách, chỉ còn rất ít tiền dành cho ăn uống. Trên đường



Tóm lại chỉ có bánh mì và nước lã.

đi từ Vi-át-ca tới, tôi đã tự hứa với mình là ở Mát-xơ-va chỉ ăn bánh mì đen với nước lã. Để khỏi bị quyến rũ và không đi chệch đường, tôi quyết định khước từ mọi thứ khác, ngay cả trường hợp đặc biệt, chẳng hạn được mời đến chơi nhà một người nào đó. Tóm lại chỉ có bánh mì và nước lã, không rau, không cá, không nước trà đường.

Tôi nhớ ở cửa hiệu bánh Mát-xơ-va, bánh mì đen có ba loại: ngọt, chua ngọt, chua. Tôi thường mua loại chua. Chín xu bánh có thể ăn ba ngày. Bánh mì khô, tôi đưa cho người quét sân.

Nước lã tôi cũng tích vào một bình to đủ để uống ba ngày. Làm phều giấy dấy lên trên.

Đừng nghĩ rằng tôi tự tò vẽ cho mình. Tất cả quả là như vậy. Bây giờ tôi mới hiểu rằng làm như thế là không đúng, là tự hủy hoại thân thể ngay từ lúc còn trẻ, nhưng khi ấy tôi không chút băn tâm tới điều đó. Nguy hiểm hơn nữa, thậm chí tôi còn tự hào rằng tôi có thể tự kiếm chế mình và bằng lòng với cuộc sống khăm khổ như vậy.

Những ngày đầu tiên ăn đói, tôi thường nhớ lại những món ăn ở nhà: xúp củ cải đỏ, xúp bột mì, nem rán, cháo sữa... Về sau quen dần tôi không nghĩ tới chúng nữa. Riêng bánh mì đen có lẽ chẳng làm tôi phải phiền muộn chút nào. Nhưng tôi thật khổ sở với cái mùi thơm ngon của những chiếc bánh sừng bò Mát-xơ-va.

Một lần, tôi nảy ra ý định đi dạo chơi ở một đường phố có một cửa hàng bánh lớn. Trấn tĩnh

lại, tôi liền quyết định không thể được ! Và liền quay sang đường phố khác.

Có khi tôi đang đi, hương vị tưởng tượng chứ chưa phải là thực của những chiếc bánh sừng bò làm tôi thấy chóng mặt. Tôi bắt đầu phỏng đoán lẽ mờ rằng cuối cùng rồi cái mùi hấp dẫn đó sẽ bắt đầu theo đuổi tôi ở mọi chỗ, mọi nơi và tôi trở thành vật hy sinh đáng thương của ảo ảnh. Và khi đó thì tạm biệt mọi chuyện học hành.

Anh thử nghĩ xem ! Tôi đang đứng ở một hiệu thuốc. Ở một cửa sổ lớn có hai quả cầu thủy tinh đựng nước đỏ và xanh lấp lánh. Hai quả cầu được chiếu sáng trông giống như đôi mắt khổng lồ. Nhưng mùi thơm của những chiếc bánh sừng bò đã làm tôi mê mẩn. Chưa bao giờ lại có một mùi thơm quyến rũ như vậy. Tôi biết rằng gần đó không có một hiệu bánh nào cả, nhưng vẫn có mùi thơm ngào ngạt giống như bánh mì mới ra lò, một mùi thơm hứa hẹn sự no nê. Tôi muốn bước đi nhưng chân không nhúc nhích. Tôi phải đứng lại mười phút để lấy sức bước đi.

Đấy, trong hoàn cảnh như vậy tôi đã nghĩ ra một thí nghiệm hơi gàn. Tôi đọc ở đâu đó người ta viết rằng : người Mỹ đã sống một tháng liền không ăn uống gì cả. Tôi tự quyết định thử thí nghiệm nhìn ăn xem sao. Tôi không ăn mà cũng không uống. Cơ thể vốn đã yếu, tôi nhìn được một ngày, hai ngày, sang ngày thứ ba thì nằm liệt. Nằm không động đậy, không thể nhấc được tay nữa. Đầu óc còn tỉnh táo, nhưng toàn là những ý nghĩ kỳ quái, dường như người ta đang đưa tôi đi một nơi nào đó. Mồm và cổ se lại. Đầu nóng

như lửa. Bà chủ nhà ghé thăm tôi, nhìn thấy tôi nằm giữa ban ngày, bà ta hỏi :

— Anh ốm hay sao thế ?

Tôi ừ oải thú nhân với bà ta :

— Tôi khó chịu quá, tôi chưa từng bị như thế này bao giờ.

Cố gượng nói những câu thăm thương ấy, rồi tôi không còn nhìn thấy gì nữa !

— Tại sao vậy ?

— Chính tôi cũng không hiểu tại sao, không nhìn thấy gì cả, xung quanh tối om.

Tôi lấy tay sờ soạng : mắt vẫn còn nguyên, nhưng chẳng nhìn thấy gì cả. Tôi thấy tủi cho số phận mình, đã điếc bây giờ lại thêm cái bệnh mù. Một nỗi buồn day dứt. Bà chủ nhà giải thích những gì đó, còn tôi thì chẳng còn đủ sức để nói chuyện. Phải công nhận là tôi rất sợ bị mù. Nếu như bà ấy biên thư cho bố tôi thì ở nhà sẽ hoảng hốt biết nhường nào. Tôi không nhớ bà ấy đã ra khỏi phòng như thế nào. Khi còn nằm không nhìn thấy gì tôi đã nghĩ đủ thứ, không thể nào kể hết được. Nào là sự hối hận vì đã nghĩ ra một trò thí nghiệm không cần thiết, nào là sự sợ hãi trước tương lai và buộc phải thừa nhận là mình bất lực. Nhưng có một điều đặc biệt là tôi chưa hề có giây phút nào nghĩ đến chuyện tự tử cả. Tôi đã tạm biệt với những ước mơ đầy kiêu hãnh. Tôi đã tự nhận lỗi vắng mặt trước bố tôi, nhưng không lúc nào nghĩ đến chuyện kết thúc cuộc sống.

— Bác bị như thế có lâu không ?

— Tôi không nhớ chính xác bao nhiêu lâu. Trường hợp của bố tôi đã an ủi tôi rất nhiều.

Trước đây bố tôi hút thuốc rất nhiều và cũng trở nên không nhìn thấy gì. Nhưng thị giác đã trở lại với ông. Điều đó khiến tôi nuôi hy vọng rằng đối với tôi mọi chuyện rồi cũng qua đi.

Tôi ở tình trạng mê man giống như một cơn mê nặng nề khủng khiếp. Khi tỉnh lại, không nhìn thấy gì cả, chỉ thấy thấp thoáng một dải sáng nhỏ. Dần dần xuất hiện những đồ vật, rồi thị giác đã trở lại với tôi. Tất nhiên tôi đã ngừng trò tuyệt thực, nhưng tất cả những cảm giác và ý nghĩ trong thời gian mất thị giác mãi mãi sẽ còn lại trong tôi. Điều đó không thể quên được.

Y SĨ KHỈ

Nếu như không có người hát rong, chắc Xi-ôn-cốp-xki khó có thể nhớ lại chuyện đó. Có lần, không hiểu từ đâu vọng lại giọng hát khàn khàn của một người hát rong mới vào nghề. Âm điệu xa xưa của bài hát Ôi-rư của Hung Ga Ri như đã đưa nhà bác học trở lại với Mát-xcơ-va những ngày niên thiếu. Mát-xcơ-va của những tiếng xe ngựa kêu leng keng, của những hồi chuông nhà thờ vang vọng, của tiếng ồn ào nơi bến chợ Xukha-rép-ca, của những bà chú nhà không chỉ cho thuê phòng mà còn cho thuê từng góc phòng và từng chỗ ngủ.

— Hàng xóm của tôi ở Mát-xơ-va là một người hát rong. — Côn-xtan-tin E-đu-a-đô-vich nói. — Ông ta có một con khỉ. Một con vật lâu linh, yêu đời.

Tôi thường đi đọc sách ở thư viện Che-rơ-cốp, còn anh bạn hát rong với con khỉ của mình lại hay đến khu công nghiệp ồn ào.

Có một lần gặp anh ta đi một mình, tôi hỏi :

— Thế con khỉ của anh đâu rồi ?

— Nó ốm, — Anh ta nói, đôi mắt lộ rõ vẻ lo ngại.

Đến chiều, khi trở về nhà, tôi nghe bà chủ nhà nói lại : vì không quen với khí hậu, con khỉ đang nằm bất tỉnh nhân sự, có lẽ bị cảm lạnh.

Người hát rong cố sức chạy chữa, mời bác sĩ thú y đến khám cho nó, lấy chăn đắp và cho nó ăn cam. Có một lần không hiệu anh ta kiếm ở đâu đem về cho nó cá dứa tươi. Mọi người đều thông cảm với anh lất rả, chỉ trừ đôn cảnh sát khu vực. Người hát rong thiếu một tờ giấy tờ gì đó và thế là bị viên cảnh sát hạch sách luôn.

Bà chủ nhà tôi ở nói lộ điều đó với mọi người trong khu :

— Viên cảnh sát hành hạ người hát rong đến khốn khổ. Một tuần đã phải trình diện đến ba lần, mà vẫn đòi phải « đưa thêm », « đưa thêm ». Anh ta lấy đầu tiên mà « đưa thêm ». Con khỉ thì ốm nặng, anh ta không roi nó một bước. Cái hộp đàn (1) thì đã cầm từ mấy ngày nay. Còn viên cảnh

(1) Loại đàn quay tay của những người hát rong.

sát thì vẫn giương to đòi mắt trắng dã ra mà đòi « đưa thêm ».

Chúng tôi, những người thuê nhà khốn khổ ở gần bên cạnh, đi theo dõi hành động ức hiếp thường xuyên ấy, mà chẳng giúp được gì cho anh cả. Một người trong bọn tôi nói với người hát rong là sẽ biên thu tố cáo kẻ ăn hối lộ, nhưng con người tội nghiệp ấy đã tái mặt đi.

— Các anh là những người tốt bụng nhưng xin đừng làm thế mà hại tôi! Cho dù viên cảnh sát có bám dai như đĩa đi nữa thì cũng nên cảm ơn hẳn ta vì hẳn đã che chở cho tôi. Nếu đồn cảnh sát mà biết con kh của tôi bị ốm nặng và giấy tạm trú của tôi đã quá hạn, thì chỉ hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau là người ta sẽ trục xuất tôi ra khỏi Mát-xcơ-va ngay. Và lúc đó với con kh ốm nặng này thì tôi còn đi đâu được nữa?

Tôi rất thương hại người hát rong ấy và con kh. Tôi nhớ ra ở trường đại học Tổng hợp tôi có quen một sinh viên. Nhìn bề ngoài anh ta có vẻ luộm thuộm, vụng về, đầu bù rối, nhưng là người tốt bụng. Anh ta học ở khoa tự nhiên và kết bạn với khá nhiều bác sĩ. Tôi đi tìm anh ta và kể hết mọi chuyện. Anh ta vò đầu và nói để tôi yên lòng:

— Trong số tất cả những sinh vật hiện có thì loài kh là gần gũi với con người hơn cả. Cần phải chữa cho nó như chữa cho con người. Tôi sẽ làm việc đó.

Chiều hôm ấy, tôi dẫn chàng sinh viên đầu bù và bạn anh ta — một bác sĩ có bằng — đến chỗ con bệnh. Trông thật buồn cười, bác sĩ đo

nhiệt độ cho con khi bằng nhiệt kế, xem họng nó và nghe tim. Sau đó bác sĩ cho đơn và nói với tôi :

— Anh đi ra hiệu mua những thứ thuốc nước và thuốc bột này.

Tôi ra hiệu mua thuốc về, bác sĩ dặn nên làm như thế nào. Chúng tôi bắt đầu điều trị. Anh chàng đầu bù hích vào sườn tôi :

— Ông bạn tôi đã trở thành bác sĩ khi, còn anh thì phải làm y sĩ khi vậy nhé ! Phải chú ý cho uống thuốc đúng giờ, giữ nhiệt độ trong phòng đủ ấm và luôn đắp chăn cho bệnh nhân. Và tất nhiên là trường hợp có biến chứng thì phải gọi ngay bác sĩ.

Vậy là tôi đã trở thành y sĩ khi trong vòng một tuần rưỡi. Anh có tin rằng tôi đã quyển luyến với con khi thật sự không ? Về sức truyền cảm, mắt khi thật chẳng kém gì mắt người. Có mặt tôi, viên cảnh sát chỉ ghé vào có một lần. Đề làm cho hẩn gương, tôi nói.

— Các nhà bác học ở trường đại học Tổng hợp cũng đã biết đến con khi này. Bác sĩ chứ không phải viên thú y đã chó nó thuốc đầu. Còn người hát rong thì chẳng may, bây giờ chẳng có gì để ăn. Chúng tôi là hàng xóm của anh ta, hiện đang đi quyển tiền có kèm theo chữ ký để giúp anh ta...

Viên cảnh sát biết rằng chuyện hồi lộ đã bị khám phá bèn cúi chào và bỏ đi. Chúng tôi không gặp lại hẩn ta nữa.

Tôi nói đến giấy ghi chữ ký cốt để dọa tên cảnh sát, nhưng khi hẩn đi khỏi, tôi nghĩ hay

là thử tiến hành việc đó xem sao nhỉ? Đã nói thì phải làm. Đề khởi xướng, tôi đã nộp năm mươi xu, những người khác cũng thương tình, người cho năm xu, người mười xu, có người cho hẳn một rúp. Chúng tôi đã thu cho anh ta được khoảng gần bảy rúp. Mặt anh ấy tươi hẳn lên. Tôi nghĩ rằng: đối với anh, mấy đồng rúp ấy không quý bằng mối tình thương yêu giữa con người với nhau. Ông bạn bác sĩ còn đến thăm hai lần nữa. Con khỉ lai sức dần dần. Tôi mời nó bát canh. Nó đã biết đưa lên mũi ngửi và đã muốn ăn cháo gạo. Còn anh chàng hát rong thì như được đến một khoảng trời mới.

Một tuần sau, bác sĩ đã cho phép dẫn con khỉ đi dạo chơi và ba ngày sau nhà «nữ nghệ sĩ có đuôi» ấy đã biểu diễn cho chúng tôi xem tất cả tiết mục của mình.

NGƯỜI THỬ THỬ KHÁC THƯỜNG

Sau khi đọc cuốn sách bây giờ rất hiếm của Ni-cô-lai Phê-đô-rốp «Triết lý của công việc chung», trong đó tác giả ước mơ đưa con người lên ở các vì sao, tôi hỏi Xi-ôn-cốp-xki xem ông có biết cuốn sách đó không?

— Không những tôi biết cuốn sách đó, mà hỏi còn ít tuổi, tôi còn thường được gặp tác giả.

— Tại sao bác khó ỉg kể về chuyện đó?

— Không hiểu sao tôi lại bỏ qua mất!

Và ông chăm rãi kể.

— Như anh biết đấy, tôi đến Mát-xcơ-va lúc còn là một cậu thiếu niên. Tôi đã tìm đến thư viện Che-ơ-cốp nổi tiếng. Hồi đó thư viện khá rộng của gia đình Che-ơ-cốp đã giao lại cho thành phố quản lý và cho phép mọi người đến đọc. Thư viện đặt trong viện bảo tàng Ru-mi-an-xép. Ngay từ hồi đó, hầu hết các tài liệu được in ở nước Nga và nước ngoài đã được nhập vào thư viện. Phòng đọc của nó đã trở thành trường đại học Tổng hợp của tôi và chính ở đó tôi đã gặp Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vich Phê-đô-rốp.

— Bác gặp trong hoàn cảnh nào?

— Chuyện đó xảy ra vào một trong những buổi đầu tôi đến đọc ở thư viện. Có một lần tôi bước vào cửa và thấy hàng chục người, chủ yếu là sinh viên, đang chen lấn nhau gần chỗ người thủ thư. Tôi hơi ngại, nên đứng chờ cho thủ thư rảnh việc và được dịp ngắm nhìn ông ta: đầu hói, tóc hơi quăn và đã bạc trắng, lông mày đen, nhưng đôi mắt còn rất trẻ. Nhìn mặt khoảng năm mươi tuổi, nhưng dáng đi còn rất thanh niên — nhanh nhẹn và chuẩn xác.

Khi người sinh viên cuối cùng đã đi ra, người thủ thư nhìn thấy tôi và vẫy lại. Có lẽ thấy tôi hơi có vẻ lúng túng nên ông ta mỉm cười với tôi. Giá như anh được nhìn thấy nụ cười của ông ấy! Nụ cười ấy lập tức làm thay đổi nét mặt ông và làm nó thêm rạng rỡ.

Ông cười cởi mở, thân tình như cha cười với con, anh cười với em. Lần đầu tiên ông ấy nhìn

thấy tôi. Quên hết nút rè, tôi xoay người tiến lại chỗ ông. Ông niềm nở hỏi.

— Anh muốn đọc cuốn nào?

— Nếu có thể được, xin bác cho cháu mượn cuốn « Lịch sử chiến tranh nông dân ».

— Cuốn sách đã bị cấm...

— Xin bác nói to một chút, cháu hơi nặng tai.

— Cuốn sách bị .. c... ấ... m !

Lời nói thì có vẻ nghiêm nghị — đọc giả gì mà lại đòi đọc sách cấm, — nhưng đôi mắt thì lại như muốn cười và khích lệ tôi. Còn tôi thì vốn ít giao du, chẳng biết nên trả lời thế nào. Ông ấy bỏ đi đầu một lúc và trở lại ngay, đưa cho tôi cuốn sách. Tôi hỏi :

— Cuốn gì đấy ạ ?

— « Lịch sử chiến tranh nông dân ».

— Nhưng cuốn sách này bị cấm cơ mà ?

— Anh cứ cầm lấy.

Ông ấy hích nhẹ vào lưng tôi. Tôi đi ra bàn đọc và cảm thấy « mè » ông ấy. Tôi không chọn được từ nào khác. Ông ấy không chỉ làm tôi quan tâm, ngạc nhiên hay là đã gây được thiện cảm đối với tôi. Không ! Chính ông ấy làm cho tôi mê ngay từ đầu. Tôi hiểu rằng . tôi đã có một người bạn, một người có thiện chí giúp đỡ việc học hành không dễ dàng của tôi. Quả đúng như vậy. Ông ấy là một người thủ thư lý tưởng. Sự uyên bác không có giới hạn của ông đã chinh phục được mọi người, kể từ các cậu sinh viên đến các viện sĩ. Nhiều người có chức tước và học vị cao đều cho rằng ông ấy mà bàn luận về những điều viết

trong sách thì cứ như danh đóng cột. Với mọi người, ông đều niềm nở, chân tình và tôn trọng.

— Bác không tìm hiểu thêm gì về ông ấy sao ?

— Chẳng cần phải tìm hiểu. Các bạn đọc thường xuyên của thư viện tranh nhau kể về ông ấy. Câu sinh viên Vô-lô-đi-a mà tôi làm quen ở thư viện đã kể với tôi nhiều hơn cả. Qua câu ấy tôi được biết rằng mẹ Phê-đô-rốp là một nông nô, bố là bá tước Ga-ga-rin. Danh hiệu bá tước Ga-ga-rin không trao lại cho người con bất hợp pháp ấy, nhưng ông ta cũng dành một phần chăm sóc nào đấy đối với Phê-đô-rốp. Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vich tốt nghiệp trường trung học Ri-se-li-ép-xki ở Ô-đét-xa. Từ nhỏ, ông đã đọc rất nhiều sách, đã giảng dạy ở các trường trung cấp Bô-rốp-xco, Bô-gô-rốp-xco và cuối cùng tìm được chức thủ thư ở thư viện này.

Vô-lô-đi-a cam đoan rằng phần lớn thời gian ông làm việc ở thư viện, ông sống rất kham khổ trong một căn phòng không có tiện nghi, chỉ ăn bánh mì với nước lã, ngủ không có gối, không có đệm. Ông ấy cũng không có cả áo lông mặc ngoài. Nếu có ai đem đến phòng ông các thứ đồ dùng như chiếc ghế đầu, khăn trải giường, bát đĩa, thì ông liền bỏ ngay cái phòng đó để đi thuê một căn phòng hoặc một góc phòng khác. Ông ấy hoàn toàn không chịu giữ tiền trong túi bao giờ. Lĩnh lương xong, ông đem chia ngay cho những người túng thiếu. Mà những người nghèo thì khi nào mà chẳng có. Thậm chí Phê-đô-rốp còn sợ có tiền. Mọi người đều biết câu cửa miệng của ông : « Cho

dù anh có tiêu pha đi nữa thì những đồng tiền đang nguyên rủa ấy cũng sẽ trở lại với anh ».

Vô-lô-di-a chỉ cho tôi những người đã được Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vích giúp, người thì được chiếc áo bành tô, người thì được đôi giày, người khác thì được chăm sóc hàng tháng khi ốm đau.

Tôi được dịp quan sát tận mắt sự chăm sóc của ông đối với những người ở phòng đọc. Một lần, có một người đứng tuổi gục đầu ngủ trên một cuốn sách đọc dở. Những câu sinh viên ngồi bên bắt đầu khúc khích cười. Phê-đô-rốp rón rén đến gần, để ngón tay lên môi và yêu cầu không đánh thức người đang ngủ. Cảnh sinh viên lập tức im bật, còn người đọc giả ấy thì tiếp tục ngủ một cách ngon lành. Nếu như gặp những người thủ thư khác, chắc họ đã đánh thức ông già đọc sách quá mệt mỏi.

Trong tủ của thư viện, Phê-đô-rốp còn trữ cá bánh mì, pho mát, xúc xích rẻ tiền. Mỗi khi nhìn thấy ai có vẻ bị đói nhiều ngày là ông lấy vài lát bánh mì và bí mật đặt giữa cuốn sách chuyển cho người đói bụng.

Tôi biết ơn ông ấy vô hạn vì ông đã giúp tôi ngay từ lúc tôi chưa yêu cầu. Ông tìm giúp tôi những cuốn sách giáo khoa tốt nhất mà tôi cần, những cuốn sách và tạp chí hiếm. Ông đã diu dắt tôi một cách kín đáo. Theo cách nói hiện nay thì ông ấy đã đỡ đầu tôi. Lấy một ví dụ : thấy tôi đọc cuốn sách của Mác-lin-xki (1), Vô-lô-di-a khuyên

(1) Mác-lin-xki (1797-1837) — tên thật là Be-xtu-giép, nhà văn Nga.

— Anh nên đọc Sếch-xpia (1) hay hơn nhiều.

Tôi đến hỏi ý kiến Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vích. Cặp lông mày đen của ông ấy nhướn lên một cách ngạc-nhiên.

— Sao? Thế anh vẫn chưa đọc Sếch-xpia à?

Và ngay lập tức ông đem lại cho tôi cuốn « Hăm-lét », ngày hôm sau cho mượn « Ô-ten-lô » và sau đó là « Vua Lia » và « Rô-mê-ô » và Giu-li-ét ». Tôi nhận thấy rằng ông đã dẫn tôi đi từ bi kịch này đến bi kịch khác của Sếch-xpia. Của đáng tội Sếch-xpia đã làm tôi rất đổi ngạc nhiên. Đọc Sếch-xpia, tôi có cảm giác như được ở trong một phòng thí nghiệm mà người ta đang nghiên cứu lòng ham muốn của con người với độ chính xác của khoa học, giống như được nhìn thấy mọi người thông qua một lăng kính khuếch đại khổng lồ và tất cả tinh tinh, suy nghĩ và sự ham thích của họ đều rõ như lòng bàn tay. Sau khi đọc Sếch-xpia, lâu lắm tôi không thể đọc được một tác phẩm nghệ thuật nào của các nhà văn khác. Tất cả dường như đều trở nên hời hợt và dễ dãi.

Cần nói thêm rằng: nhiều năm sau, tôi có đọc lại Sếch-xpia, nhưng không có được những ấn tượng mạnh mẽ như hồi còn trẻ.

— Bác có thường gặp Phê-đô-rốp không?

— Rất hay gặp, vì hầu như ngày nào tôi cũng đến thư viện đọc sách. Vấn đề thương người, Phê-đô-rô-vích cố tìm cách giúp tôi cả về mặt vật

(1) Sếch-xpia (1564-1616) — Nhà thơ và nhà viết kịch nổi tiếng người Anh. Những tác phẩm lớn của ông là « Hăm-lét », « Ô-ten-lô », « Vua Lia », v.v....

chất nữa. Có một lần, vào đầu mùa đông, chúng tôi rời thư viện về nhà. Gió tuyết thổi mạnh. Bất giác tôi co dúm người lại. Thấy tôi mặc chiếc áo bành tô mỏng manh, Ni-cò-lai Phê-đô-rô-vich khuyên.

— Nên cài tất cả cúc lại và dựng cổ áo lên! Còn lần sau thì nên lót một vài lớp giấy hạo vào trong áo vét, như vậy sẽ ấm hơn. — Rồi đột nhiên ông đề nghị. — Ta rẽ vào cửa hàng một lát đi, tôi sẽ mua cho anh một chiếc áo bành tô ấm. Nhân tiên tôi có ít tiền thừa chưa dùng đến.

Tôi hoảng quá, vội nói quả quyết rằng tôi không rét và mới đây tôi vừa đổi chiếc áo khoác ấm lấy chiếc bành tô này để đi lại cho tiện.

Thật không phải dễ dàng gì thuyết phục được Phê-đô-rốp từ bỏ ý định mua chiếc áo mới cho tôi. Tôi còn nhớ những trường hợp ông đã cố ý giúp tôi. Ông ấy là người như thế đấy! Dường như nhìn mắt tôi là biết được lúc nào tôi hết tiền và tìm cách giúi cho tôi lúc đồng ba rúp, lúc đồng năm rúp. Tôi đã đứng vững trước sự cám dỗ, nhưng tấm lòng của người tốt bụng thì tôi không bao giờ quên...

— Bác có thường nói chuyện với Phê-đô-rốp không?

— Chúng tôi thường vẫn trao đổi với nhau. Trong những năm đó, tôi vẫn coi ông ấy như là thầy giáo của mình. Phê-đô-rốp không chỉ là một người hiền rộng, biết nhiều mà còn là một nhà sư phạm có tài và rất chu đáo. Biết tôi thích toán, lý và hóa, ông đã chọn cho tôi những tài liệu cần thiết và hướng dẫn tôi cách tự học, dạy tôi cách



— Nên cài tất cả cúc lại và dựng cổ áo lên.

tra sách ở thư viện, cách ghi tóm tắt những điều chính, điều quan trọng trong các tài liệu đọc được. Tôi cho rằng Phê-đô-rốp là một người hiếm có và được tiếp xúc với ông ấy thật là một hạnh phúc lớn.

— Thế bác có nói chuyện về khoa học không?

— Rất ít thôi. Cho đến bây giờ tôi vẫn không tha thứ cho cái tính nhút nhát, rút rè của tôi. Chỉ mãi sau này, khi Phê-đô-rốp đã mất đi, tôi mới đánh giá được hết và hiểu rằng tôi đã được tiếp xúc với một nhà tư tưởng lớn, một người hiểu rộng, biết nhiều. Và cái chính là những suy nghĩ của chúng tôi, tuy khác nhau về tuổi tác, nhưng lại rất giống nhau.

Tôi gợi ý :

— Lép Tôn-xtôi có ghi trong nhật ký của mình về Phê-đô-rốp như thế này. « Tôi tư hào được sống cùng thời với một người như vậy. »

— Ông ấy có nói với tôi về Tôn-xtôi. Đa số người Nga và khách nước ngoài đều thân phục Tôn-xtôi—nhà văn và nhà triết học vĩ đại. Còn Phê-đô-rốp lại là bạn thân của ông ta. Không khách khí, Phê-đô-rốp đã nói thẳng với Tôn-xtôi những nhân xét của mình. Phê-đô-rốp không đồng tình với một số quan điểm của Tôn-xtôi và đã tranh luận quyết liệt với nhà văn.

— Đây là điều rất lý thú. Lần đầu tiên tôi được nghe nói tới.

— Phê-đô-rốp cương quyết không tán thành sự chỉ trích của Tôn-xtôi đối với văn học và nghệ thuật. Những người khác vì hàm mộ nhà văn, nên nếu như có điều gì không đồng ý thì cũng nín lặng, nhưng Phê-đô-rốp thì lại dám nói thẳng

điều bất đồng của mình. Qua Phê-dô-rốp tôi được biết một trường hợp sau :

... « Có một lần, Tôn-xtôi đến thư viện Chê-rơ-cốp xem những cuốn sách trưng bày. Ông lục lại các thư mục, rồi bỗng tuyên bố :

— Anh có biết không, nếu tôi có quyền tôi sẽ hủy chín mươi chín phần trăm số sách có trong các thư viện công cộng.

Nói xong ông ấy nhìn tôi, chờ xem tôi sẽ nói gì. Tôi đã nói với ông ấy điều mà tôi nghĩ :

— Tôi đã gặp khá nhiều người kỳ quặc, nhưng kỳ quặc như anh thì tôi mới gặp lần đầu đây anh Lép Ni-cô-la-ê-vích ạ...

Anh thử nghĩ xem, nói như vậy nhưng Tôn-xtôi không bực mình đâu... ».

— Thế bác có trao đổi về vũ trụ không?

— Không. Tôi rất liếc về chuyện đó. Vì khi tôi mơ ước tới việc chinh phục khoảng không giữa các hành tinh một cách trẻ con, tôi khổ sở đi tìm con đường dẫn đến các vì sao, nhưng không tìm được một người cùng chí hướng. Số phận đã dẫn đến cho tôi một người, giống như tôi, cũng tin rằng con người nhất định sẽ chinh phục được vũ trụ : đó là Phê-dô-rốp. Nhưng mỉa mai thay cho số phận đó, chính tôi cũng hoàn toàn không biết một tí gì về những quan điểm của Phê-dô-rốp. Chúng tôi đã bàn luận về nhiều vấn đề khác nhau nhưng không hiểu sao lại bỏ qua đề tài vũ trụ. Có lẽ, sự khác biệt về tuổi tác đã gây ra điều đó. Có thể Phê-dô-rốp cho rằng nói những chuyện về vũ trụ với tôi có lẽ hơi sớm. Nhưng ông lại hay nói với tôi về sách vở và ý

nghĩa của sách vở. Ông luôn nhìn thấy sau mỗi cuốn sách là tác giả của nó, một con người đang nói về những đau khổ và suy nghĩ của mình. Ông coi kho sách là trường đại học tổng hợp đối với những người lớn.

Theo tôi, những quan điểm của Phê-đô-rốp mà tôi biết được mười năm sau khi ông qua đời là ông đã chứng minh khả năng thâm nhập vào vũ trụ. Phê-đô-rốp cũng cho rằng các vì sao tồn tại không phải chỉ để chiếu sáng lấp lánh và để con người tôn thờ, mà còn để cho con người chinh phục chúng, biến chúng thành những nơi cư trú. Ông cho rằng: môi trường hoạt động của con người là toàn bộ vũ trụ và từ đó nảy sinh sự cần thiết phải di chuyển không hạn chế trong vũ trụ. Ông tin tưởng sâu sắc rằng: con người sẽ gieo những hạt giống lao động của mình ra ngoài phạm vi trái đất. Ông xem xét hệ mặt trời một cách tỉnh táo và cho rằng: với thời gian, hệ thống này sẽ trở thành một lực lượng kinh tế. Con người có tâm hồn dịu dàng như vậy lại dám nghĩ rằng loài người sẽ tạo ra một trái đất mới và bầu trời mới, còn chính con người sẽ trở thành những nhà cơ khí, hóa học và vật lý vũ trụ. Phê-đô-rốp tiên đoán rằng: từ chỗ là hành khách của con tàu mang tên trái đất, con người sẽ trở thành người lái tàu và người hoa tiêu của trái đất.

Tôi đặc biệt đánh giá cao điều khẳng định của ông cho rằng con người sẽ tìm được cách làm sống lại những thế giới đã nguội lạnh và sẽ học được cách điều khiển nguồn năng lượng khổng lồ của mặt trời. Ông tin rằng: ý chí và trí thức

của con người có thể điều khiển được toàn bộ vũ trụ. Có một điều lý thú là bằng con đường của mình, Phê-đô-rốp cũng đi đến kết luận giống như tôi : chừng nào các chủ ngân hàng và chủ nhà máy còn nắm chính quyền thì loài người chưa thể chiếm lĩnh được khoảng không giữa các hành tinh. Nghĩa là con đường dẫn tôi đến Lê-nin và tư tưởng của Người rất giống con đường của Phê-đô-rốp.

Xi-ôn-cốp-xki xúc động kết luận :

— Tôi rất kính phục Phê-đô-rốp. Trong gia đình tôi, tinh yêu nước Nga được đặt lên hàng đầu. Phê-đô-rốp là một người con trung thành của nước Nga. Tôi thường nhắc lại câu nói của ông mà tôi biết được sau khi ông đã qua đời. « Đất đai rộng lớn của nước Nga đã góp phần hình thành nên những tính cách của người dũng sĩ và đường như đang vẫy gọi chúng ta tiến lên lập những chiến công vũ trụ ».

Tôi sẵn sàng ký cả hai tay dưới hàng chữ này !

HOA TỬ ĐÌNH HƯƠNG

Đã ba tuần liền trời âm, lạnh và không một làn gió nhẹ. Sau đó trời hửng lên một chút và hoa tử đình hương bắt đầu nở.

Miền Ca-lu-ga đã thay đổi. Những giọt nước mưa lấp lánh như ngọc trai đọng trên những thảm cỏ non.

Dòng sông Ô-ca lững lờ chảy.

Giống như mọi nơi, trong mảnh vườn nhỏ của nhà Xi-ôn-cốp-xki ngào ngạt mùi hoa tử đinh hương. Trời đã xế chiều. Đàn bò lững thững trở về chuồng. Đã sắp sửa đến giờ hoạt động của bầy dơi và bướm đêm.

Côn-xtan-tin E-đu-a-đô-vích mặc bộ quần áo ngủ kẻ sọc, ngồi trên chiếc ghế trong vườn, đặt tay lên gối. Ở tư thế này, trông ông có vẻ mệt mỏi. Dù sao, sau một ngày làm việc chắc cũng phải mệt. Mảnh vườn được ông chăm sóc đã tước đi cái mệt nhọc và đem lại cho ông sự sáng khoái.

Ngồi ở đây, nhịp tim đập đã trở lại bình thường và đều đặn.

Tôi ghé qua nhà Xi-ôn-cốp-xki có chút việc và cố chờ thời cơ thuận lợi để bắt đầu câu chuyện, nhưng ông đã bỏ kính và đang trầm ngâm suy nghĩ, nét mặt phẳng phất có cái gì hơi buồn buồn. Tôi không dám phá vỡ sự im lặng.

« Tuổi trẻ không biết đến hồi ức, — Tôi nghĩ — Khi đứng tuổi thì đã bắt đầu cho rằng hồi ức có một quyền lực to lớn. Đối với tuổi già, trí nhớ hướng về quá khứ là một kho báu vật. Lo ngại phải từ biệt trái đất, người già thường sống hai cuộc sống : cuộc sống hiện tại và cuộc sống của quá khứ xa xăm, có phần nào lại gần gũi và đáng yêu hơn cuộc sống hiện tại. »

Xi-ôn-cốp-xki chậm chạp nhấc cánh tay lên, vô tình chạm vào cành cây làm những giọt nước mưa đọng lại trên khe lá rơi lộp bộp.

— Đã mấy năm nay, mỗi khi hoa tử đinh hương nở, — Ông bắt đầu nói nhỏ nhỏ — Tôi đều nhớ lại một chuyện.

Trong giọng nói của ông có một cái gì khang khác ngày thường : nỗi buồn phiền về sự mất mát, sự ngạc nhiên rút rè trước tính khinh xuất của tuổi trẻ. Ông quay lại phía tôi, nhưng tôi hiểu rất rõ là ông đang nói với chính mình.

— Tôi nhớ lại cùng một chuyện, — Ông nhắc lại, — Và thậm chí cùng một cảm giác buồn buồn. Hoa tử đinh hương nở đã trả lại cho tôi cả tuổi thanh niên. Lúc đó tôi bao nhiêu tuổi nhỉ? Mười sáu, mười bảy thì phải... Tuổi trẻ thật là điều kỳ lạ ! Nhìn lại nó, anh khó có thể tin rằng tất cả đã xảy ra đối với anh. Ở Mát-xcơ-va trên đường phố Nê-mét-xki, gần nhà bà thợ giặt, tôi thường gặp những giấc mơ vô lý hãi hùng. Có một lần tôi nằm mơ dường như có một ống chỉ lớn, cuốn theo những đám mây quay rit lên. Sau đó, cả cụm mây đè nặng lên người tôi. Tỉnh dậy, mở mắt rồi, mà giấc mơ vẫn tiếp tục. Có cái gì đó rơi lên đầu tôi, nhưng tôi không cảm thấy đau, thật giống như một đám mây. Thì ra đó là một miếng giấy trên trần nhà vì ẩm hơi ẩm từ buồng giặt nên bị bong ra và rơi xuống đầu tôi. Trong phòng tôi đầy những sách vở, bình thủy tinh và ống nghiệm. Tôi chỉ rời khỏi căn phòng khi đi thư viện và đi dạo buổi tối để thở hít khí trời. Thì giờ còn lại tôi dùng để đọc sách hoặc tính toán. Tôi vẫn thường bắt gặp những lần bà chủ nhà nhìn trộm tôi. Đến bây giờ tôi mới hiểu rằng : đối với

ngươi phụ nữ tò mò ấy thì cuộc sống của tôi có thể làm bà ta phải chú ý. Buổi tối trong phòng tôi, bà ta có thể nhìn thấy nhiều loại nước đủ màu, những tia lửa sáng chói vì tôi làm thí nghiệm. Bà chủ nhà thường băn khoăn : người thuê nhà chỉ ăn có bánh mì, người gầy rộc đi, chỉ còn lại đôi mắt, nhưng không nản chí. Anh ta không giao du, không có bạn gái, không uống rượu, không hút thuốc. Tóc để dài nửa năm không cắt một lần, quần đầy lỗ thủng. Những thư bác Ca-chi-a gửi cho tôi như bit tất len, ủng da, khăn quàng tôi đều đem ra chợ Xu-kha-rép-ca bán để lấy tiền mua thiếc, a-xít và chai lọ thủy tinh. Bà chủ nhà ướm hỏi .

— Hình như anh định đi tu phải không ?

Bà ta không chỉ tò mò mà còn là người hay nói. Tôi có thể hình dung bà ta đã kể về tôi với những người hóng chuyện như thế nào. Để cho mọi người dễ tin hơn, bà ta có thể còn vẽ thêm sừng, thêm mỏ cho tôi nữa là khác. Tôi bắt đầu bắt gặp những cặp mắt tò mò của những người cùng phố. Nhưng tôi chẳng để ý đến họ. Tôi đang ước mơ về những chuyến bay vượt ra ngoài khí quyển. Tôi chỉ ước mơ, vì tôi cũng như những người khác chưa biết được con đường dẫn đến các vì sao. Từ những năm còn nhỏ tuổi, tôi đã tưởng tượng ra một trạng thái bay thú vị, khi ta có thể chuyển động tự do nhào lên lộn xuống, theo mọi phía mà không gặp phải sức cản của khí quyển, không cảm thấy sức hút của trái đất. Tôi không chút hoài nghi rằng một chuyến bay như vậy và có thể hơn thế nữa, tất phải xảy ra.

Nhưng tôi còn chưa biết lực gì sẽ đưa con người tới các vì sao. Lúc ở nhà, khi còn là một đứa trẻ, tôi đã nói tới những chuyến bay đó, nhưng mọi người trong nhà đều cười, còn bố tôi thì chẹn ngay.

— Thôi đừng nói những chuyện nhảm nhí.

Còn ở đây, ở Mát-xcơ-va thì không ai ngăn cản tôi và tôi tha hồ mơ mộng.

Có một đêm không quên. Mát-xcơ-va. Xung quanh đều im lặng, không một bóng người. Trên bầu trời, dải thiên hà dày đặc. Trời đầy sao. Chúng lấp lánh một cách kiêu hãnh và lạnh lùng, khiến người ta có cảm giác như không tài nào với tới được. Tôi ngửa mắt ngắm nhìn chúng. Và bỗng nhiên, như một luồng điện, một ý nghĩ vụt lóe lên trong đầu tôi. Tôi đã tìm được lời giải cho một bài toán vĩ đại của con người! Nhìn xung quanh, không có một ai. Mình tôi với các vì sao, và tôi đã phát hiện ra con đường dẫn đến chúng! Tôi đã tìm ra!!! Tôi tin vào điều đó. Mặc dù tôi chưa làm những phép tính, chưa có những bản vẽ và sơ đồ. Tất cả rồi sẽ có! Điều quan trọng là đã có những tia sáng hé mở, đã có một nguyên lý để giải quyết khả năng bay vào khoảng không giữa các hành tinh. Lực ly tâm! Chính cái đó sẽ đưa con người lên các vì sao.

Trong khoảnh khắc trí tưởng tượng của tôi đã phác ra một bản vẽ rõ ràng và sau đó là một thiết bị bay. Đó là một buồng kín hình thoi tựa tựa như con cá hoặc con chim, bên trong đặt hai con lắc đàn hồi cứng với những quả cầu sắt ở cuối buồng. Khi chuyển động, con lắc sẽ sinh ra một lực. Lực ly tâm của những quả cầu sẽ nâng

buồng kín lên tăng khí quyển và sau đó đưa vào khoảng không giữa các hành tinh.

Tất cả những điều đó diễn ra trong óc tôi trong vòng chưa đầy một phần mười giây và tôi cảm thấy hào hứng vô cùng. Tôi sẵn sàng hát, nhảy múa và ôm hôn những người sẽ gặp và chia sẻ với họ niềm vui của sự phát minh.

Tôi đi lang thang trên đường phố Mát-xcơ-va một giờ, hai giờ... Tôi tỉnh táo suy nghĩ, phân tích, kiểm tra lại phát minh của mình và rất tiếc, tôi nhận ra rằng tôi đã nhầm. Tác động của con lắc chỉ có thể gây nên sự rung động. Trọng lượng của buồng không giảm đi lấy một gam. Buồng kín sẽ không nhấc lên được mét nào cả.

Sự thích thú đã biến mất, nhưng tôi vẫn cảm thấy vui vui vì đã được hưởng niềm vui của một nhà phát minh đầu tiên và cảm thấy như mình đã được bay trên thiết bị bay đó.

Mặt đất ẩm áp đây ánh nắng mặt trời đã xa dần, lần vào đám sương mù, còn tôi ngày càng bay cao hơn, hướng gần tới các vì sao. Nổi vui mừng lớn đến mức buổi đó đã để lại ấn tượng sâu sắc suốt đời tôi. Ngay cả bây giờ, đôi khi tôi vẫn nằm mơ thấy tôi ngồi trên chiếc máy của tôi bay về phía các vì sao, và tôi cảm thấy vui sướng như trong cái đêm khó quên đó...

Trời đã chấp choạng tối. Tôi không còn nhìn rõ mặt Xi-ôn-cốp-xki, mà chỉ nghe thấy giọng nói nhỏ dần của ông:

— Nhưng tôi muốn nói về một chuyện khác. Có một lần, ở Mát-xcơ-va cũng vào mùa hoa tử

đình hương nở, tôi từ thư viện trở về nhà và nhìn thấy một lá thư trên bàn.

Từ chiếc phong bì màu tím thoang thoang mùi nước hoa. Tôi rất ngạc nhiên. Gia đình tôi thường ít khi biên thư cho tôi và không dùng loại phong bì như vậy, nhưng địa chỉ và tên lại đúng hoàn toàn và tôi quyết định bóc ra xem.

Những điều đọc được không chỉ làm tôi hồi hộp mà còn khiến tôi hơi hoảng. Vì rằng tôi hay ngượng và ngại tiếp xúc với những người không quen biết, nhưng ở đây...

Ông im lặng, dường như đang suy nghĩ có nên kể tiếp không, nhưng buổi chiều ấm áp, sự im lặng và hoa tử đinh hương đã thôi thúc Xi-ôn-cốp-xki cởi mở, và ông lại bắt đầu kể.

— Tóm lại, tôi đã đọc một bức thư chân thành, nhiệt tình của một cô gái mà tôi không quen biết, chắc phải là một cô gái có tinh tự chủ và can đảm.

Tôi không thể nhắc lại chính xác những lời trong thư, nhưng sau lần đọc thứ hai và thứ ba thì quả bức thư đã gây cho tôi một ấn tượng mạnh mẽ. Bức thư toát lên những tư tưởng cao thượng, sự thẳng thắn chân thành, mối cảm tình nồng nhiệt đối với tôi, một người mơ mộng không ai biết và có thể còn là một anh chàng gàn. Tôi còn chú ý tới vẻ duyên dáng trong cách viết.

Bức thư này thực ra không có mục đích gì nếu như không kể đến chuyện người thiếu nữ không quen biết lạ kỳ đó muốn nhận được thư trả lời. Cô ta tên là Ôn-ga, còn họ thì cô ta không nói gì cả. Xi-ôn-cốp-xki im bật, và tôi cũng

hiều rằng chẳng nên hỏi họ cô ta làm gì. Nhưng một lát, ông lại tiếp tục :

— Ở cuối bức thư có ghi địa chỉ của cô gái.

Bà chủ nhà ghé vào buồng tôi. Tôi hỏi bà ta .

— Bác có biết người này không? — Và tôi đọc tên cô gái.

Bà chủ nhà nhìn tôi, vẻ chèn trách :

— Anh không nghe nói đến những người giàu có ấy bao giờ à? Họ có nhà riêng, có ngựa hồng kéo xe, có dinh cơ Cli-a-dơ-ma, có nhà máy...

Theo cách bà ta liếc nhìn chiếc phong bì màu tím, tôi đoán rằng, do làm nghề thợ giặt, bà ta có quan hệ với những nhà giàu có và chắc đã kể chuyện tôi với cô gái nọ, nên tôi không còn muốn viết thư trả lời nữa.

— Thế bác không trả lời thật à?

— Tôi đã trả lời ngay ngày hôm đó. Bức thư khá dài và lộn xộn. Nói đúng hơn, vì ít tuổi nên có phần nào tôi nóng nảy, tuy nhiên tôi không viết để người ta rủ lòng thương hại sự nghèo túng của tôi và tôi cũng không khoe khoang lòng trung thành với khoa học của mình. Tôi chỉ thổ lộ những ước mơ của tuổi trẻ.

Cón-xtan-tin E-đu-a-dô-vích vô đầu gối tôi :

— Tôi viết bảy trang liền, vì tôi nghĩ rằng cô gái chắc không am hiểu nhiều về khoa học, nên tôi cố tránh dùng những thuật ngữ khoa học và nói một cách có hình ảnh hơn. Một bức thư liều lĩnh, đầy nhiệt tình. Dầu sao, tôi còn đủ thông minh viết thêm ở đoạn cuối rằng: chúng ta là những người không cùng một cánh ngó, đề

cô ấy hiểu rằng lá thư của tôi chỉ là dấu hiệu của phép lịch sự, chứ không phải niềm hy vọng tiếp tục trao đổi thư từ.

Xi-ôn-cốp-xki trầm ngâm suy nghĩ, còn tôi thì bồn chồn như ngồi trên đống lửa. Lẽ nào câu chuyện lại bỏ dở ở đây? Nhưng hoa tứ đỉnh hương đã nở, đầu đó vắng lại tiếng chim họa mi. Hồi ức lại được tiếp tục.

— Gửi xong bức thư, tôi thờ dài nhẹ nhõm và lại lao vào công việc với hy vọng rằng câu chuyện thư từ sẽ dừng ở đây.

Nhưng một ngày sau, bà chủ nhà tìm tìm cười đưa cho tôi một phong bì màu tím. Đôi mắt bà như muốn nói: « Á, cậu này gớm thật! Tầm ngẫm tầm ngẫm mà đắm chết voi! »

Còn tôi thì hết sức ngạc nhiên và vô cùng hồi hộp. Của đáng tội, có lúc tôi đã bất chợt thấy mình thầm mong một bức thư mà nếu không nhận được chắc tôi sẽ buồn lắm. Mở phong thư ra, tôi đọc đi đọc lại cho tới lúc thuộc lòng.

Bức thư đã chinh phục tôi hoàn toàn. Sau khi tế nhị bày tỏ sự cảm ơn về bức thư trả lời của tôi, cô ta háo hức chứng minh rằng: sự chú ý của cô ta đối với tôi không phải là bốc đồng, trò tiêu khiển tình cờ của một cô gái nhẹ dạ, mà nếu như có thể được, đó là mục đích cuộc sống hiện nay của cô, bản tình ca và áng thơ của cô.

Cô ấy tỏ lòng thân phục cách sống của tôi và kính cần gọi tôi là nhà-ăn sĩ, là thầy tu của khoa học, mặc dù lúc đó tôi chưa phát minh được gì cả.



... bà chủ nhà đưa cho tôi một phong bì...

Điều lạ lùng hơn cả là cô ấy biết tất cả về tôi: khi nào tôi ngủ dậy, thích ăn cái gì, thường đọc sách gì, hay đến thư viện nào.

Có thể giải thích điều đó một cách đơn giản, cho rằng đầu mối là bà chủ nhà tôi ở, nhưng không hẳn như vậy, vì một người mù chữ như bà ta không thể nói đúng những tên sách của tôi và bà ta lại càng không thể biết tôi làm gì ở thư viện. Làm thế nào mà cô Ôn-ga có thể thu lượm được những tin tức về tôi, cho đến nay tôi vẫn không hiểu nổi, nhưng tôi cam đoan rằng: những tin tức hoàn toàn chính xác.

Thâm chí tôi có cảm giác là tôi bị nhốt trong một bình thủy tinh lớn và có một đôi mắt đẹp nào đó đã theo dõi tôi với một cảm tình đặc biệt.

Không biết xấu hay tốt, nhưng thiên nhiên đã phú cho tôi cái tính hay tưởng tượng. Tôi đã nhớ lại những hình ảnh kiểu diêm của các cô gái và những người phụ nữ mà tôi đã được đọc trong các truyện Ta-chi-a-na của Pu-skin, Vê-ra của Gôn-cha-rốp, A-xi-a của Tuốc-ghê-nhép... Tôi gán cho cô gái chưa quen biết ấy những nét đẹp nhất.

Cùng ngày hôm ấy tôi lại gửi cho cô ấy một bức thư dài. Sợ bị chê là không khiêm tốn, tôi cố gắng không nói về mình, nhưng tất nhiên, tuy nói tránh nhưng tôi đã kể về mình, về những tình cảm, suy nghĩ, ước mơ của mình. Tôi-tưởng tượng cô ấy sẽ chăm chú đọc bức thư của tôi và điều đó đã thôi thúc tôi cố tìm những lời lẽ chân tình nhất.

Sau khi gửi bức thư, tôi tính từng giờ, từng phút chờ trả lời.

— Thế bác có nhận được không?

— Được chứ. Lần này tôi theo dõi người đưa thư đến nên không phải qua tay bà chủ nhà. Tôi chạy ngay ra vườn, ngồi xuống chiếc ghế dài bên cạnh bồn hoa tử đinh hương và bắt đầu đọc những hàng chữ triu mến đối với tôi.

Có lẽ, ở cô ấy và tôi có những sợi dây tâm tình gắn gũi nào đó. Ôn-ga hiểu tôi khi chưa đọc hết câu và đã trả lời tôi dưới dạng mà có lẽ một người khác khó có thể hiểu nổi.

Lao vào chuyện thư từ với một cô gái, rõ ràng không cùng hoàn cảnh với tôi, tôi rất ngại rằng cô ấy sẽ không hiểu mà làm tổn thương tới sự nghiệp khoa học tôi đang theo đuổi. Cô ta giàu có, đẹp và được nhiều người chú ý đến. Biết đâu một lúc nào đó cô ấy chẳng giễu cho: một anh chàng ngốc mà lại đòi học toán cao cấp? Thật buồn biết mấy nếu tôi biết rằng cô ấy, một cô gái đẹp được nuông chiều và có danh tiếng, lại ít am hiểu hoặc hờ hững với khoa học.

Nhưng hạnh phúc đã chờ đón tôi. Cô ấy không xa lánh khoa học, hơn thế nữa, chính cô ấy đã hỏi nhiều về khoa học trong các bức thư. Anh có biết cô ấy viết thế nào không? Viết một cách say mê, táo bạo và tỏ ra là một người hiểu biết. Thì ra cô ấy đang lo lắng thực sự tới những vấn đề mà tôi quan tâm.

Sự quan tâm của cô đã làm tôi xúc động tới mức khi biên thư trả lời cô, tôi không cầm nổi nước mắt.

Khi đó tôi nghĩ rằng: Ôn-ga là người độc nhất trên thế giới đã hiểu tôi một cách đầy đủ,

đã tin vào khả năng của tôi và đã vũ trang cho tôi lòng dũng cảm. Tôi nhớ lại các chuyện thần thoại cổ về một cơ thể sống bị chia thành hai nửa, chúng lang thang trong đêm tối để tìm nhau với khát vọng lại được nhập thành một.

Tôi cảm thấy cô Ôn-ga hiền dịu, chu đáo, giàu tình cảm ấy là một nửa sự tồn tại của tôi và tôi rất muốn đến gặp nàng.

Xi-ôn-cốp-xki lại im lặng, nhưng chỉ trong nửa phút. Nhìn lại quá khứ, ông muốn đánh giá lại hành động của mình. Vì chính vào mùa xuân ấy, khi hoa tử đinh hương nở, số phận của ông đã được quyết định. Vẫn vương với cô gái đáng mến chưa hề quen biết ấy, ông còn phân vân chưa quyết định trước ngưỡng cửa của một lĩnh vực chưa hề biết.

— Sự trao đổi thư từ giữa chúng tôi đã bắt đầu như vậy. Mỗi một bức thư là một phát minh. Tôi đọc đi đọc lại các bức thư nhiều lần, và khi nhận được bốn lá thư thì tôi nghĩ là số thư đã lên tới bốn mươi, vì ở đó có rất nhiều ý nghĩ táo bạo và tình cảm sâu sắc, tinh tinh hồn nhiên và sức lôi cuốn của một cô gái.

Không chỉ cô ấy biết về tôi, mà tôi cũng biết khá nhiều, nếu không phải là tất cả về cô ấy. Tôi biết những người quen của cô, những quyển sách mà cô thích đọc, những rạp hát mà cô hay đến. Nhưng cái chính là tôi đã thâm nhập vào ý nghĩ và ước mơ của cô, tuy tôi chưa trông thấy cô ấy lần nào, và không dám hỏi xin ảnh cô. Chúng tôi đã gọi nhau vắng mặt bằng tên gọi âu

yếm. Những bức thư đó đã làm chúng tôi xích lại gần nhau hơn, chúng tôi đã yêu nhau.

Và khi Ôn-ga biên thư hẹn gặp thì lần đầu tiên tôi đã suy nghĩ một cách nghiêm túc về những điều nói trong những bức thư. Tôi tỉnh táo nhận định rằng cô ấy sẽ không thể là bạn đời của tôi được. Chắc chắn là những buổi gặp gỡ có thể làm chúng tôi xích lại gần nhau hơn, nhưng tôi cũng hiểu rất rõ rằng, đâu sao sự xa cách vẫn ở phía trước.

Tôi tin rằng : tôi biết mình rất rõ, và tôi cũng hình dung được sự xa cách đó sẽ làm tôi đau khổ đến mức nào. Có thể anh sẽ cười, sẽ lên án tôi, nhưng tôi hơi run và đã dứt khoát từ chối buổi hẹn gặp. Điều đó làm Ôn-ga rất buồn. Trong bức thư tiếp theo giọng văn của cô có vẻ hơi buồn buồn. Sau đó việc trao đổi thư từ đã trở lại bình thường, nhưng không bao giờ chúng tôi dám nghĩ ý muốn gặp mặt nhau.

Là một cô gái rất tinh tế, thông minh, không phải bằng trí tuệ mà bằng trái tim, Ôn-ga đã đoán được rằng : tôi sẽ không đến chỗ hẹn và cô không muốn thuyết phục tôi thêm một lần nữa. Ít lâu sau, cô gái không quen biết đã làm tôi đau đầu về một đề nghị của cô thoát nhìn có vẻ hấp dẫn. Cô ấy phác ra cho tôi một bức tranh khác thường...

Anh thử hình dung xem : một căn phòng sáng sủa, có bàn làm việc, có ghế bành, có đi-văng, thậm chí có cả thảm trải. Ngoài cửa sổ là khu vườn cây ăn quả. Có một bàn riêng mặt lát đá hoa bày những dụng cụ thí nghiệm hóa, lý mới nhất. Gần tường đặt một tủ sách lớn. Tôi ngồi ở

đó và có thể tùy ý làm cái gì tôi thích. Sẽ có một người nào đó hết sức chu đáo, vào những giờ nhất định sẽ đem thức ăn đến cho tôi. Khi nào muốn, tôi có thể đi xem bất kỳ một rạp hát, nhạc viện, viện bảo tàng nào và cuối cùng đến thăm cả trường đua ngựa nữa. Và tất cả những điều kiện thiên đường đó tôi không phải trả một xu nào cả. Cô gái chỉ yêu cầu tôi đồng ý như vậy và cô sẽ tự lo liệu tất cả.

Anh có biết không? Không có điều kiện nào cả, không cần giấy vay nợ. Thậm chí cô ấy còn thỏa thuận rằng: cô ấy sẽ không bén mảng tới khu nhà trọ tương lai của tôi. Cô ấy đoán trước là tôi có thể khước từ việc làm từ thiện không nguy trang đó và để không làm tổn thương đến lòng tự trọng của tôi, cô ta còn đề nghị nếu muốn, tôi có thể dạy thêm toán cho cậu em họ của cô để lấy tiền trả tiền thuê nhà.

Cô ấy khần khoản tôi không được từ chối và cam kết rằng: đó là quyền lợi của cô được tham gia với khả năng của mình vào thành công chung của khoa học.

Cô ấy viết: « Xin anh đừng khước từ đề nghị của em, — chỉ cần hai bộ đồ trang sức mua từ Pari của em cũng đủ tiền đề chi cho cuộc sống sinh viên thanh đạm của anh. Anh thân mến, anh đồng ý với em nhé! Vì em không chút hoài nghi về những phát minh tương lai của anh. Không phải em muốn giúp anh, một con người khó báo, mà em muốn tạo điều kiện thuận lợi cho ngành khoa học mà em luôn sẵn sàng quy phục trước nó. »

— Bác Côn-xtan-tin E-đu-a-đô-vích, bác không đồng ý thật à?

— Tôi không đồng ý. Ngay cả bây giờ, sau nhiều năm mà tôi vẫn chưa hiểu nổi những tình cảm lộn xộn của tôi lúc đó. Ở đó có cả lòng kiêu hãnh và sự lúng túng trước qui mô của lòng từ thiện và nỗi lo sợ rằng sự dõ dàu đó sẽ giết chết tình yêu mới mẻ của tôi. Tóm lại, tôi đã từ chối.

Mãi những năm sau, tôi mới được đọc những lá thư trao đổi của Pê-tơ-rô I-lich Trai-cốp-xki (1) với bà triệu phú Phôn Mếch. Thì ra, trong cuộc sống đã có những hiện tượng như vậy xảy ra. Nhà soạn nhạc vĩ đại ấy đã nhận tiền giúp đỡ của một người phụ nữ chưa từng biết mặt. Nhưng tôi đã khước từ sự giúp đỡ và điều đó đã làm cô bạn gái phải phiền lòng.

Những bức thư ngày một thưa dần. Sau đó, trước khi lên đường ra nước ngoài, người con gái không quen biết và tốt bụng ấy đã yêu cầu tôi trả lại tất cả những bức thư của cô. Tôi từ chối và có phần nào nguội lạnh đi, nhưng tôi không thể từ chối đề nghị của cô. Nước mắt lưng tròng, tôi lục lại những chiếc phong bì màu tím còn thoang thoảng mùi nước hoa hảo hạng mà trong đó đã chứa đựng tình yêu và niềm hạnh phúc của tôi. Tôi nhớ lại câu thơ của Pu-skin: « *Vĩnh biệt nhé, lá thư tình yêu! Vĩnh biệt nhé: bởi nàng ra lệnh...* »

Tôi cố hít hương vị của những bức thư và nhớ mãi nét chữ con gái tuyệt đẹp ấy. Tất cả có

(1) Một nhạc sĩ Nga nổi tiếng.

mười hai lá thư. Chỉ có mười hai lá, nhưng tôi vẫn nghĩ là có hàng trăm. Tôi tự tay làm một chiếc phong bì to và mang ra bưu điện. Hoa tử đinh hương đã quá kỳ nở rộ. Tôi cảm thấy có cái gì trống trải, nhưng tôi không than phiền cho số phận, vì chính tôi đã khước từ hạnh phúc.

— Thế còn những bức thư của bác thì sao ?

— Cô ấy không muốn trả lại những bức thư của tôi.

...Tôi trở về nhà với bó hoa tử đinh hương rất to, chính tay Côn-xtan-tin E-đu-a-đô-vich đã ngắt cho tôi ở trong vườn của ông. Tôi vẫn còn bị quyến rũ bởi câu chuyện vừa nghe kể và có phần hơi ghen tị với con người hạnh phúc nào đó được may mắn phát hiện ra tập thư của Xi-ôn-cốp-xki và được đọc những dòng chữ sinh động về hoa tử đinh hương đang nở, về mối tình đầu và về chiến công vì lợi ích của nhân loại.

TRƯỜNG HỌC BÊN GỐC DU

— Không hiểu sao tôi lại nhớ đến đời Chim sẻ, — Xi-ôn-cốp-xki mỉm cười. — Tại sao? Thật khó mà giải thích. Có thể, bởi vì tôi nhìn thấy cuốn sách của Ghéc-xen. Người Nga nào mà lại không nhớ lời thề của Ghéc-xen và Ô-ga-rép trên đời Chim sẻ! Sống ở Mát-xcơ-va ít khi tôi tới đó. Còn người Mát-xcơ-va thì rất mê khu đời đó. Vào những

ngày lễ, nhiều gia đình mang theo thức ăn treo lên đó chơi suốt ngày. Những người chưa có gia đình thì lại càng muốn kéo nhau đến đó.

Ở đây tôi đã làm quen với một thanh niên là An-đriu-sa Ca-xát-kin. Anh ấy cùng trạc tôi, nghĩa là mười bảy tuổi, nhưng đã từng trải như một người lớn. Anh hỏi tôi :

— Anh kiếm sống bằng cách nào ?

Thậm chí tôi hơi lúng túng. Thật vậy, tôi không biết tôi đang chuẩn bị làm nghề gì ? Không lẽ, sẽ ăn bám bố suốt đời sao ? Tôi thấy An-đriu-sa mỉm cười nhìn tôi. Tôi cảm thấy hoàn toàn lúng túng. Nếu như không bị điếc, chắc tôi đã chọn cho mình một nghề từ lâu rồi, nhưng anh bảo một người điếc thì biết làm gì bây giờ ?

An-đriu-sa bắt đầu nói về Mát-xcơ-va một cách triu mến. Câu chuyện về đường phố Ni-côn-xki. Tôi đã đi lại đường phố này hàng trăm lần, nhưng chẳng biết tí gì cả, chỉ ra đó là một đường phố lịch sử. Không có nó, thật khó có thể hình dung được nền giáo dục ở nước Nga. Nghề in đã được sinh ra ở đường phố này. Ở đó I-van Phê-đò-rốp, người thợ sắp chữ đầu tiên của nước ta thời I-van bạo chúa đã lập ra khu nhà in và in cuốn « A-pô-xtôn » đầu tiên. Suốt một năm ròng chuẩn bị cho một cuốn sách. Trên đường phố Ni-côn-xki đã xây dựng trường cao đẳng đầu tiên của nước Nga — Viện tiếng Slơ-ve, Hy Lạp và La-tinh. Lò-mô-nô-xốp cũng đi học ở đó. Cũng trên đường phố nhỏ bé này đã xuất hiện hiệu sách đầu tiên và thư viện công cộng đầu tiên. Trường đại học Tổng

hợp đầu tiên của nước ta sau này đã chuyển sang phố Mò-khò-vai-a, nhưng ngày khai giảng đầu tiên cũng diễn ra tại đường phố Ni-côn-xki này.

Xi-ôn-cốp-xki mỉm cười :

— Ô, có lẽ tôi đi lạc đề rồi đấy. Tôi đang nói về nghề nghiệp cơ mà. Tôi đã thu nhận với An-driu-sa là tôi vẫn chưa chọn một nghề nghiệp hay công việc nào cả. Hiện nay tôi còn sống bằng tiền của bố mẹ, còn sau này sẽ ra sao thì «trời mà biết được».

Tôi hỏi người bạn mới về đường đời của anh. Anh ấy không giấu giếm :

— Tôi muốn trở thành một thầy giáo.

Và anh nhiệt tình nói về trường học. Hồi đó tôi rất mê Pi-xa-rép (1) mà Ca-xát-kin thì lại trình bày những tư tưởng của ông. Nhưng ở Pi-xa-rép là sự tố cáo giận hờn, nổi đau lòng về sự tối tăm của dân ta, còn ở Ca-xát-kin là lòng bác ái và sự quên mình.

— Tôi sẽ thi. — Anh ấy nói, — Để nhận bằng giáo viên, tôi sẽ chọn một trường nghèo và sẽ dạy ở đó. Sức khỏe chẳng thể vay mượn được, kiến thức tôi sẽ tích lũy. Tôi muốn xây dựng một phương pháp để trẻ nhỏ không phải học vỡ lòng dưới sức ép của roi vọt, mà tự chúng nó cảm thấy thèm muốn làm việc đó.

Cho đến nay tôi vẫn muốn cảm ơn con người tốt bụng ấy. Anh ấy đã bắt tôi phải nghĩ : ăn bám như vậy đủ lắm rồi ! Tôi đã ướm thử trên mình

(1) Pi-xa-rép (1840-1886) — một nhà cách mạng dân chủ và nhà phê bình văn học Nga nổi tiếng.

dù loại quần áo — tôi đã tưởng tượng mình là một người coi rừng, người đưa thư, người thư y, người thợ mộc và người cày ruộng. Tôi không khước từ một loại công việc vất vả nào, thậm chí sẵn sàng làm nghề thông ống khói. Chỉ có nghề linh mục, cảnh sát và lái buôn là tôi không hình dung nổi, còn hầu như các nghề khác tôi đều cần nhắc tới cả. Thật tình mà nói, không có nghề gì hay hơn nghề dạy học. Tất nhiên tôi không vứt bỏ khoa học — toán cao cấp và vật lý — nhưng đã bắt đầu đọc thêm những sách về sư phạm. Và tôi đi đến kết luận rằng, đối với một giáo viên, điều tệ hại nhất là sự nghiêm khắc và cái cần nhất là tình thương yêu.

Tôi ngạc nhiên hỏi :

— Làm sao có thể thiếu được sự nghiêm khắc trong nhà trường được ?

— Sư phạm không chỉ là một khoa học mà còn là một nghệ thuật. Cần khêu gợi cho học sinh, nhóm lên trong lòng chúng những ngọn lửa nhỏ và nên biến việc học hành thành những trò chơi thú vị. Ca-xát-kin đã nói với tôi điều đó ở đồi Chim sẻ, sau này chính tôi cũng nghĩ như vậy và thậm chí tôi đã thử nghiệm.

— Ở Mát-xcơ-va a ?

— Vâng, vào những năm còn trẻ ở Mát-xcơ-va. Ngoài những thí nghiệm vật lý và hóa học ra, tôi đã tiến hành cả những thí nghiệm về sư phạm nữa.

Xi-ôn-cốp-xki nheo mắt như muốn trở lại với quá khứ.

— Trên đường phố Đức, nơi tôi ở hồi đó, có một ngôi nhà cũ, sân mọc đầy cỏ. Ngoài sân có ba cây du. Có một lần, tôi đi qua đó và nghe thấy tiếng kêu đã khản đặc. Nghe nhìn qua cửa vườn, tôi thấy một người đàn bà đang đánh một em bé, làm nó khóc khản cả tiếng. Tôi đến gần và xin :

— Xin bác đừng đánh em nữa, kéo nó phát ốm mất.

— Nó chẳng sao đâu ! Buông ra là bỏ học ngay.

Tuy nói vậy, nhưng dù sao bà cũng đã ngừng đánh. Đứng một lúc rồi bà ta bỏ đi, còn cậu bé tuy lờm tôi, nhưng lộ rõ vẻ tin cậy.

— Tại sao em không thích học ?

Cháu bé thú nhận :

— Thầy giáo chỉ quát tháo, học chẳng hiểu gì cả.

Trong lúc chúng tôi đang nói chuyện thì năm, sáu em bé khác cũng chạy đến và tất cả đều đồng thanh :

— Chúng em không thích học, chán lắm !

Tôi nảy ra ý nghĩ, hay là tôi thử thề nghiệm phương pháp của mình xem sao. Thì ra, quá nửa số chữ cái chúng còn chưa thuộc. Tôi móc túi lấy một quả bóp bằng cao su và bảo các em kiểm cho một ít nước. Chúng đem đến một xô nước đầy.

— Lốp học dưới cây du, bắt đầu. Các em ngồi xuống cạnh tôi và làm theo tôi nhé !

Tất cả đều ngồi xuống như gà đậu trên giàn và quan sát. Tôi tưới nước vào đầu chúng. Chúng cúi đầu và khúc khích cười. Bọn trẻ rất thú vị có

một người lớn đang đùa với chúng. Tôi tưới nước gần tai chúng. Bọn trẻ hỏi

— Đề làm gì ạ?

— Đề nghe được rõ hơn.

Tôi bóp nước vào mõm.

— Thế còn trò này?

— Đề ném tốt hơn.

Tôi chia tay cắt tia nước, và chúng lại hỏi:

— Đề làm gì ạ?

— Đề sờ mó tốt hơn.

Trò chơi vẫn tiếp tục. Nheo mắt, nhưng tôi bóp nước vào lỗ mũi. Bọn trẻ cười rộ lên. Một đứa kêu lên:

— Đề ngửi tốt hơn!

Tôi đồng ý:

— Đúng rồi!

Trò chơi có vẻ như nghèo nàn, nhưng tôi cảm thấy bọn trẻ đã thuộc về tôi. Đối với chúng, tôi không phải là một ông giáo hay cầu nhàu mà là một người bạn chơi. Chúng chờ đợi. Tôi bắt đầu tấn công. Tôi nhặt một hòn đá, và đặt cách xa ba bước. Lấy nước vào quả bóp, tôi cố gắng lái tia nước tới chỗ viên đá, nhưng không trúng. Tôi đưa quả bóp cho một cậu bé. Mắt em sáng lên và thích thú. Nheo mắt ngắm, em bắn ra một tia nước, nhưng cũng không trúng. Tôi chuyền cho em thứ hai, thứ ba và tất cả, nhưng chẳng ai trúng đích. Và khi chúng đã run lên vì thú vị, tôi liền gợi ý.

— Ai có thể dùng quả bóp này viết được chữ « A ».

Tất cả đều muốn thử. Tôi đưa quả bóp cho một đứa. Em bé viết những chữ nguệch ngoạc, chẳng rõ chữ gì cả. Đứa nào cũng thử, nhưng chẳng đứa nào viết được thành chữ. Còn tôi thì ngồi im và làm như vô tình chọn những chữ bắt đầu bằng « A » như A-rập, An-ghê-bra, (1), Ác-ca-xi-a (2) Ang-gli-a (3) . . .

Một đứa hỏi :

— Ang-gli-a là gì ạ ?

Tôi giải thích :

— Miền đất mà chúng ta đang sống gọi là nước Nga, còn phía bờ biển bên kia có những người Anh ở. Nước đó gọi là Ang-gli-a.

Và tôi gợi ý các em tìm những tên người có chữ đầu là « A ». Thoạt đầu chúng còn rụt rè :

— A-léc-xan-đơ.

— A-na-tô-li.

Sau đó có phần sôi nổi hơn. Đủ loại tên bật ra hầu như cùng một lúc :

— An-típ... A-phe-na-xi... Ác-gây... An-tôn...

Tôi chuẩn bị đi, nhưng chúng níu lại và hỏi khi nào tôi sẽ đến với chúng. Tôi hứa vào giờ này hôm sau sẽ trở lại.

Ngày hôm sau, một chục em học trò nhỏ đang nóng lòng chờ tôi dưới những gốc cây du. Tôi không lặp lại thủ thuật cũ. Tôi mang theo từ nhà những mảnh giấy vẽ hình chữ cái. Tôi chia cho mỗi câu bé một chữ. Tất cả chỉ biết có tám chữ,

(1) An-ghê-bra, có nghĩa là « đại số ».

(2) Ác-ca-xi-a, có nghĩa là « cây keo ».

(3) Ang-gli-a, có nghĩa là « nước Anh ».



Chúng níu lại và hỏi khi nào tôi sẽ đến...

còn hai chữ chưa biết. Cũng phải vật lộn với mấy chữ mới. Trò chơi đơn giản, nhưng rất nhộn và sinh động. Chúng tôi xếp chữ cái thành nhiều từ khác nhau và tất cả đều đồng thanh đọc. Bọn trẻ buộc phải đổi chỗ luôn. Tất nhiên là lộn xộn, mất trật tự, xô đẩy nhau. Nhưng chuyện đó không đáng kể, cốt là chúng thích thú. Nửa tiếng sau, chúng đọc khá lưu loát, và hai chữ mới chẳng còn khó khăn nữa.

Không để các em được nghỉ, tôi thay đổi trò chơi. Chúng tôi vẽ bản đồ đường phố Đức (1). Trong trường hợp này, học trò biết nhiều hơn thầy. Chúng tranh nhau gọi tên thật, tên lóng các chủ nhà. Chúng tranh cãi với nhau về những hàng rào, chuồng chim, cây cối... Bức bản đồ của chúng tôi rất đặc biệt, có ghi tất cả những công trình xây dựng, tất cả những sinh vật sống ở trong nhà và ngoài sân như chó, gà, chim bạch yến... Chúng la lối, cười đùa ầm ĩ. Có lẽ người ngoài cũng cảm thấy vui lây. Đây là lần đầu tiên bọn trẻ làm quen với bản đồ địa lý, tuy rất đơn giản, thô thiển, nhưng do chính bàn tay chúng tạo ra.

Tôi cũng thử dạy giờ số học đầu tiên. Bài học đã hấp dẫn bọn trẻ. Những bài toán của tôi rất đặc biệt. Trong đó không có những người buôn điên đảo trộn lẫn hai loại chè để lừa người mua. Không có những chuyến tàu đi từ điểm A đến điểm B. Chúng tôi làm đơn giản thôi, không «A» và «B» mà là cây du, là hàng rào, khoảng cách đo bằng bước. Đi ngược chiều nhau

(1) Một đường phố ở Mát-xcơ-va, nơi Xi-ôn-côp-xki đang trọ học.

không phải là những chuyển tàu mà là rùa và thỏ. Bọn trẻ bắt chước loài vật. Anh thử tưởng tượng xem chúng làm như thế nào? Tất nhiên, thỏ thì nhảy, còn rùa thì bò. Tất cả đều giải toán. Đáp số kiểm tra ngay tại chỗ, không phải trên giấy mà đo bằng bước chân. Chúng tôi làm tính cộng, trừ và nhân. Chẳng hạn chúng tôi cộng những quả táo, và mỗi người trong khoảng khắc đã trở thành một quả táo. Bốn quả táo ở dưới cây du thứ nhất, sáu quả ở dưới cây du thứ ba. Tôi vỗ tay. Chúng tôi đếm và xác định tổng số. Một em bé mặc áo bị gãy bản hắc ín. Cả bọn kêu lên:

— Quả táo thôi! Không nên để nó bên cạnh. Nó sẽ làm hỏng những quả khác.

Tiếng cười rộ. Cãi lộn. Tôi cứ để mặc. Tuy chúng có thui nhau mấy quả, nhưng trong một chừng mực nhất định, không đến nỗi sút đầu, mẻ tai.

Phép tính trừ còn thú vị hơn nhiều. Tất cả bọn trẻ đều đứng dưới cây du. Chúng đóng vai các nghệ sĩ đến làm thuê cho một rạp hát. Còn tôi là chủ rạp. Trong số mười người cần phải chọn lấy năm. Công việc của tôi là lựa chọn những nghệ sĩ có tài. Tôi rất thú vị làm việc đó. Thực chất đây là một kỳ thi nhỏ. Tôi nói với chúng.

— Tôi chỉ thuê những người đọc thơ hay và có tình cảm.

Biết bao hồi hộp, hy vọng và cố gắng. Dường như chúng sắp biểu diễn trên sân khấu thật. Chúng đọc cả những bài thơ mà tôi đã biết và chưa biết. Chúng đọc khá tồi, nhưng tôi đều mỉm

cười và chọn những đứa khá hơn. Mười trừ năm còn năm. Những đứa được chọn thì mừng rỡ. Những đứa còn lại thì hơi xiu mặt một chút. Nhưng tôi đã lại ra một đề toán tiếp theo.

Đã đến lúc tôi phải đi, nhưng bọn trẻ niu áo giữ lại. Cuối cùng chúng tôi đã hen ước rằng ngày mai tôi sẽ đến. Chúng vây lấy tôi và tiễn đưa một đoàn. Mắt chúng sáng lên.

Tôi dạy xen kẽ tập đánh vần với số học, địa lý. Anh đừng cười! Chúng tôi học thuộc lòng «Mây đen bao phủ bầu trời» của Pu-skin, «Cánh bướm» của Léc-man-lốp, «Tôi yêu con dòng đầu tháng năm» của Chút-chép. Chúng học hơi khó khăn, nhưng tôi tin rằng những bài thơ đó chúng sẽ nhớ suốt đời.

Thậm chí tôi còn dạy những khái niệm ban đầu về thiên văn học cho những cậu bé của tôi. Tôi chọn cái sân làm bầu trời. Một đứa làm mặt trời, đứa khác — mặt trăng, đứa thứ ba — sao Hỏa. Tóm lại, tôi đã có một hệ thống mặt trời bằng người.

Theo lệnh của tôi, chúng chuyển động xung quanh trục của mình và đi theo những quỹ đạo nhất định. Sau đó tôi kiểm tra. bọn trẻ chân đất đã hiểu được những điều cơ bản.

Tôi chẳng muốn bắt anh nghe thêm những ví dụ khác. Thiết nghĩ rằng anh đã nắm được phương pháp của tôi. Tôi cũng có những giáo cụ trực quan: quả địa cầu tự làm, bằng linh bằng gỗ, địa bàn...

... Trị tưởng tượng đã đưa tôi trở lại với thành phố Mát-xcơ-va những năm bảy mươi của

thế kỷ trước. Tôi đang nhìn thấy một chàng thanh niên tóc dài, đeo kính cận, và những em bé đầu bù tóc rối đang quây quần quanh thầy giáo của mình. Và tôi rất muốn được bắt tay con người mà trong bất kỳ việc gì cũng thể hiện được tâm hồn sống của mình và đã ánh lên tài năng của một nhà sáng tạo.

THI CỬ

— Tôi trở thành giáo viên như thế nào ư? — Xi-ôn-cốp-xki hỏi lại — Câu chuyện khá dài dòng.

— Tôi không voi, xin bác cứ kể, càng dài lại càng hay.

— Tôi có thể tự khoe là sau khi từ Mát-xcơ-va về Vi-át-ca, tôi đã nổi tiếng là một gia sư giỏi. Theo lời của một bạn học trò Vi-át-ca thì, tôi hơn hẳn các giáo viên dạy toán có bằng cấp. Tôi cho sự thành công đó là nhờ cách tiếp cận với học trò. Căn cứ vào cá tính và khả năng của từng em, tôi có cách dạy riêng. Đại khái tôi thường bắt đầu bằng câu nói như thế này: « Chẳng có gì khó cả, chỉ cần chú ý một chút, cố gắng một tí thì mọi việc sẽ ổn cả! »

Cách dạy của tôi thường rất thoải mái, vừa dạy vừa đùa. Những bài toán khó, hắc húa đối với chúng, tôi thường biến thành những câu đố. Còn

các định lý thì tôi gọi là những « hạt dẻ ». Tôi thường bảo :

— Nào, chúng ta thử xoi hạt dẻ này nhé !

Tôi thấy đứa bé nhe bộ răng trắng giống như sắp cắn vỡ lớp vỏ ngoài để nhả lấy nhân hạt dẻ vậy.

Tôi có khá nhiều học trò và tôi không nhớ có một em nào thi mà trượt cả. Đặc biệt tôi còn nhớ một cậu bé tên là Xa-sa. Bố mẹ em làm nghề buôn bán nhưng em lại rất dốt toán. Dốt đến mức mỗi khi nhìn thấy những con số là cậu bé co dúm lại. Biết làm thế nào với nó bây giờ ? Tôi buộc phải bịa ra là hồi bé tôi cũng rất sợ môn toán. Tôi kể cho em nghe ba, bốn mẩu chuyện buồn cười, tất nhiên là do tôi đặt ra. Xa-xa cười và không còn sợ sệt nữa. Anh có biết nó thích cái gì không ? Thích những bài toán mẹo. Tôi biết một số bài toán mẹo thông thường. Tôi dạy Xa-sa cách giải. Về nhà, trước mặt bố mẹ và khách khứa cậu bé « trở tài » giải toán của mình. Và nó được mọi người khen là đứa trẻ nhanh trí. Cứ thế Xa-sa quen dần và ngày hôm sau lại đòi tôi cho những bài toán mẹo mới. Tôi nghĩ ra một số câu đố. Cậu bé bắt đầu say và tự mình tìm cách giải. Chưa đầy ba tháng, từ một cậu bé chuyên môn nuôi « ngỗng » đã trở thành một học trò khá. Bố mẹ cậu bé đem chuyện đó kể khắp thành phố. Thật là một sự quảng cáo ! Tôi sống ở Vi-át-ca đang thuận lợi thì vừa lúc bố tôi về hưu. Ông không còn ước mơ tậu được một ngôi nhà và mảnh vườn riêng nữa. Ông muốn trở lại Ri-a-dan. Tôi thì không muốn xa Vi-át-ca, nhưng biết làm sao được. Bố tôi bảo :

— Ri-a-dan giàu có hơn Vi-át-ca, ở đó con sẽ không phải dạy cho những kẻ lười biếng. Con sẽ dạy học với tâm hồn thanh thản hơn.

Việc chuẩn bị không phiền phức lắm. Chúng tôi cùng nhau ra nghĩa địa viếng mộ mẹ tôi và I-gơ-na-sa, bán những đồ dùng để lại và chúng tôi lên tàu. Chúng tôi đi bằng đường thủy. Thoạt đầu dọc theo sông Vi-át-ca, sau đó là sông Ca-ma, rồi Von-ga và cuối cùng là sông Ô-ca. Anh thử hình dung xem ?

Tôi dễ dàng tưởng tượng ra chàng thanh niên Xi-ôn-cốp-xki hai mươi tuổi, không râu, gầy gò, đeo kính cận. Chàng trai đứng trên boong tàu ngắm chiều nhìn đôi bờ sông từ từ trôi. Những cánh chân vịt uể oải, dường như miễn cưỡng chuyển động dưới mặt nước. Những cánh hải âu nhào lộn sau buồm lái. Từ phía đồng nội phẳng phất mùi cỏ khô quen thuộc. Một làng nhỏ. Những ngôi nhà gỗ màu xám sẫm gần như đen. Bao quanh làng là những cánh đồng đã gặt chỉ còn trơ gốc rạ. Xa xa hiện lên những cánh rừng xanh thẫm. Có lúc lại ánh lên màu bạc của mặt hồ, những dòng kênh và trên đó là đập nước, hồ chứa và cối xay nước. Tiếng còi tàu khàn khàn bỗng vang lên. Đến bến chẳng? Không phải. Con tàu sắp đuổi kịp những chiếc bè và báo hiệu cho những người trên bè hãy cẩn thận kéo xô vào nhau bây giờ ! Những chiếc bè nối đuôi nhau dài hàng cây số. Những người thả bè đen sạm vì nắng vầy quanh xoong cá giấm đang bốc hơi nghi ngút. Trên bè là cái chòi nhỏ. Chiếc tàu lách qua chiếc bè gỗ. Muội cần dữ quá, Xi-ôn-cốp-xki không chịu nổi liền rời khỏi

boong tàu. Trong phòng tàu, ông bố đang đọc sách, cô em gái ngủ, còn bác Ca-chi-a, theo thói quen, vẫn thoăn thoắt đòi que đan. Còn-xtan-tin mở cuốn sách « Bút ký trong nước », nhưng chẳng tài nào đọc nổi. Đã từ lâu anh mới được đi tàu thủy. Anh trở lại boong tàu, cơn gió nhẹ đã xóa tan bầu muối. Chàng trai để ý tới chuyền động không mệt mỏi của chiếc bánh lái. Thoạt đầu anh nhìn một cách vô tư lự, nhưng bỗng nhiên nó làm anh quan tâm thực sự. Anh chui xuống buồng máy và xem xét chuyền động của động cơ. Quy luật gì ở đây? Có thể áp dụng được quy luật này không? Đã năm năm ròng anh hằng mơ tới chiếc khí cầu vô kim loại có thể lái được. Xi-ôn-cốp-xki hiểu rằng trong bất kỳ việc gì, đầu tiên bao giờ cũng phải có ước mơ, cho dù rất táo bạo và không tưởng; sau đó mới nảy sinh chủ đề phát minh và lúc đó bắt đầu những tính toán, xuất hiện các bản thiết kế, rồi tiếp đến những thí nghiệm, xây dựng mô hình và cuối cùng là thực hiện... Từ lâu anh đã nung nấu ý đồ sáng chế một chiếc khí cầu không lồ bằng thép có thể chở một trăm hoặc hai trăm người. Khí cầu được nạp bằng khí nhẹ và có bộ phận lái, có thể dễ dàng rời khỏi mặt đất và không phải mất hàng tháng, hàng ngày mà chỉ trong vài giờ là có thể đưa những hành khách hạnh phúc đi từ Mát-xcơ-va đến Vla-đi-vô-xtốc hoặc từ Pé-téc-bua đến Ta-sken một cách an toàn và rẻ tiền. Chàng thanh niên không mơ ước hão huyền. Anh biết rõ rằng: đó mới chỉ là ý đồ và trước mắt cần phải có những lập luận toán học chặt chẽ, hàng

ngành bản thiết kế, và hàng trăm mô hình. Nhưng anh tin chắc là mình có thể chế tạo được chiếc khí cầu có điều khiển và không gì có thể làm anh chùn bước.

Trầm ngâm suy nghĩ, Xi-ôn-cốp-xki không biết rằng đã hết những cánh rừng và, một làng nhỏ ven sông đã xuất hiện với ngôi nhà thờ cổ kính, những khu vườn và đàn cừu đang gặm cỏ.

Con tàu ghé vào một bến nhỏ, nhưng đỗ lại không lâu. Những hành khách mới vừa kịp bước lên boong tàu thì hiệu còi đã vang lên. Trong số những hành khách mới lên, Côn-xtan-tin nhìn thấy một cô gái. Cô ta đi một mình. Chọn một chỗ khuất, cô ngồi ngay lên chiếc bao tải đầy căng của mình. Cô ta ăn mặc giản dị, nhưng khá đẹp. Thật tình mà nói, Côn-xtan-tin chưa hề gặp những cô gái như vậy. Cô ta có đôi mắt xanh, to, tóc đuôi sam màu hạt dẻ. Cô gái giống như cây bạch dương Nga hiền hậu nhưng kiêu hãnh. Có lẽ, cô ấy là người có nghị lực. Cô ngắm nhìn dòng nước lững lờ trôi.

Côn-xtan-tin rất muốn bắt chuyện với cô gái, nhưng anh thấy không tiện. Anh chọn một chỗ trên boong tàu để có thể kín đáo ngắm nhìn cô gái. Quả là một người đẹp! Cô ấy là ai nhỉ? Nhìn cách ăn mặc thì là một cô gái nông thôn. Thử tưởng tượng xem! Nàng tiên ấy cầm liềm gặt lúa, chuyền phân ra đồng, mang nước cho bê...

— Ở trên boong tàu, cô gái đẹp ấy chẳng hề nhìn ai cả — Xi-ôn-cốp-xki kể. — Ngắm nhìn cô hơn một giờ tôi mới quyết định bắt chuyện. Đi lại gần hơn, thì tay lên lan can, tôi bỏ kính xuống

lau, rồi lại đeo lên. Tôi thầm nghĩ: khi nào có ấy ngược nhìn lên, tôi sẽ tìm cách bắt chuyện. Nhưng cô ấy không hề để ý.

Một làng nhỏ xuất hiện. Cần phải quyết định ngay, biết đâu cô ấy chả lên bờ bây giờ?

Tôi hỏi:

— Chị có biết làng này gọi là làng gì không?

Có gái bình tĩnh ngoảnh mặt lại nhìn tôi và lắc đầu. Tôi trở nên lúng túng. Sao, cô ấy nặng tai à? Tôi lặp lại câu hỏi. Cô ấy trả lời bằng một thứ tiếng tôi không hiểu và tủm tỉm cười. Có một bà đứng tuổi ngồi cạnh đó hình như đã theo dõi câu chuyện của chúng tôi. Bà vỗ vai tôi và nói:

— Anh bạn trẻ ơi, cô ấy không biết tiếng Nga đâu. Cô ấy người Moóc-da-vi đấy.

— Nghĩa là cô ấy nói tiếng Moóc-da-vi hở bác?

— Người Moóc-da-vi có hai thứ tiếng. — Bà ta đính chính. — Tiếng Moóc-sa và Éc-di-a. Cô ấy đã trả lời bằng tiếng Éc-di-a đấy.

Tôi xin lỗi và bỏ đi. « Tiếng nói, — tôi tức giận nghĩ — có chức năng làm cho người ta xích lại gần nhau, là công cụ giao tiếp giữa những con người với nhau. Ai ngờ tiếng nói lại trở thành bức tường ngăn cách. Chỉ riêng ở nước Nga đã có hơn một trăm thứ tiếng. Loài người chỉ cần một ngôn ngữ thống nhất và một bộ chữ cái chung... »

Tờ mờ sáng hôm sau, tôi trèo lên boong tàu và đưa mắt tìm người đẹp, nhưng không thấy cô. « Có lẽ cô ấy còn ngủ, tôi thầm nghĩ, chốc nữa sẽ lên boong ». Song cô ấy không xuất hiện nữa.

Và cũng không còn cả người đàn bà đứng tuổi. Người ta nói với tôi là họ đã xuống tàu từ trước lúc bình minh. Thật là tiếc! Sau này tôi không gặp ai đẹp như cô ấy nữa.

Còn điều gì có thể kể với anh được? Chúng tôi đi khá lâu. Đi qua Tri-xtô-pôn, Ca-dan, Ni-gio-ni. Nộp-gô-rốt và cuối cùng chúng tôi cập bến Ri-a-dan khi đã mệt lử. Sau mười năm xa cách, tôi có cảm giác như thành phố nhỏ lại và hơi buồn. Tôi đi thăm những nơi quen thuộc, nhưng không nhận ra nữa. Những khu vườn, ngôi nhà không làm tôi xúc động, vì tôi đã trưởng thành nên cảm giác về Ri-a-dan không còn như trước nữa. Thành phố như bé đi. Ngay cả ngôi nhà thờ Ac-khan-ghen nổi tiếng của thành phố cũng trở nên bé nhỏ. Ước mơ mua một ngôi nhà với mảnh vườn của bố tôi không thành vì không đủ tiền. đành phải thuê một căn phòng của nhà Trúp-ni-cốp ở phố Xa-dô-vai-a.

Hồi đó, tôi đang nghiên ngẫm cuốn « Cơ sở hóa học » của Men-đê-lê-ép. Môn hóa học và thiên văn học rất hấp dẫn tôi.

Những lời tiên đoán của bố tôi về công việc của tôi cũng không được thực hiện. Có thể là Ri-a-dan giàu hơn Vi-át-ca thực và tất nhiên cũng có những người dốt chữ nhưng không hiểu sao họ không tìm đến tôi. Ở thành phố này, tôi đành phải hài lòng với những giờ dạy rẻ mạt. Tôi còn nhớ anh chàng lái buôn ngu xuẩn I-a-sa. Anh chàng lẻo lá ấy cao hơn tôi một cái đầu, nói giọng khàn khàn, nổi tiếng là lười và ngu, nhưng lại biết nhiều mẹo vặt. Mắt mày anh ta tươi tỉnh

hắn lên khi nói đến những từ « thu nhập », « tiền lời », « lợi nhuận ». Anh ta khuyên tôi nên thi lấy bằng sư phạm.

— Tại sao cho đến giờ anh vẫn chưa có văn bằng? — Anh ta tỏ vẻ ngạc nhiên, — Giá như có bằng thì anh kiếm tiền dễ như bỡn, mà anh thì sợ gì thi cử. Như chỗ tôi biết, kiến thức của anh thua gì mấy ông giáo khác.

Tôi chộp ngay lấy ý kiến xác đáng đó. Nhưng đột nhiên ở nước Nga bắt đầu thi hành chế độ quân dịch bắt buộc. Trời ơi! Người ta gọi tôi vào lính. Quả là đã tìm ra được một kẻ bảo vệ ngại vàng mới đáng tin cậy chứ!

Có lần tôi nhìn thấy một gã sĩ quan bé loắt choắt tạt vào mặt một người lính to lớn, đẹp trai vì tội không chào cấp trên. Hắn không vờ mặt người lính, mà phải nháy lên mới tạt được một cái. Đồ vô liêm sỉ! Không chỉ riêng tôi mà tất cả những người chứng kiến đều tức giận, nhưng gã sĩ quan thì thản nhiên như không. Hắn lấy mùi soa lau tay và cất bước. Riêng chuyện đó đã làm tôi phát ốm về quân đội Sa hoàng. Nhưng trốn đi đâu được? Nhận được giấy báo, xin mời anh cạo râu và đến nơi tập trung. Tim mãi mới đến được chỗ tuyển quân. Lần ấy tôi phải nghe biết bao lời giễu cợt và nhạo báng. Đến địa điểm tập trung, tôi mệt thở chẳng ra hơi. Những người ở đó phá lên cười:

— Đi cày, đi cuốc ở đâu về mà khổ sở thế?

Tôi thì chẳng còn lòng nào mà cười. Người ta bắt cởi hết quần áo. Họ đo chiều cao, vòng ngực. Sợ người ta sờ lên trán, tôi khai bị bệnh

điếc. Viên bác sĩ nhìn tôi vẻ hoài nghi, liền cho thỏi vào tai tôi. Cái thủ tục ấy thật khó chịu, nhưng biết làm sao được, đành phải cắn răng mà chịu.

Trong hội đồng tuyển quân, người ta bắt đầu tranh luận với nhau. Một số người thì nói : cho anh chàng điếc ấy tạm hoãn một năm. Người khác thì phủi tay : đồ bỏ đi ! Cuộc tranh cãi đi đến đâu, tôi không nghe được hết, nhưng cuối cùng người ta đã không gọi tôi đi lính.

Không may cho tôi, số lượng người được miễn và tạm hoãn quá đông. Viên tỉnh trưởng nghĩ là có chuyện dễ dãi nên quyết định phải khám lại những người không trúng tuyển và tôi cũng phải đến đó. Tất cả đều lặp lại như cũ, nhưng với sự có mặt của viên tỉnh trưởng.

Ông ta hỏi :

— Anh bị điếc lâu chưa ?

Không có quần áo mà nói chuyện thì gương mặt chết đi được. Tôi không trả lời, hai chân giẫm lên nhau.

Viên tỉnh trưởng quát :

— Tôi hỏi, anh bị điếc lâu chưa ?

— Tôi điếc từ lúc mười tuổi.

— Thế anh sống bằng nghề gì ?

— Dạy học.

— Dạy môn gì ? Dạy chơi phong cầm à ? Hay là dạy múa ? Không, trông anh không có vẻ biết múa...

— Tôi dạy toán.

— T-o-á-n à ? — Viên tỉnh trưởng dẫn giọng hỏi lại và ở đôi mắt không thiện chí của lão ta

lộ rõ vẻ giễu cợt lạnh lùng. —Ồ, lại tìm được một Pi-ta-go thời nay!

Không hiểu sao việc nhắc đến môn toán lại làm lão ta cáu kỉnh. Có thể, lúc đi học lão ta đốt môn này chẳng?

Khi tôi với chiếc quần định mặc thì bỗng nhiên lão ta hỏi một cách nghiêm nghị:

— Thế anh có bằng sư phạm không?

Tôi hoảng quá, e rằng con người độc ác đó sẽ cấm không cho dạy học, bèn quyết định tốt nhất là không nên trả lời gì cả. Cũng chẳng chờ tôi trả lời, viên tỉnh trưởng phẩy tay và người ta tha cho tôi khỏi nghĩa vụ quân dịch. Nhưng khi tôi đi ra, lão ta đi với theo:

— Quả táo chẳng lặn xa khỏi gốc táo đâu!

Tôi hiểu đó là lời ám chỉ tới quan hệ chính trị của bố tôi, người nổi tiếng có quan hệ với những người Ba Lan « nổi loạn ».

Tôi còn hiểu theo một ý khác: không có bằng thì đừng hòng kiếm ăn nữa.

Cần kể thêm với anh về chiếc kính hiển vi. Nhà tôi có một chiếc kính hiển vi cổ. Bây giờ không thể kiếm được loại kính đó. Bố tôi giữ nó rất cẩn thận. Tôi cũng chú ý tới chiếc kính hiển vi, nhưng không chỉ nhìn bề ngoài mà còn tìm hiểu cả cấu tạo của nó. Có khi tôi tháo tất cả ra, xem từng chi tiết rồi lại lắp lại. Có một lần, bố tôi đi vắng, tôi tháo tung chiếc kính ấy ra, cẩn thận tháo ba chiếc thấu kính để xuống bàn. Mãi nghịch, tôi vô ý làm rớt cả ba cái xuống sàn. Hai cái tôi tìm thấy ngay, còn cái thứ ba không hiểu lặn đi đâu mất. Tuy thiếu một lăng kính nhỏ,

nhưng tôi đành phải lấp lại. Tôi hi vọng sẽ tìm thấy nên không nói gì về chuyện đánh mất với bố tôi, để ông khỏi phiền lòng.

Bố tôi lại cho một người quen mượn. Ông ta giữ mấy ngày rồi trả lại. Bố tôi phát hiện ngay là thiếu một thấu kính vì liền đồ lỗi cho người quen.

— Cửa tốt cho mượn mà thế đấy! Đánh vỡ hay đánh mất chiếc thấu kính khúc đại của người ta mà lại im bắt! Làm hỏng, thế là xong!

Tôi không chịu được lời vu oan ấy liền nói

— Cái thấu kính ấy con đánh mất đấy, bố ạ.
Con sẽ cố tìm.

Thoạt đầu bố tôi đứng ngây ra, nhưng sau đó ông sờ bộ râu bạc và dẫn đôi bảo tôi đi, tao thì tôi, thế là hết nước hết cái...

Tôi nghĩ rằng tất cả những sự rủi ro của mấy tháng cuối đã đè nặng lên tâm hồn ông về hưu, vỡ mộng về việc mua nhà riêng, việc làm khó khăn. Thoạt đầu tôi im lặng, nhưng sau không chịu nổi bèn nói. Sao, con người vẫn quý hơn chiếc thấu kính! Lời đối lời, thế là xảy ra cuộc cãi cọ không cần thiết giữa hai cha con. Tôi nhất nhạnh đồ dùng và bỏ nhà ra đi.

Tôi có một người quen làm nghề bán giấy tên là Sáp-kin. Ông ta gốc người Ba Lan, hết hạn đầy ở Xi-bia, ông về ở Ri-a-dan. Tôi thuê một căn phòng ở nhà ông ta. Vài ngày sau, tôi đã làm lành với bố tôi, nhưng tôi vẫn ở lại nhà Sáp-kin.

Tôi nhờ Sáp-kin tìm cho tôi một công việc mới. Tôi cũng hỏi ý kiến ông ta về việc thi lấy

bằng sự phạm. Tôi vẫn còn lo ngại về câu hỏi hóm trước của lão tinh trưởng.

Là người từng trải, Sáp-kin đưa ra một ý hay :

— Viên tinh trưởng có thể sẽ quên cả anh và câu hỏi của lão, nhưng bọn tay chân của lão thì chúng nhớ tất cả đấy. Cho nên tốt nhất anh nên kiểm lấy cái bằng.

Sáp-kin kiểm cho tôi bản chương trình và tôi bắt đầu chuẩn bị.

— Anh còn chuẩn bị gì nữa ?

— Bác đừng nói vậy. Bác quên môn thần học rồi sao ? Môn đó vẫn được coi là môn chính. Hồng môn đó thì đừng, hồng người ta cho thi những môn khác.

Tôi tìm được cuốn tóm tắt về đạo Thiên chúa giáo của Phi-la-rét và tuy rất tiếc thời gian, nhưng đành phải học thuộc cái trò vô nghĩa ấy và như người ta vẫn thường nói học đến mù người. Thật là khổ khổ !

Hôm thi, tôi dậy từ sớm, mặc chiếc áo vá màu xám đi đến trường. Ri-a-dan vẫn tự hào về trường trung học đầu tiên của mình. Giống như tại trường trung học Xa-rơ-xcô-xen-xki, Đéc-gia-vin đã từng nghe thơ của chàng trai Pu-skin, ở trường trung học Ri-a-dan này, tại hội trường lớn, Giu-cốp-xki cũng đã lắng nghe thơ của cậu học trò Pô-lôn-xki và làm bầm cầu nguyện cho cậu thành đạt trên con đường thơ văn. Đó là một ngôi nhà hai tầng với những hàng cột đồ sộ và mặt trước khá đẹp. Tôi đến đó vừa lo vừa hoảng. Đến nơi, tôi nhìn thấy một ông già gác công tóc



Bệ vệ như một ngài bộ trưởng.

hoa râm, bệ vệ như một ngài bộ trưởng. Tôi kính cẩn đứng lại. Ông ta hỏi :

— Anh cần gì ?

— Tôi đến dự thi. Hội đồng giám khảo đã nhận thi chưa a ?

Ngắm nhìn chiếc áo rách của tôi, ông già bắt đầu nhạo báng :

— Toàn hội đồng đứng đầu là ngài giám đốc đã tề tựu từ lâu, chờ mãi không biết khi nào thì anh mới chiếu cố đến cho.

Tôi đỏ mặt và lánh sang một bên. Gần hai giờ sau, hội đồng họp lại. Cuộc thi bắt đầu bằng môn thần học.

— Lòng tin là gì?—Viên giám mục tóc dài đến vai mặc áo choàng màu tím thẫm nghiêm nét mặt hỏi.

Có lẽ mặt tôi tái đi nhanh quá nên mắt ông giám đốc thoát đầu còn tỏ ra ngạc nhiên, nhưng sau thi lộ rõ vẻ hoảng sợ. Ông ta vội vã đứng dậy, đỡ tay tôi và đặt ngồi xuống chiếc ghế dài cạnh đó.

Tôi biết đoạn sách của Phi-la-rét nói về điều đó nhưng như có cái gì chặn lên cổ, không tài nào thốt được một lời.

Viên giám mục nâng bàn tay mồm mồm sửa lại cây thánh giá đeo trước ngực. Ba phút sau, tôi hỏi tỉnh lại và đọc một hơi liền mấy trang sách nói về « lòng tin ». Viên giám mục tỏ vẻ hài lòng ngồi vuốt râu và tôi cũng cảm thấy nhẹ hẳn người.

Môn khó nhất là thi viết. Thời gian kéo dài một tiếng rưỡi đồng hồ và ông giám đốc là người đại diện duy nhất của hội đồng giám khảo ngồi ở

đấy. Qua khoe mắt viên giám đốc, tôi đọc được sự thông cảm và một phần nào sự lo ngại không biết tôi có làm được bài không.

— Anh đừng vội—Ông ta động viên tôi.—Một tiếng rưởi đồng hồ rộng rãi chán. Đầu tiên hãy viết nháp, sau đó chép lại.

Tất cả đều yên lành. Hai mươi chín phút sau, tôi đi lại chỗ viên giám đốc ngồi.

— Không ra à?— Ông ta lo lắng hỏi. Và lần này thì tôi hoàn toàn tin vào lòng tốt của ông ta.

— Tôi làm xong rồi a!

— Đây là giấy nháp à?

— Không, bản chép sạch.

— Anh viết xong nhanh quá nhỉ!

Ông ta cầm lấy bài thi và kiểm tra lại. Mặt ông ta càng ngày càng tươi hẳn lên. Có lẽ, ông ta mừng vì tôi đã làm đúng.

Các môn thi khác đều trượt lọt cả. Sau đó tôi giảng thử một tiết ở một lớp học không có học trò. Người giáo viên dạy toán dự giờ cũng rất hài lòng.

Ba ngày sau, tôi nhận được bằng. Trở về nhà, tôi sung sướng vô cùng. Cứ nghĩ mà xem! Trong túi tôi đã có tấm bằng sư phạm.

Bố tôi nóng lòng chờ đợi. Chúng tôi hôn nhau và cũng giống như đời còn bé, tôi lại cảm thấy hơi ấm ở bộ râu dày của người.

— Con cứ lắm!

Sau đó không hiểu sao bố tôi kéo tôi ra cửa và trong lúc tranh tối tranh sáng, ông gửi vào tay tôi một tờ giấy. Đó là tờ hai mươi lăm rúp.

Ông giải thích :

— Để con may quần áo và những thứ khác.

Bỗng nhiên tôi cảm thấy hơi buồn buồn và muốn đi khỏi nhà ngay... Tôi hiểu · tôi đang thiếu một người mẹ. Bà không còn sống được đến ngày vui của tôi.

CHÓ · SÓI

Mùa đông ở nông thôn thật là tuyệt !

Còn-xtan-tin E-đu-a-đô-vích khẽ cúi xuống, bõc một nắm tuyết, nắm lại thành một cục to bằng quả trứng và ném như một đũa trẻ. Chúng tôi dạo bước trên con đường vắng người. Trời đã sấm sầm tối. Những ngôi sao đầu tiên đã xuất hiện.

— Mùa đông ở nông thôn có gì thú nhất ? — Xi-ôn-cốp-xki tự đặt câu hỏi. — Những đám tuyết trắng. Ở đó người ta chỉ dọn tuyết đủ một lối đi. Những ngôi nhà gỗ giống như những chiếc bê mặc bộ áo lông thỏ trắng, chỉ còn lại những ống khói nhô lên. Sáng sáng những ống khói thẳng đứng đưa nhau tỏa khói lên trời. Bao nhiêu nhà là bấy nhiêu ống khói. Tôi nghe nói ở Xi-bia, người ta vẫn nói với nhau : « Làng ấy, làng nọ từng ấy cột khói. » Và tuyết ở nông thôn cũng không giống ở thành phố. Ở đó tất cả là một màu trắng ! Tôi có cảm giác tuyết ở nông thôn

giống như đường kính. Vào những ngày giá lạnh, trời trong, mặt trời chiếu sáng thì mỗi một cánh tuyết chẳng khác gì một hạt kim cương nhỏ.

Tôi còn thích ngắm những lò sưởi. Ngọn lửa sinh động, hơi hả, nhảy nhót từ thanh củi này sang thanh củi khác hết như nó sợ người ta sẽ lấy mất nhiên liệu của nó. Mà hơi đôi bàn tay lạnh công bên lò sưởi thì thú biết mấy. Nếu anh muốn, tôi sẽ kể một câu chuyện mạo hiểm để anh nghe.

— Có chứ ạ !

— Mùa đông năm 1879, tôi sống ở một vùng nông thôn, trong khu nhà của một địa chủ bậc trung. Tôi dạy bọn trẻ học chữ. Mấy đứa trẻ rất hiếu động và sáng dạ. Dạy chúng học thật thoải mái. Chẳng lớn học chữ cái khá nhanh, chỉ có một tội là hay gọi dấu cứng (1) là dấu « rắn ». Lý lẽ của trẻ con là : nếu đã có dấu mềm thì dấu kia phải là dấu « rắn ». Cậu bé luôn quấy rầy tôi :

— Tại sao ở cuối từ người ta lại viết thêm chữ « r » ?

Tôi thành thật trả lời cậu bé :

— Đây là một sự ngu xuẩn.

Không kìm được, tôi liền phê phán toàn bộ hệ thống ngữ pháp hồi đó. Anh có biết nhà cải cách trẻ tuổi ấy đã sáng tạo ra cái gì không ? Mỗi khi viết chữ « r » bao giờ cậu bé cũng ghi thêm ở ngoài lề : « Tôi biết đây là sự ngu xuẩn. »

Xi-ôn-cốp-xki phá lên cười :

— Ô, mà có lẽ tôi đã đi hơi lạc đề rồi đấy. Khi đó tôi mới ngoài hai mươi một chút. Tôi rất

(1) Trong chữ cái Nga có dấu cứng, dấu mềm.

thích môn thiên văn. Lúc đó, tôi đã cho rằng và bây giờ vẫn quan niệm rằng: không chỉ trái đất mà toàn bộ vũ trụ đều là sở hữu của con người. Một năm trước, ở Ri-a-dan tôi đã đóng một quyển vở và bắt đầu ghi những số liệu về các hành tinh, sức hút, khối lượng, thời gian chuyển động xung quanh trục của nó, khối lượng các thiên thể. Từ hồi đó, tôi đã tập suy nghĩ theo kiểu vũ trụ. Những con số với hai mươi lăm số không không làm tôi ngạc nhiên và cũng không làm tôi hoảng sợ. Không phải là một khái niệm trừu tượng, mà là sự xác định một đại lượng vật chất nào đó tồn tại khách quan, chẳng hạn như khối lượng của một thiên thể.

Tôi đã hình dung khá rõ nét về hệ mặt trời của chúng ta và có thể so sánh một cách dễ dàng các hành tinh với các vật quen biết trên trái đất.

Nếu như chúng ta coi trái đất như một hạt đậu thì mặt trời là một quả dưa hấu khổng lồ, mặt trăng là hạt đậu lọt dưới sàng, sao Mộc to hơn quả táo một chút, sao Thổ xấp xỉ bằng quả táo và có một vành đai mỏng bao quanh, nhưng không chạm tới quả táo. Sao Thiên vương và Hải vương là hai quả anh đào, còn các hành tinh nhỏ thì giống như những hạt bụi, hạt cát.

Hai cuốn sách gối đầu giường của tôi lúc đó là « Cơ sở hóa học » của Men-đê-lê-ép và « Những cơ sở toán học của triết học tự nhiên » của Newton. Tôi cẩn thận vẽ quỹ đạo của các hành tinh và sơ đồ của toàn bộ hệ mặt trời. Tôi còn giữ lại được cả bút tích ghi nhận tôi đã vẽ các sơ đồ thiên văn từ khi nào. Trên một bản vẽ có ghi:

« Ri-a-dan, chủ nhật mồng 8 tháng 7 năm 1878.
Từ hôm nay, tôi bắt đầu lập các bản vẽ thiên
văn ».

Tôi chú ý nhiều tới khoảng không giữa các
hành tinh, tới thế giới không chịu ảnh hưởng của
sức hút quả đất. Tuy tôi chưa bắt tay vào việc giải
quyết về mặt kỹ thuật của vấn đề xâm nhập vào
khoảng không gian giữa các hành tinh, nhưng tôi
đã tin tưởng vững chắc rằng, ước mơ nhiều thế
kỷ nay của loài người không phải là vô nghĩa, mà
là một vấn đề có thể giải quyết được và tất cả
suy nghĩ của tôi đều tập trung vào vấn đề đó.

Đối với tôi, vũ trụ là một cơ thể sống. Tất cả
mọi vật chất cấu tạo nên các thiên thể cũng chính là
những vật chất của trái đất. Tôi lập luận: nếu trong
cái vườn rộng vô biên của vũ trụ có một cây táo
đầy quả ngọt, thì chẳng lẽ tất cả những thứ khác
đều là cây có hay sao? Không thể như thế được.
Sự sống tràn ngập vũ trụ bao la. Sự sống đó vô
cùng đa dạng, trong đó bao gồm tất cả những
điều kỳ diệu. Có thể nhìn thấy tất cả các giai đoạn
phát triển các sinh vật sống trên các hành tinh.
Mấy nghìn năm trước đây loài người như thế
nào và sau hàng triệu năm sau sẽ ra sao, tất cả
những điều đó có thể tìm thấy trong thế giới các
hành tinh. Có tất cả những điều kỳ diệu mà chúng
ta run sợ trông chờ, nhưng do khoảng cách quá
xa và khả năng hạn chế của kính viễn vọng nên
ta chưa nhìn thấy được đó thôi.

Nghĩ như vậy và tôi cho rằng: loài người đã
đứng trước ngưỡng cửa của vũ trụ, cho nên tôi
càng chú ý hơn tới vấn đề tăng trọng lượng.

Tôi hiểu rằng : đi vào khoảng không giữa các hành tinh sẽ kéo theo hiện tượng tăng trọng lượng tác động lên cơ thể con người.

Không chỉ dừng ở mức tư duy và tính toán, tôi đã bắt đầu tiến hành thực nghiệm. Tôi thiết kế một máy ly tâm đơn giản và bắt đầu thử tác động của tăng trọng lượng tới sinh vật sống. Tôi bắt một ít gián cho vào thiết bị ly tâm và nâng trọng lượng của chúng lên ba trăm lần. Như vậy những con gián ấy nặng hơn mười lăm lần so với những con gián đúc bằng vàng. Có thể nâng trọng lượng của gà con lên mười lần. Tôi đã tiến hành thí nghiệm cho tới khi hiểu được bản chất của hiện tượng đó.

Cả một thế giới hấp dẫn đã mở ra trước mắt tôi. Anh thử tưởng tượng một cái bát tròn to, đường kính hai mươi mét và quay tròn như một chiếc bát sứ khi người thợ gốm đang nặn. Chúng ta bước lên chiếc bát đó và mang theo một chiếc cân lò xo. Khi chúng ta đứng ở đây, gần tâm quay thì mức cân chỉ số 10. Nhưng khi chúng ta đứng xa tâm thì thấy cân chỉ có vẻ không chính xác. Chúng ta càng đi xa tâm quay thì cân càng chỉ sai. Tùy theo vị trí chỗ đứng so với tâm, mức cân chỉ 10,5 ; 11 ; 12 ; 13 ; 14 phun-tơ (1), đồng thời chúng ta cảm thấy hình như khó cử động, mọi thứ đều nặng trĩu, chân, tay, đầu giống như đúc bằng chì, tim đập mạnh. Chúng nào chiếc bát còn quay đều thì hiện tượng quan sát thấy hầu như không thay đổi. Tôi đã diễn tập điều mà các nhà du hành vũ trụ sẽ phải chịu đựng.

(1) Đơn vị đo lường của Nga, bằng 409 gam.

Những bản vẽ đã xuất hiện trong cuốn sách của tôi. Chẳng hạn có một hình vẽ viễn tưởng như thế này : trái đất có một kênh đào xuyên qua tâm. Tôi đã tính rằng : một quả tạ rơi theo kênh xuyên tâm thì sẽ đạt tới tâm sau hai mươi phút và trọng lượng tương đối ở tâm sẽ biến mất.

Hay là một hình khác, tôi đã vẽ một cái tháp giống hình một ống chỉ lớn. Tháp treo lơ lửng trên hành tinh và không bị rơi xuống do có lực ly tâm.

Thôi, có lẽ chúng ta trở lại cảnh mùa đông năm ấy vậy. Thời gian rảnh rỗi khá nhiều, nên tôi rất thích đi dạo. Những cơn rét không làm tôi sợ hãi. Tôi đã có bàn tô và lại mới mua thêm chiếc áo ngắn lông cừu, tôi mặc thêm trọng áo bàn tô cho ấm. Còn chân tôi thì đã có đôi ủng da khá ấm.

Tất nhiên là tự đối mình, nhưng anh có biết không, đứng trên một con đường quê phủ tuyết nhìn lên bầu trời anh sẽ có cảm giác là các chòm sao ở rất gần ta. Cúi cần giờ cao đôi tay đeo găng là có thể với tới một vì sao nào đó. Mùa đông ấy, tôi dạo chơi khá nhiều, cả ban ngày và dưới trời sao. Trong những buổi dạo chơi tha hồ mà suy nghĩ. Kể lại những suy nghĩ hội đó cũng hơi khó. Nhưng một điều tôi có thể nói được là hồi đó tôi sống rất hạnh phúc. Nguồn sức mạnh mới đã xuất hiện trong tôi.

Càng ngày tôi càng đi dạo cách nhà xa hơn. Biết tôi hay đi dạo như vậy, người điền chủ có lần trong bữa cơm trưa khuyên ngăn tôi :

— Coi chừng, anh đi vào rừng bạch dương mà không mang theo súng và chó săn có ngày nguy hiểm đấy. Không nói giấu anh, vùng chúng tôi ở nhiều chó sói lắm, mà lại không có người săn bắn. Anh đọc cuốn sách của Brém chưa. Con người am hiểu các loài thú ấy có nhắc đến một đặc tính của chó sói. Anh có biết đó là đặc tính gì không? Tính can rở! Tôi nói thật đấy, loài sói can quấy lắm. Mùa đông chúng mò về các nhà, tìm đến chuồng gia súc bắt cừu, bò; còn chó nhà thì khỏi nói, chỉ cần một chú chó nào mãi nhìn đi đâu một tí là đã bị lũ sói kết liễu ngay. Sói cũng có thể tấn công cả người không có vũ khí.

Tôi cho đấy là câu chuyện đùa, nhưng người điền chủ thì lắc đầu với vẻ trách móc:

— Dù sao anh cũng còn ít tuổi!

Những người nông dân quen tôi cũng kể cho tôi nghe về chuyện chó sói. Tất nhiên họ không nhắc tới Brém, mà nói một cách thẳng thừng:

— Ê-đu-a-đư-trơ (1) này, đi quanh quần nhà thôi. Chỗ hôm qua cậu đi lang thang có nhiều vết chó sói lắm đấy. Coi chừng kéo bầy sói vồ luôn cả cậu với đôi ủng da đấy!

Vì nòng nôi nên tôi bỏ qua những lời khuyên chân tình ấy. Tuy nhiên, tôi quyết định không đi dạo buổi tối như trước nữa, nhưng ban ngày tôi vẫn tiếp tục đi chơi rừng. Có chỗ nào nói tới chuyện chó sói tấn công người ban ngày đâu.

Có một lần, trong lúc dạo chơi tối nhìn thấy vết chân sói trên tuyết. Chúng tranh nhau mồi và

(1) Cách gọi trừu mẫn của Ê-đu-a-đô-vích.

còn để lại một ít lông gà. Kề ra cũng hơi ròn rợn, nhưng mặt trời chói chang, tuyết trắng óng ánh, xung quanh im lặng nên tôi không bận tâm lắm.

Tôi vẫn quen trầm ngâm suy nghĩ, và lững thững đi theo con đường mòn phủ tuyết. Đã đến cánh rừng bạch dương, từ đây không còn nhìn thấy khu nhà người điền chủ và cả cái làng nhỏ bé nữa.

Bên phải con đường là cánh đồng tuyết trắng, còn bên trái là một khu rừng lớn. Một khu rừng im lặng hoàn toàn không nhìn thấy một dấu hiệu nào của sự sống. Thật khó có thể nghĩ rằng ở đâu đó lại có những chú gấu màu nâu xám đang ngủ trong hang. Những con sóc ẩn trong hốc cây và những chú gà lôi lông đen vùi thân dưới tuyết. Còn chó sói thì lại càng không thể nghĩ tới.

Tôi vừa đi vừa hát. Bỗng nhiên, chính tôi cũng không hiểu tại sao, như theo lệnh một người nào đó, tôi ngừng hát. Lời hát như đọng lại ở nơi cổ họng. Nhìn sang bên phải, tụi tôi đáp thành thịch. Cách chỗ tôi đứng không xa, bên bờ suối có một bầy chó sói. Tôi không kịp đếm chúng có bao nhiêu con, nhưng chắc chắn là không phải một vài con mà cả một bầy.

Đứng phía trước là một con chó sói tinh quái trán cao, mắt vàng, nên tôi đoán là con đầu đàn. Tôi có cảm giác đuôi nó thẳng như một thanh củi. Răng nó hơi nhe ra giống như đang cười vì một điều gì không vừa ý, một nụ cười khùng khiếp. Tôi còn kịp thấy đôi răng nanh to, nhọn hoắt và trắng nhờn của nó. Tôi đứng im không nhúc nhích,

nhưng cảm thấy tỉnh táo hơn bao giờ hết. Tôi hiểu rằng tôi không thể chạy thoát được bầy sói. Chỉ cần vài bước nhảy là bầy thú có thể ập tới chỗ tôi và nếu như tôi bỏ chạy bây giờ lại càng làm cho chúng điên lên và càng kêu gọi bản năng dã man sẵn có của chúng.

Về sau này, tôi mới thấy tiếc là trước đây đã không học nghề đi săn. Bỗng tôi nhớ lại một điều đã được nghe từ lâu lắm, là muốn tránh sói phải trèo lên cây. Nhưng ngay lúc đó, tôi đã vứt ngay cái ý nghĩ không thực tế ấy : cây thông gần nhất cách tôi những bốn trăm mét, mà lại phải băng qua một cánh đồng tuyết. Bước sang bên đường là tuyết ngập quá đầu gối rồi.

Tôi cũng chợt nhớ ai đó đã kể lại câu chuyện ngủ trong rừng. Ở đó người ta đốt lửa không cho bầy sói lại gần : sói rất sợ lửa. Nhưng tôi không hút thuốc nên không khi nào mang điếu trong người. Tất cả những cái đó đã vụt qua trong óc tôi chưa đầy một giây. Tôi hầu như không thở. Đôi chân không còn điều khiển được nữa, chỉ có một sức mạnh bên ngoài nào đó mới có thể làm nhúc nhích được. Không hiểu sao bầy sói cũng không chuyển động.

Như người bị thôi miên, tôi không rời mắt khỏi con sói đầu đàn và biết rằng cuộc sống của tôi bây giờ phụ thuộc vào bản năng hung dữ của nó.

Con thú tràn rộng động đậy, giậm chân, nhưng tôi lại nghĩ rằng nó lao về phía tôi. « Thế là hết! ». Tôi nghĩ vậy và nhắm nghiền mắt lại.

Tôi đứng mãi như vậy, nhưng chẳng thấy động tĩnh gì cả.

« Bầy sói di động hay vẫn còn đứng im ? » Tôi nghĩ và chuẩn bị nhận cái chết. Người ta nói : khi chờ đợi cái chết không thể tránh khỏi, trong khoảnh khắc có thể nhìn thấy toàn bộ cuộc sống của mình. Tin chắc rằng những con thú đang đói sẽ xé nát tôi và nhai nghiền ngấu, nhưng tôi lại không nhìn thấy những thước phim quay nhanh của đời mình. Nỗi khủng khiếp và thất vọng vì phải chết lúc còn trẻ, chưa kịp làm gì cả, chưa thực hiện được một suy nghĩ nào của mình, đè nặng lên tôi, làm tôi mù đi hoàn toàn. Tôi có cảm giác là nếu bầy thú rừng không quật ngã tôi thì chính tôi cũng sẽ gục xuống tuyệt mất.

Phải cố gắng lắm tôi mới mở được mắt. Lũ sói vẫn đứng ở đó. Chỉ có con sói đầu đàn thay đổi chỗ và không còn nhe răng nữa. Cái gì đã kìm nó lại ? Tại sao nó không lao ngay tới chỗ tôi. Có thể sự khiếp sợ từ xa xưa đối với con người, thân mang lửa và sắt, đã chi phối hành động của nó chăng ? Ai mà biết được. Tình thế của tôi vẫn không có gì thay đổi. Lần đầu tiên tôi mới hiểu rằng : chờ đợi cái chết còn khủng khiếp hơn chính cái chết và mới biết tại sao những người bị kết án tử hình lại tự tử ngay đêm trước khi ra trường bắn. Và bỗng nhiên một ý nghĩ vụt qua trong óc tôi : « Tại sao, tôi, một con người biết suy nghĩ, chúa tể của thiên nhiên lại có thể bị những con thú man rợ kia ăn thịt nhỉ ? Có lẽ nào, tôi, một con người có tri tuệ, lại đầu hàng không điều kiện, không chống lại được sao ? »

Chẳng phải tổ tiên của tôi đã thuần hóa loài chó họ hàng của chúng đó sao ! Chẳng phải chính loài chó ấy sau này đã phục vụ con người hàng nghìn năm đấy sao ? Chẳng phải chính những con vật họ hàng của chó sói đã bảo vệ những đàn súc vật của chúng ta, rượt bắt mồi, nhào lộn trên sân khấu các rạp xiếc, làm vật thí nghiệm trong các phòng thí nghiệm của chúng ta đó sao ? Đầu hàng bầy sói là hèn nhát, khờ dại và ngu xuẩn ».

Chỉ mới thăm nghĩ tới điều đó, tôi đã cảm thấy có đủ khả năng cử động. Thật ra, tôi cũng chưa tiến thêm được bước nào nhưng tôi đã giậm chân và cử động năm đầu ngón chân bên phải. Sự cử động ít ỏi ấy đã khiến tôi tự tin hơn và gây cho tôi hy vọng rằng tôi sẽ tìm được cách tỏ cho loài vật biết được sự hơn hẳn của loài người.

« Có lẽ ta quát to lên chẳng ? Hay là cúi xuống giả vờ kiểm cục băng hay cành cây vậy ? Hay là kiên quyết tiến về phía bầy sói để biểu thị lòng gan dạ ? »

Còn chưa biết nên làm cái gì thì tôi đã cảm thấy mình khỏe hơn nhiều. Năm tay lại thành hai quả đấm, tôi chuẩn bị tư thế sẵn sàng phản công.

Bầy sói vẫn đứng im như cũ bên bờ suối. Thoạt nhìn tất cả vẫn giữ nguyên như cũ, nhưng tôi biết rất rõ là bây giờ tình thế đã thay đổi theo hướng có lợi cho tôi. Ngay bây giờ tôi sẽ tìm ra lối thoát chắc chắn, thoát khỏi nguy hiểm và cái chính là tôi xứng đáng là một con người.

Giữa lúc đó, một giọng nói Nga, quê mùa và quen thuộc vang lên :



Bầy sói vẫn đứng im như cũ bên bờ suối.

— Mày chết công rồi hử? Muốn ăn roi phải không?

Tôi giật mình quay mặt sang trái, phía con đường mòn tuyết phủ. Gần đó bác Xi-lan-ti cưỡi con ngựa hồng kéo theo chiếc xe chở củi. Con ngựa chậm chạp bước đi, còn Xi-lan-ti thì luôn miệng quát, nhưng con ngựa dường như đã quen với lối hăm dọa của bác ta.

Tôi liếc mắt về phía bầy sói. Bọn thứ không còn nữa, giống như một cơn gió mạnh nào đó đã cuốn chúng đi. Thậm chí tôi đã nghĩ rằng: đó không phải là những con sói có thật, mà là một trò đùa của trí tưởng tượng, một ảo ảnh hay « sự mê tín », giống như bác Xi-lan-ti thường nói.

Băng qua bãi tuyết ngập quá đầu gối, tôi vội vã tiến về phía bờ suối nơi lũ sói vừa đứng. Lội trong tuyết quả là vất vả. Mới đi được mấy bước mà đã nóng ran cả người, nhưng tôi vẫn bướng bỉnh bước tiếp. Nhất thiết phải tìm cho được dấu vết của bầy sói.

Hầu như trườn trên tuyết, tôi đã mò tới bờ suối. Trên lớp tuyết trắng mịn còn in rõ những vết chân sói vừa mới đi qua. Đường vết chân sói kéo dài đến bờ suối và lẫn vào bụi hồ đào rậm rạp. Tôi sờ lên trán mình, thấy đầu hơi nóng và đầy mồ hôi. Không dừng lại chỗ lũ sói vừa đứng, tôi trở lại con đường mòn, bác Xi-lan-ti đã chờ tôi ở đó. Giọng bác lộ rõ vẻ thông cảm.

— Làm gì ở đây thế cậu Ê-đu-a-đư-trơ, nhào tuyết đấy à? Ngồi xuống đây tôi đưa về nhà.

Tôi thàn cảm ơn con người tốt bụng và ném người xuống đồng cỏ khô thơm nồng và khi đã

nằm trên xe cũi tôi mới thấy mét bã người. Con ngựa hồng nhắm nhắm bước đi.

— Thật vô ích mà đi van nài loài ngựa bất kham này! — Bác Xi-lan-ti thở dài, nói về con ngựa của mình.

Tôi im lặng không nói gì về bầy sói, về sự nhát gan, về những suy nghĩ vừa rồi của mình.

Sau lễ giáng sinh, tôi từ giã nhà người điền chủ và không kể lại với một ai về câu chuyện gặp chó sói.

Xi-ôn-cốp-xki im lặng. Tôi hỏi

— Côn-xtan-tin E-đu-a-đô-vích, sau này bác không gặp lại lũ chó sói lần nào nữa chứ?

— Loại bốn chân thì tôi không gặp lại nữa.

ĐƯỜNG CÁI LỚN BÔ-RỐP-XCƠ

Không hiểu sao hôm nay trông Xi-ôn-cốp-xki hơi buồn. Tôi lo lắng hỏi.

— Bác mệt hay sao thế bác Côn-xtan-tin E-đu-a-đô-vích? Có thể tu hoãn lại buổi khác?

— Không, sao lại thế? Tôi đang nghĩ về quá khứ đấy. Mỗi lần nhìn lại những ngày đã qua, tôi đều cảm thấy có cái gì hơi buồn buồn. Những cái đã qua không bao giờ trở lại.

Khi trưởng thành, chim non sẽ rời tổ. Khi đã chín, quả dễ tách khỏi cành. Trong vũ trụ bao la cũng như vậy. Trước đây sao Mộc, sao Hỏa, trái

đất đã tách khỏi mặt trời; mặt trăng tách khỏi trái đất...

Tôi bỏ nhà bố mẹ ra đi vào mùa đông 1880. Giữa mùa đông trời hửng nắng, tuyết âm và trở nên dẻo như bột, nếu muốn, có thể nắn thành những pháo đài hay quả cầu lớn. Những chú chim sẻ thì nhau hót liu lo. Trên đường phố gần nhà Trúp-ni-cốp, nơi bố tôi đã sống, bọn trẻ con đập một người tuyết, giống như con búp bê khổng lồ. Thay hai mắt, chúng nhét luôn hai cục than đen, còn đôi môi thì bằng củ cải đỏ. Nghe qua cửa sổ, tôi ngắm nhìn thẳng người tuyết và nghĩ.

« Khi còn bé mình không nghịch như vậy. Nặng thỏ và cừu hay hơn nhiều. Có một lần mình đã nặn một con hươu, mình lấy hai cành khô cắm vào thay cho đôi sừng. Bây giờ đã là người lớn rồi ».

Những tháng cuối cùng ở Ri-a-dan, suốt đêm tôi đều ngồi viết những vấn đề về thiên văn, tính quỹ đạo của các hành tinh, đánh dấu những hòn đảo và quần đảo của đại dương giữa các hành tinh. Tôi đã nghĩ ra một thiết bị bay có khả năng thắng sức hút của trái đất. Lý thuyết chuyển động đã choán hết thời gian của tôi. Tôi đã suy nghĩ về những ví dụ đơn giản trong cuộc sống. con cá chim bơi nhanh hơn cá vược, chim sẻ bay nhanh hơn bọ hung, chim câu bay nhanh hơn chim sẻ, còn điều hầu lai còn nhanh hơn bồ câu nhiều.

Từ những ví dụ đó chuyển sang những chuyển động trong khoảng không giữa các hành tinh với những quy luật khác hẳn. Lẽ ra đã phải chuẩn bị lên đường, nhưng tôi vẫn mãi mê với mấy

quyền sách về thiên văn. Tuy vậy, tôi vẫn nhớ đến ngày phải ra đi.

Chiếc giấy chứng nhận tốt nghiệp của Bộ Giáo dục đang nằm gọn trong túi tôi, tôi phải đến dạy học ở Bô-rốp-xcơ. Tôi đoán rằng có lẽ cuộc sống sẽ gặp nhiều khó khăn. Sáng dạy học để kiếm miếng ăn, còn chiều và đêm sẽ làm việc cho mình, tính toán, vẽ tìm đường tới các vì sao. Nếu thiếu những công việc tìm tôi đó thì cuộc sống của tôi chẳng còn ý nghĩa gì nữa.

À, tôi còn quên chưa nói... Bác thợ may đầu hói, tay dài đo may cho tôi chiếc áo khoác đồng phục lúc thì gọi tôi là « ngài Xi-ôn-cốp-xki », lúc thì « Côn-xtan-tin E-đu-a-đô-vích » (1). Nghe không quen, tôi thấy hơi buồn cười. Cần nói thêm là chiếc áo khoác đồng phục ấy của tôi là chiếc đầu tiên nhưng cũng là chiếc cuối cùng. Nói đúng hơn đó là cái áo khoác duy nhất trong đời tôi. Tôi kiếm được cái áo ấy là nhờ tiền của ông bố. Trong buổi tiễn biệt ấy, bố tôi hơi mệt và có phần cáu kỉnh. Đi đi lại lại trong phòng, bố tôi bảo :

— Giao du với mọi người con nên cẩn thận, nhất là với bọn người xu nịnh. Họ không thành thật với ai đâu.

Tuổi trẻ vốn ích kỷ, tôi nghe bố tôi một cách lơ đãng mà chỉ nghĩ về công việc của mình. Nổi vui mừng đang tràn ngập trong lòng, nhưng tôi không muốn nói điều đó, sợ bố tôi lại cho là tôi

(1) Khi tỏ ý kính trọng một người nào đó thì gọi cả tên và tên đệm theo tên bố.

muốn nhanh chóng thoát khỏi ngôi nhà thân thuộc. Cùng với nỗi vui mừng, tôi cảm thấy khá rõ nỗi cay đắng phải sống xa những người thân thích, nhất là phải từ giã bố tôi.

Chúng tôi đã thỏa thuận thuê chiếc xe ngựa có mui từ ngày hôm trước. Lẽ ra bác đánh xe đã phải có mặt ở trước thềm nhà. Bác Ca-chi-a và cô bé Ma-sa mười hai tuổi, em gái tôi, đã chuẩn bị khá chu đáo cho tôi lên đường. Họ làm đủ loại bánh. Ma-sa còn nhường cho tôi cả một giỏ nấm.

Nhìn khỏe mắt bác Ca-chi-a và Ma-sa, tôi có thể thấy được nỗi ngạc nhiên của họ về sự lãnh đạm của tôi đối với những đồ dùng lặt vặt. Tôi chỉ chuẩn bị một số sách vở và bản vẽ qui.

Cuối cùng thì chiếc xe ngựa đã xuất hiện trước cổng.

— Ta ngồi một tí trước khi lên đường ! — Bố tôi nói. Giọng của ông hơi run run.

Tôi muốn gục vào ngực bố tôi, và như hồi còn bé, giấu mặt dưới bộ râu rậm mà bây giờ đã điểm bạc của người.

Chúng tôi ngồi xuống. Ma-sen-ca (1) nước mắt lưng tròng gục đầu vào vai tôi. Bác Ca-chi-a không gục đầu, nhưng tôi hiểu rằng khó khăn lắm bác mới kìm được không khóc thành tiếng. Nuốt nước mắt, bà chạy đến chỗ chiếc hòm lớn và lấy ra chiếc ảnh đức mẹ :

— Cô-xten-ca này ... Ảnh đức mẹ... sự cầu nguyện của người mẹ, không cháy trong lửa, không chìm trong nước.

(1) Tên gọi âu yếm của Ma-sa.

Tôi rất không muốn làm phiền lòng bác Ca-chi-a hiền dịu, nhưng tôi vẫn phải nói :

— Cháu không tin đâu. Bác cho cháu cái này để mà làm gì cơ chứ? Nó chẳng qua là...

Bác im lặng, nhưng lại chậm chạp đi về phía chiếc hòm gỗ và trang trọng lấy ra một gói nhỏ :

— Đây là thìa và đĩa bạc... Kỷ niệm của mẹ cháu đấy...

Và lần này tôi cũng phản đối :

— Bác biết đấy, cháu vẫn ăn bằng thìa gỗ. Cháu không cần bạc đâu. Cái đó có lẽ có ích cho bác hơn. Còn kỷ niệm về mẹ cháu thì cháu luôn giữ ở trong tim.

Bác ấy không kìm được nữa mà òa lên khóc. Bố tôi ôm lấy tôi. Giọng nói của ông như bị nghẹn lại.

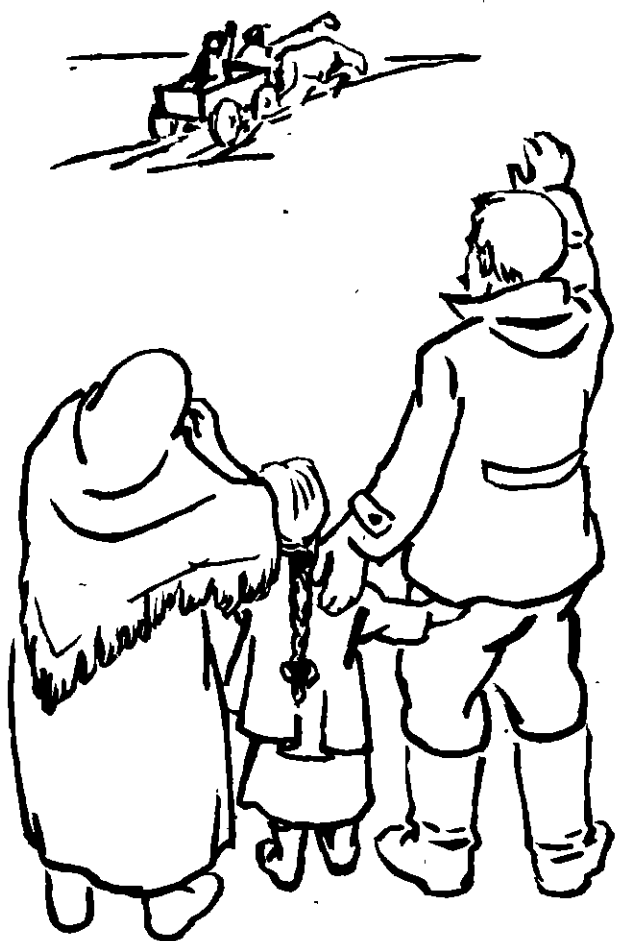
— Vĩnh biệt con ! Biết đâu bố con ta sẽ không còn được gặp lại nhau. Hãy giữ lấy danh dự từ khi còn nhỏ.

Ma-sen-ca niu chặt lấy tôi và không chịu buông. Gỡ tay cô em gái, tôi vội vã bước ra xe. Chiếc xe từ từ lăn trên con đường gập ghềnh.

Không mặc áo khoác, bố tôi, bác Ca-chi-a và Ma-sen-ca đứng trên vỉa hè nhìn theo. Bố tôi và em gái tôi vẫy tay, còn bác Ca-chi-a thì làm dấu cầu phước lành cho tôi.

Ánh nắng mùa đông rọi xuống mặt đường. Dưới chân ngựa, tuyết tan bắn tung tóe. Thằng người tuyết có bộ mặt khá lạ lùng, dường như chính hắn cũng tham gia tiễn chân tôi...

Xi-ôn-cốp-xki ngoảnh lại nhìn. Những người trong gia đình vẫn còn đứng ở đó. Có lẽ họ muốn



Những người trong gia đình vẫn còn đứng đó.

chờ cho đến khi nào chiếc xe chở người thân của họ khuất hẳn mới trở về nhà. Xi-ôn-cốp-xki bỗng nghĩ đến câu nói vừa rồi của ông bố. Tại sao ông lại nói: « Có thể bố con ta sẽ không gặp lại nhau »?

Không thể được! Nhất định bố con ta sẽ còn gặp lại nhau. Kỳ nghỉ hè đầu tiên nhất định mình sẽ trở lại Ri-a-dan, sẽ mua tặng phẩm cho bố, cho Ma-sen-ca và bác Ca-chi-a. Thậm chí Xi-ôn-cốp-xki còn dự tính sẽ đem về tặng ông bố chiếc bao kính mới. Bố không hề ý rằng chiếc bao kính của người đã quá cũ rồi. Ở Bò-rốp-xcơ, một thị trấn gần sát Mát-xcơ-va, chắc sẽ tìm được chiếc bao kính đẹp bằng da. Chắc bố mình sẽ rất mừng. Còn đôi bím tóc đuôi sam của Ma-sen-ca cũng đã khá dài, nên mua cho nó mấy sợi dây buộc tóc. Thế còn bác Ca-chi-a thì mua cái gì được?

Dưới chân ngựa, nước tuyết tan vẫn bắn lên tung toé. Bỗng nhiên Xi-ôn-cốp-xki nhớ lại cũng một ngày nắng ấm ở Ri-a-dan, cậu bé Cò-xchi-a lúc đó mới lên chín...

Ngoài cửa sổ cái gì đó rơi tí tách, còn trong phòng chiếc đồng hồ tích tắc không biết mệt.

Cậu bé không tài nào ngủ nổi và buộc phải nghe những âm điệu bí ẩn đó trong đêm.

« Đấy, cả nhà đang ngủ, tất cả thành phố cũng đang ngủ, chỉ có một mình mình là hai mắt vẫn mở thao láo. »

Chỉ có cậu bé mới nghĩ thế. Gần đó, tiếng mõ của người gác đêm ở nhà thờ Ác-khan-ghen-xki vẫn điềm hồi, nghĩa là người gác đêm cũng không ngủ.

Còn người chở phà trên sông Tru-be-gia thì sao? Anh ta cũng không được phép ngủ. Người bác sĩ trực ở bệnh viện rõ ràng cũng không ngủ. Và người lính chữa cháy vẫn in bóng trên tháp canh. Những người đánh xe đêm cũng không ngủ. Đấy, thì ra có biết bao người không ngủ.

Bỗng nhiên, vang lên tiếng đập cửa thô bạo làm cậu bé giật mình vì bất ngờ và sợ sệt chúi đầu vào chần.

Tiếng đập cửa lặp lại càng mạnh và kiên quyết hơn. Không còn nghi ngờ gì nữa : người ta đập cửa nhà Xi-ôn-cốp-xki. Cô-xchi-a tung chần và thả chân xuống chiếc thảm rách. Người ta vẫn đập thình thịch vào cánh cửa.

Bác Ca-chi-a cầm chiếc đèn dầu hỏa đi về phía cửa.

— Ai đấy? — Bác ấy hỏi, giọng giận dữ.

— Mở cửa ngay!

— Thế các ông là ai? Kẻ cướp thì người ta không cho vào nhà đâu.

Ngoài cửa im ắng một lát.

Sau đó, giọng the thé quen thuộc của ông hàng xóm lâu lâu chen vào :

— Bác Ca-tê-ri-na I-va-nốp-na, có bưu phẩm khăn. Tôi đến với người đưa thư. Đấy, người ta cũng dựng cả tôi dậy nữa...

Cậu bé Cô-xchi-a sợ sệt nép sau cánh cửa buồng ngủ. Từ trong bóng tối, ông bố đã xuất hiện. Ông không kịp đeo kính, khoác vội chiếc áo rộng mặc trong nhà :

— Chúng tôi biết những bưu phẩm khăn đó rồi...

Giọng ông vang lên không thiện chí và có vẻ mỉa mai. Kéo chiếc then cái, ông mở toang cánh cửa :

— Xin mời ! Các ngài đã chọn đúng lúc quá ư thích hợp đến thăm chúng tôi.

Cô-xchi-a rất đỗi ngạc nhiên, hai tên mặt thám đã xộc vào cửa trước cùng với một tên cảnh sát và ông già hàng xóm. Tên cảnh sát giới thiệu ông ta là người làm chứng.

Lần đầu tiên cậu bé mới nghe thấy từ « người làm chứng », nên cậu chưa hiểu ý nghĩa của nó. Nhưng từ « lục soát » thì không còn nghi ngờ gì nữa.

Bác Ca-chi-a đặt chiếc đèn dầu lên bàn và bỏ đi, nhưng rồi bà trở lại với chiếc đèn để bàn to hơn. Cô-xchi-a ngạc nhiên trước sự thay đổi của ông bố. Ông đã đeo kính, chải râu và mặt ông đã trở nên kiêu hãnh, thậm chí có phần nào tự đắc. Cậu bé rất thú vị một điều là bố cậu không những không chút sợ hãi những người khách đêm, mà còn lộ rõ vẻ khinh bỉ chúng. Và ông nói đồng dục như đang đọc sách

— Xin các ngài lưu ý rằng : tôi thuộc dòng họ quý tộc. Ngày mai, tôi sẽ nộp đơn kháng cáo về vụ khám đêm này. Và sự quá sốt sắng của các ngài sẽ phản lại chính các ngài đấy !

Bọn mặt vụ im lặng.

Bà mẹ tức giận, đã xuất hiện ở cửa phòng :

— Xin các ngài nói nhỏ một chút. — Bà yêu cầu, — Trẻ con đang ngủ. Chỉ có ở nước Nga mới có những hành động dã man như thế này.

Bọn mặt vụ lạng lẽ lục soát. Người làm chứng không biết nhìn vào đâu.

Ông bố giả bộ nhả nhặn nói và Cô-xchi-a hiểu đó là sự nhạo báng :

— Không loại trừ khả năng có súng đạn giấu trong đồng củi ở ngoài sân đâu.

Cô-xchi-a bây giờ đã hiểu tất cả và thấy mừng thầm trong bụng : bác Da-pôn-xki vượt ngục đã trốn ở nhà Xi-ôn-cốp-xki gần một tuần vừa mới đi Pé-téc-bua hôm qua. Nghĩa là bọn mặt vụ đã đến chậm, đã bỏ lỡ thời cơ rồi. Bà mẹ phát hiện ra Cô-xchi-a :

— Thằng này dừng đây làm gì? Giày dép đâu mà lại đi đất thế? Vào giường ngay !

Cậu bé bỏ đi nhưng vẫn chú ý nghe. Chỉ còn lại giọng trầm trầm của ông bố :

— Tập báo bí mật « Tiếng chuông » ở sau ảnh đức mẹ trên đầu giường bà chị vợ tôi. Còn những người tù vượt ngục thì họ nấu trên trần nhà kia kia. Trèo lên đó thì cẩn thận một chút. Bất thành linh họ có thể ném chiếc xích tay vào đầu thì khốn đấy !

Cuối cùng một tên mặt thám không chịu nổi :

— Ngài Xi-ôn-cốp-xki, xin ngài bỏ cái lối đùa không đúng lúc ấy đi cho. Tốt nhất ngài nên thay quần áo khác đi. Có lẽ ngài buộc phải theo chân chúng tôi.

— Bắt giam à ? — Thậm chí ông bố còn tỏ ra mừng rỡ. — Thế mới đúng với phong tục của một đất nước lịch thiệp chứ : đêm tối đột nhập vào nhà riêng người ta, lục lọi lung tung và bắt giam người vô tội.

Bà mẹ òa lên khóc.

— Ma-sa, bình tĩnh nào ! Sáng mai anh sẽ trình với ngài thiếu tá cảnh sát và rồi em sẽ thấy ông ta làm nguội bót lòng hăng hái của các ngài này cho mà xem. Trời ơi, chúng ta ở nước Nga, chứ có phải ở nước Thổ Nhĩ Kỳ đâu !

Bọn cảnh sát đưa ông bố về đồn. Sáng hôm sau ông đã trở về nhà trước bữa cơm sáng.

Từ ngoài cửa ông đã báo tịn :

— Viên thiếu tá làm bộ không hay biết gì về việc người ta bắt giam tôi. Xin lỗi. — Và ông hạ thấp giọng, nói thêm. — Còn Da-pôn-xki của chúng ta chắc đã đi trên đường phố Nép-xki (1) rồi !

Có-xchi-a được phép đi chơi. Ngoài sân, trời cũng nắng như hôm nay, chim sẻ cũng hót ltu lo...

Chiếc xe ngựa nghiêng về một bên. Đường phố ngoặt sang trái. Xi-ôn-cốp-xki nhìn lại lần cuối cùng. Không còn nhìn thấy những người thân và ngôi nhà quen thuộc nữa.

Đối với Xi-ôn-cốp-xki, tất cả cuộc sống đang chờ ở phía trước.

*Dịch từ nguyên bản tiếng Nga
của Nhà xuất bản văn học thiếu nhi Mát-xcô-va 1967.*

(1) Nép-xki : đường phố lớn nhất ở Pétéc-bua (bây giờ đổi là Lê-nin-grát).

TÓM
TẮT
NỘI
DUNG

Côn-xtan-tin E-đi-a-dô-vích Xi-ôn-cốp-xki
(1857-1935), sinh tại nước Nga.

Năm mười sáu tuổi, Xi-ôn-cốp-xki được
gia đình cho lên Mát-xcơ-va học, mặc dù hoàn
cảnh khi đó rất thiếu thốn. Xi-ôn-cốp-xki đã phải
sống một quãng đời rất chật vật, chỉ với bánh mì
đen và nước lã, nhưng vẫn nghiên cứu toán cao
cấp làm các thí nghiệm vật lý, hóa học v.v

Sau đó, Xi-ôn-cốp-xki trở thành giáo viên dạy
toán ở một trường vùng Ca-lu-ga và bắt đầu sự
nghịệp phát minh về các lĩnh vực tên lửa, u hành
vũ trụ.

Xi-ôn-cốp-xki được suy tôn là « Ông to của
ngành du hành vũ trụ ».

Vô cùng khiêm tốn và giản dị, Xi-ôn-cốp-xki
là một tâm gương sáng trong học tập và cuộc sống